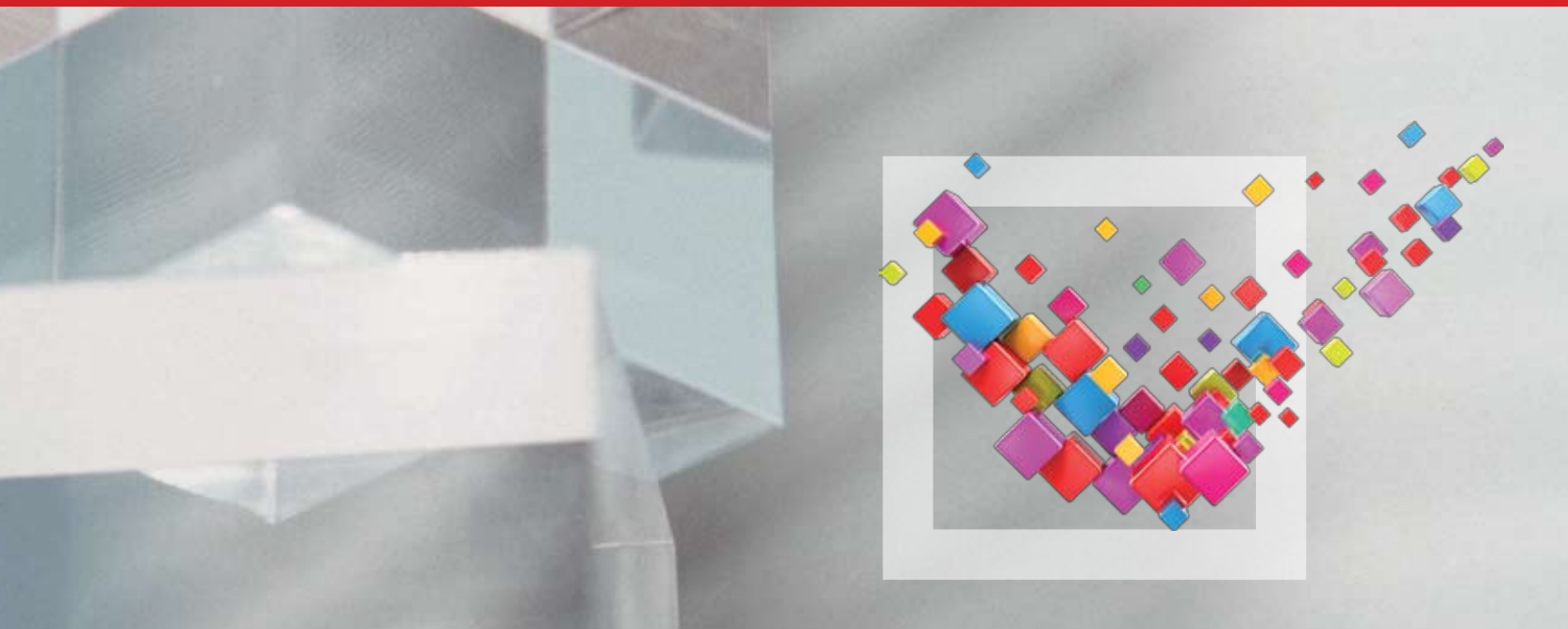


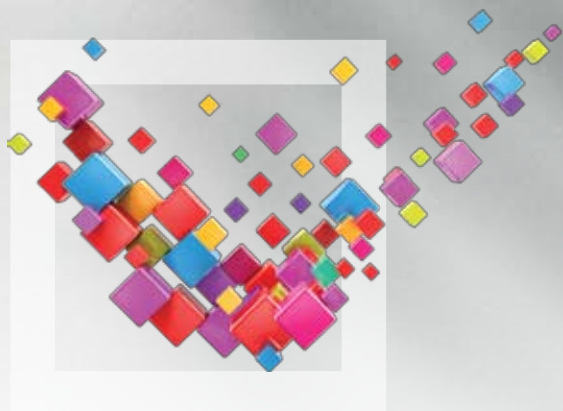
**MARITIME
BANK**



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
2012



	THƯ NGỎ CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
	THÔNGIỆP CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC
8	LỊCH SỬ XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN
	- NGÀY THÀNH LẬP
	- LĨNH VỰC HOẠT ĐỘNG
	- QUÁ TRÌNH PHÁT TRIỂN
	- ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN
10	BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ HỘI ĐỒNG ĐIỀU HÀNH
	- TÓM TẮT TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG NĂM 2012
	▶ TỔNG QUAN VỀ TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH
	▶ HOẠT ĐỘNG HUY ĐỘNG VỐN
	▶ HOẠT ĐỘNG TÍN DỤNG
	▶ CÁC HOẠT ĐỘNG KINH DOANH KHÁC
	▶ PHÁT TRIỂN SẢN PHẨM
	▶ PHÁT TRIỂN MẠNG LƯỚI
	▶ DỊCH VỤ KHÁCH HÀNG
	▶ ĐẦU TƯ CÔNG NGHỆ
	▶ VẬN HÀNH
	▶ QUẢN TRỊ RỦI RO
	▶ PR VÀ PHÁT TRIỂN THƯƠNG HIỆU
	▶ HOẠT ĐỘNG XÃ HỘI
	- KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG NĂM 2013
30	CƠ CẤU TỔ CHỨC, NHÂN SỰ VÀ QUẢN TRỊ NHÂN LỰC
	- SƠ ĐỒ TỔ CHỨC
	- NHÂN SỰ CỦA CÁC HỘI ĐỒNG, BAN
	▶ HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
	▶ BAN KIỂM SOÁT
	▶ HỘI ĐỒNG ĐIỀU HÀNH
	- CHI TIẾT VỀ MỘT SỐ CỔ ĐÔNG LỚN
	- ĐƯỜNG LỐI QUẢN TRỊ NHÂN LỰC
48	THÀNH TÍCH VÀ GIẢI THƯỞNG
50	NHỮNG SỰ KIỆN ĐÁNG CHÚ Ý
52	BÁO CÁO TÀI CHÍNH
98	MẠNG LƯỚI GIAO DỊCH



THƯ NGỎ CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Bước sang năm 2012, hoạt động ngân hàng vẫn tiếp tục chịu sự tác động của khủng hoảng kinh tế toàn cầu dẫn đến sự tăng trưởng chậm, suy giảm lợi nhuận và tỷ lệ nợ xấu ngày càng cao. Trong bối cảnh đó, Hội đồng Quản trị (HĐQT) Maritime Bank đã xác định năm 2012 là giai đoạn tập trung vào mục tiêu: bảo đảm tỷ lệ an toàn hoạt động, tăng cường năng lực quản trị điều hành, triển khai các mô hình kinh doanh theo định hướng chiến lược và tiếp tục hoàn thiện cơ cấu tổ chức để tạo ra sự khác biệt về chất thay vì chỉ hướng vào quy mô tổng tài sản, tăng trưởng tín dụng như những năm trước đây.

Để thực hiện các mục tiêu nêu trên, HĐQT Maritime Bank đã chỉ đạo triển khai đồng bộ các giải pháp, áp dụng nhiều quyết sách nhanh nhạy phù hợp với chính sách của Ngân hàng Nhà nước (NHNN) và thực tế thị trường.

Kiên trì thực hiện các mục tiêu đề ra bằng sự nỗ lực, cố gắng không ngừng của HĐQT cùng toàn thể CBNV, năm 2012, Maritime Bank đã đạt được những kết quả khả quan như: Quy mô tổng tài sản đạt 109.923 tỷ đồng; Tổng thu nhập hoạt động đạt 2.619 tỷ đồng (tăng 9% so với năm 2011); Lợi nhuận trước dự phòng rủi ro tín dụng và dự phòng rủi ro

khác đạt 1.005 tỷ đồng; Bảo đảm khả năng thanh khoản và các tỷ lệ an toàn hoạt động theo quy định của NHNN; Hoàn thành tốt công tác phục vụ thanh tra định kỳ và nhận được sự đánh giá tích cực của NHNN; Luôn duy trì chính sách lương, chế độ đãi ngộ nhằm bảo đảm quyền lợi thỏa đáng cho người lao động trong bối cảnh rất nhiều doanh nghiệp trong nước phải thu hẹp quy mô, cắt giảm nhân sự; Uy tín, thương hiệu của Maritime Bank ngày càng được khẳng định trên thị trường tài chính ngân hàng.

Ngoài ra, với chỉ số tín nhiệm cao, Maritime Bank đã vinh dự được NHNN công nhận là một trong các ngân hàng thuộc nhóm 1 và được trao tặng nhiều danh hiệu, giải thưởng cao quý bởi cơ quan quản lý Nhà nước, báo chí và cộng đồng doanh nghiệp.

Bước sang năm 2013, dự đoán, nền kinh tế vẫn còn nhiều khó khăn, bất ổn. Trên cơ sở phân tích các kết quả đạt được trong năm qua và các dự báo về kinh tế vĩ mô, HĐQT đã chủ động xây dựng Định hướng chiến lược cho giai đoạn 2013-2015, được coi là kim chỉ nam cho hoạt động của Maritime Bank trong tương lai. Với Định hướng chiến lược này, Maritime Bank hướng đến mục tiêu trở thành một trong những ngân hàng TMCP hàng đầu Việt Nam. Tuy nhiên, thay vì việc phát triển theo mô hình



Ngân hàng có quy mô tổng tài sản lớn nhất, Maritime Bank sẽ lựa chọn tiêu chí trở thành **“Ngân hàng hoạt động hiệu quả nhất”**; thay vì tập trung cạnh tranh về giá, Ngân hàng sẽ chú trọng tạo nên **“sự khác biệt hóa”**. Cũng theo định hướng này, Maritime Bank sẽ tập trung vào phân khúc khách hàng cá nhân, khách hàng doanh nghiệp vừa và nhỏ.

Mặc dù còn rất nhiều công việc phải thực hiện phía trước, đòi hỏi sự cố gắng hơn nữa của mỗi thành viên trong tập thể Maritime Bank, nhưng tôi tin tưởng rằng, với định hướng chiến lược đúng đắn, Maritime Bank sẽ vượt qua thách thức để tiếp tục thành công, hoàn thành xuất sắc kế hoạch năm 2013.

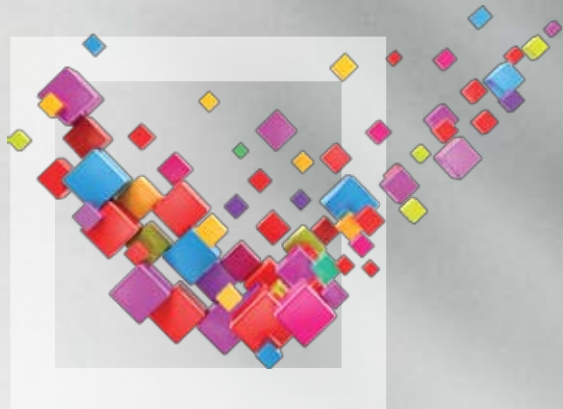
Thay mặt HĐQT, tôi xin gửi lời cảm ơn chân thành và chúc sức khỏe tới toàn thể Quý vị Cổ đông, Khách hàng, Đối tác cùng toàn thể các Cán bộ nhân viên đã

luôn sát cánh cùng sự phát triển của Maritime Bank, tạo tiền đề vững chắc để Ngân hàng tiếp tục vươn lên trong những năm sắp tới.

Trân trọng!

CHỦ TỊCH HĐQT

TRẦN ANH TUẤN



THÔNG điệp CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

Năm 2012 là một năm khó khăn của nền kinh tế thế giới: Châu Âu phải chống chọi với rủi ro vỡ nợ công từ những nền kinh tế suy yếu trong khu vực đồng tiền chung Châu Âu; Mỹ phải tạm hoãn một số quyết định chính trị cần thiết trong việc xử lý vấn đề vách đá tài khóa; Tốc độ tăng trưởng của Trung Quốc chậm lại, chỉ đạt 7.5%; Tỷ lệ tăng trưởng toàn cầu giảm sút và tỷ lệ thất nghiệp, đặc biệt với lao động trẻ, tăng cao khắp nơi trên toàn thế giới. Xét về phương diện điều hành, lãi suất tiếp tục giảm bởi các ngân hàng trung ương nỗ lực hết sức để vực dậy tăng trưởng. Việt Nam cũng không tránh khỏi những ảnh hưởng từ các vấn đề của nền kinh tế thế giới. Về mặt tích cực, tỉ giá được duy trì ổn định, lãi suất tiếp tục giảm và thanh khoản dồi dào với các ngân hàng có mức tăng tiền gửi tốt. Tuy nhiên, tăng trưởng xuất khẩu giảm, nợ xấu tăng cao và cầu nội địa yếu đã làm cho tỷ lệ tăng trưởng tín dụng giảm

đáng kể. Các điều kiện kinh tế vĩ mô trong nước và quốc tế đã tạo ra những thách thức lớn cho ngành ngân hàng Việt Nam.

Maritime Bank cũng không tránh khỏi những ảnh hưởng từ môi trường đầy thách thức này. Tuy vậy, tỉ lệ an toàn vốn của chúng tôi vẫn duy trì ở mức tốt là 11.93% trong năm 2012. Ngân hàng vẫn tiếp tục thúc đẩy, tăng cường hoạt động phân phối sản phẩm. Chúng tôi đã đưa ra những sản phẩm mới như thẻ tín dụng, cho vay tiêu dùng thế chấp bất động sản, bán chéo sản phẩm bảo hiểm cho khách hàng cá nhân, các sản phẩm cho vay với lãi suất ưu đãi MFloater, MFlex cho khách hàng doanh nghiệp lớn và khách hàng doanh nghiệp vừa và nhỏ. Các quy trình quy định về quản lý rủi ro được tăng cường cải thiện ở tất cả các mảng rủi ro tín dụng, rủi ro thị trường và rủi ro hoạt động. Thêm vào đó, Ngân hàng tiếp tục đầu tư vào công nghệ và quy trình để cải thiện sản phẩm và nâng cao hiệu quả hoạt



động. Cán bộ nhân viên của chúng tôi đã có được hơn 6.700 giờ đào tạo, tập huấn. Chúng tôi cũng đã khởi tạo chương trình Risk Academy để tổ chức các khóa đào tạo cụ thể về quản lý rủi ro.

Trong những năm tới, trọng tâm ưu tiên của Maritime Bank sẽ là: Thứ nhất, chúng tôi sẽ tăng huy động tiền gửi với mức chi phí hợp lý thông qua các sản phẩm và mô hình chi phí phù hợp; Thứ hai, chúng tôi sẽ tập trung nâng cao hơn nữa hiệu suất quản lý vận hành kinh doanh; Thứ ba, chúng tôi sẽ tăng tỉ lệ thu nhập từ phí trong tổng doanh thu; Thứ tư, chúng tôi sẽ giảm tỉ lệ nợ xấu (NPL) trong toàn bộ danh mục; Và cuối cùng, chúng tôi sẽ đảm bảo rằng những khoản tín dụng mới sẽ có chất lượng tốt. Mục tiêu dài hạn của chúng tôi trong những năm tới là

đưa Maritime Bank trở thành một trong những ngân hàng thương mại cổ phần hàng đầu Việt Nam, một ngân hàng sẽ đem lại giá trị cho tất cả các bên: Khách hàng, Cổ đông, Cán bộ nhân viên, Cơ quan kiểm soát và cả cộng đồng.

TỔNG GIÁM ĐỐC

ATUL MALIK

LỊCH SỬ XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN

Ngày thành lập

Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam (Maritime Bank) chính thức thành lập theo giấy phép số 0001/NH-GP ngày 08/06/1991 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam. Ngày 12/07/1991, Maritime Bank chính thức khai trương và đi vào hoạt động tại Thành phố Cảng Hải Phòng, ngay sau khi Pháp lệnh về Ngân hàng Thương mại, Hợp tác xã Tín dụng và Công ty Tài chính có hiệu lực.

Lĩnh vực hoạt động

Lĩnh vực kinh doanh của Maritime Bank là hoạt động kinh doanh tiền tệ, tín dụng và các dịch vụ tài chính, tiền tệ, ngân hàng... được quy định trong Giấy phép thành lập và hoạt động của Maritime Bank, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và tuân thủ các quy định của Luật Các tổ chức tín dụng, các quy định hiện hành có liên quan của pháp luật nhằm phục vụ cho các đối tượng khách hàng theo đúng chiến lược kinh doanh đã đề ra.

Quá trình phát triển

2012	✓ Vốn điều lệ: 8.000 tỷ đồng ✓ Tổng tài sản: gần 110.000 tỷ đồng ✓ Mạng lưới hoạt động: 216 điểm giao dịch
2010	✓ Thay đổi toàn diện định hướng kinh doanh, hình ảnh thương hiệu, đường hướng hoạt động táo bạo, hiện đại ✓ Vốn điều lệ 5.000 tỷ đồng, tổng tài sản hơn 100.000 tỷ đồng ✓ Gần 140 điểm giao dịch và 28 chi nhánh trên toàn quốc
2005	✓ Lấy lại trạng thái cân bằng sau cuộc khủng hoảng tài chính tiền tệ Châu Á và phát triển mạnh mẽ từ năm 2005 ✓ 16 điểm giao dịch
1991	✓ Thành lập và chính thức đi vào hoạt động. ✓ Vốn điều lệ: 40 tỷ VNĐ ✓ 24 cổ đông ✓ Phát triển một vài chi nhánh tại các tỉnh thành lớn như Hải Phòng, Hà Nội, Quảng Ninh, TP. HCM



Định hướng phát triển

TẦM NHÌN

Trở thành một trong những ngân hàng thương mại cổ phần hàng đầu Việt Nam

SỨ MỆNH

- ☑ Cung cấp đa dạng các sản phẩm và dịch vụ tài chính với chất lượng tốt nhất theo nhu cầu thực tế của Khách hàng;
- ☑ Tạo dựng môi trường làm việc chuyên nghiệp với nhiều cơ hội phát triển sự nghiệp cho Cán bộ nhân viên;
- ☑ Đem lại lợi ích bền vững cho Cổ đông thông qua việc tập trung triển khai chiến lược kinh doanh mới dựa trên các chuẩn mực quốc tế và phù hợp với quy định Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;

GIÁ TRỊ CỐT LÕI

Tạo lập và gia tăng giá trị bền vững!

✓ BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ HỘI ĐỒNG ĐIỀU HÀNH



✓ TÓM TẮT TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG NĂM 2012

Tổng quan tình hình tài chính

Trong năm 2012, tình hình kinh tế thế giới tiếp tục biến động phức tạp, thương mại sụt giảm, tăng trưởng thấp. Tại Việt Nam, việc thực thi chính sách thắt chặt tiền tệ để kiểm soát lạm phát là cần thiết nhưng đồng thời cũng kéo theo hệ quả là cầu nội địa giảm, hàng tồn kho lớn, các doanh nghiệp gặp khó khăn trong sản xuất kinh doanh. Đối với hoạt động tài chính ngân hàng, năm vừa qua là năm toàn hệ thống phải đối mặt với áp lực đảm bảo khả năng thanh khoản, giảm lãi suất huy động, tăng trưởng tín dụng trong quy mô hạn hẹp, xử lý nợ xấu và tái cơ cấu tổ chức để tăng cường năng lực cạnh tranh.

Trong điều kiện đó, điểm sáng đầu tiên trong hoạt động kinh doanh của Maritime Bank năm 2012 là vẫn duy trì được tổng thu nhập hoạt động tương đương như năm trước. Cụ thể, tổng doanh thu từ hoạt động của Maritime Bank trong năm 2012 là 2.619 tỷ đồng, tăng hơn 9% so với năm ngoái, trong đó, thu nhập lãi thuần là 2.009 tỷ đồng, tăng 29% so với năm 2011; Tỷ lệ lãi gộp là 17%, tăng so với tỷ lệ 11% của năm 2011. Những con số này là kết quả của sự chủ động trong việc tìm các nguồn vốn rẻ, giảm lãi suất huy động để có được chi phí lãi thấp. Ngoài ra, các hoạt động kinh doanh khác của Ngân hàng đều có lãi. Đặc biệt, lãi thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối và mua bán chứng khoán tăng đáng kể so với năm ngoái mặc dù thị trường vẫn tiếp diễn những khó khăn từ năm 2011. Cụ thể, lãi từ hoạt động kinh doanh ngoại hối tăng 110% lên 88 tỷ đồng, hoạt động mua bán chứng khoán đã đạt lợi nhuận 100 tỷ đồng.

Xét về các chỉ tiêu quy mô, Maritime Bank vẫn đảm bảo tốt. Tổng tài sản của hệ thống là 109.923 tỷ đồng, tương đương năm 2011. 56% trong số đó được sử dụng từ nguồn vốn huy động của các tổ chức kinh tế và dân cư và phát hành trái phiếu. Cụ thể, tiền gửi của khách hàng (bao gồm cả phát hành trái phiếu) của Maritime Bank cuối năm đạt

61.881, trong đó huy động từ dân cư tăng 36%, chiếm tỷ trọng 54% tổng huy động từ thị trường I. Con số này thể hiện sự ổn định trong cơ cấu nguồn vốn của Ngân hàng.

Về mặt tín dụng, năm 2012, tăng trưởng tín dụng của toàn ngành ngân hàng chỉ đạt 6-8% do rất ít doanh nghiệp chứng minh được phương án sản xuất kinh doanh hiệu quả và khả năng trả nợ, điều kiện quan trọng để vay vốn ngân hàng. Với chính sách tiền tệ và tình hình kinh tế vĩ mô hiện tại, việc tăng trưởng tín dụng là chưa khả thi, thậm chí có thể dẫn đến rủi ro tiềm ẩn cho hệ thống ngân hàng. Trong bối cảnh đó, với phương châm hoạt động **An toàn - Hiệu quả - Bền vững**, Maritime Bank đã chủ động giảm dư nợ cho vay, tập trung nâng cao chất lượng tín dụng. Tính đến 31/12/2012, tổng dư nợ của Ngân hàng đạt 28.943 tỷ đồng.

Bên cạnh đó, với tầm nhìn chiến lược dài hạn, Maritime Bank đã dành ngân sách đáng kể để đầu tư cho nguồn nhân lực, phát triển công nghệ và phát triển sản phẩm. Tổng chi phí hoạt động của Ngân hàng năm 2012 là 1.855 tỷ đồng, trong đó 43% là chi phí nhân sự. Ngoài ra, để đảm bảo sự lành mạnh trong hoạt động Ngân hàng, cũng như thực hiện nghiêm túc chỉ thị của Nhà nước về trích lập dự phòng và xử lý rủi ro, Maritime Bank đã tiến hành rà soát, đánh giá lại tài sản đảm bảo và trích lập tối đa mức dự phòng. Chi phí dự phòng tăng cao chính là nguyên nhân trực tiếp khiến lợi nhuận trước thuế năm 2012 chỉ đạt 255 tỷ đồng. Kết quả này cũng phản ánh đúng thực trạng khó khăn của thị trường ngân hàng trong năm vừa qua và phần nào thể hiện tính minh bạch trong hoạt động của Maritime bank.

Mức độ hoàn thành các chỉ tiêu về tài chính

STT	Chỉ tiêu	Kế hoạch Tỷ VNĐ	Thực hiện Tỷ VNĐ	Tỷ lệ thực hiện (%)
1	Tổng tài sản	110.000	109.923	99,9%
2	Vốn huy động tại thị trường I và trái phiếu huy động vốn	60.000	61.881	103,1%
3	Dư nợ cho vay tổ chức kinh tế và dân cư	30.000	28.943	96,5%
4	Tỷ lệ nợ xấu	<3%	2,65%	
5	Số điểm giao dịch mở mới	100	15	15%
6	Lợi nhuận trước thuế thu nhập	300	255	85%
7	Vốn điều lệ	8.000	8.000	100%
8	Tỷ lệ chia lợi tức cổ phần bằng cổ phiếu thưởng và tiền mặt	7%	7%	100%

Điểm sáng tiếp theo trong toàn cảnh hoạt động của Maritime Bank là việc duy trì ổn định các chỉ tiêu về an toàn hoạt động. Tỷ lệ an toàn vốn riêng lẻ và vốn hợp nhất là 11,93% và 11,31%, đều cao hơn so với quy định 9% của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (NHNN); Tỷ lệ khả năng chi trả (tổng tài sản có thanh toán ngay trên tổng nợ phải trả) tại thời điểm cuối năm 2012 là 36%, cao hơn gấp đôi so với hạn mức 15% do NHNN quy định. Ngân hàng luôn đảm bảo duy trì tỷ lệ khả năng chi trả hàng ngày và trong vòng 7 ngày. Đặc biệt, rủi ro tín dụng được kiểm soát tốt trước thực trạng tín dụng của toàn ngành ngân hàng đang đi xuống. Trong năm 2012, Maritime Bank tập trung nhiều nguồn lực

cho công tác phân tích nguyên nhân và cảnh báo nguy cơ phát sinh nợ quá hạn của hệ thống đồng thời thực thi quyết liệt công tác đốc thúc, xử lý nợ. Kết quả, cuối năm 2012, tỷ lệ nợ nhóm 3-5 của Ngân hàng đạt 2,65%. Trong năm 2012, Ngân hàng đã trích lập 551 tỷ đồng dự phòng rủi ro cho vay khách hàng, là mức trích lập cao nhất trong những năm qua, gấp 2 lần so với năm 2011. Bên cạnh đó, Ngân hàng đã hoàn nhập dự phòng rủi ro cho vay khách hàng 85 tỷ đồng và sử dụng 80 tỷ đồng dự phòng để xử lý rủi ro.

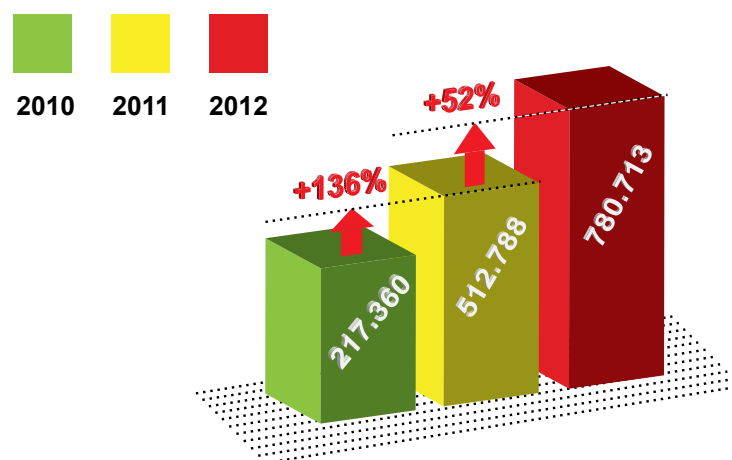
Huy động vốn

Năm 2012 là năm đầy thách thức đối với hoạt động huy động vốn của Maritime Bank nói riêng và của toàn hệ thống tài chính ngân hàng nói chung. Sự sáp nhập, tái cơ cấu và hàng loạt các thông tin tiêu cực đã gây ảnh hưởng nghiêm trọng tới niềm tin của khách hàng với hệ thống ngân hàng. Mặc dù vậy, hoạt động huy động vốn của Maritime Bank vẫn đạt được những con số ổn định.

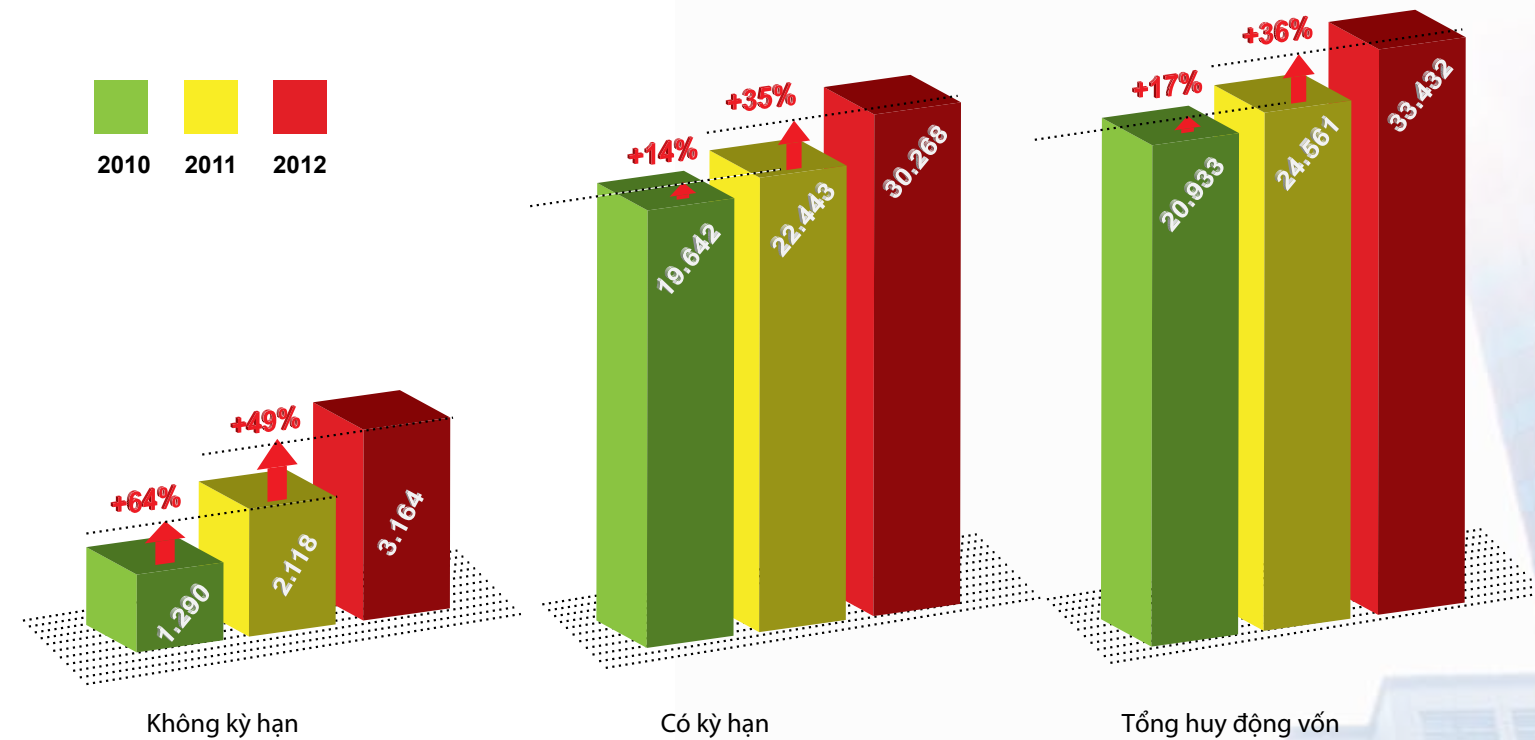
Huy động vốn thị trường I, gồm cả phát hành trái phiếu, đến cuối năm đạt 61.881 tỷ đồng, bằng 89% so với đầu năm, chiếm 63,41% trong tổng nguồn vốn huy động, đáp ứng đủ nhu cầu vốn phục vụ tín dụng và đảm bảo sự chủ động cho Maritime Bank trong hoạt động kinh doanh.

Tổng huy động từ dân cư của Maritime Bank tính đến 31/12/2012 đã đạt 33.432 tỷ đồng, chiếm 54% tổng huy động vốn thị trường I, tăng trưởng 36% so với năm 2011 và 60% so với 2010, tạo sự ổn định trong cơ cấu nguồn vốn của

Ngân hàng. Trong đó, huy động không kỳ hạn đạt 3.164 tỷ đồng, tăng 49% so với 2011, huy động có kỳ hạn đạt 30.268 tỷ đồng, tăng 35% so với 2011. Số lượng khách hàng cá nhân của Maritime Bank tăng 52% so với năm trước, đạt con số 780.713, góp phần quan trọng vào việc gia tăng quy mô kinh doanh của Ngân hàng.



Tăng trưởng số lượng khách hàng cá nhân



Tăng trưởng số dư huy động vốn từ khách hàng cá nhân

Đơn vị: Tỷ đồng

Huy động từ Tổ chức kinh tế và phát hành trái phiếu của Maritime Bank năm 2012 đạt 28.449 tỷ đồng, chiếm 46% tổng huy động từ thị trường I; trong đó phần khúc khách hàng doanh nghiệp vừa và nhỏ đạt 10.848 tỷ đồng, phần khúc khách hàng doanh nghiệp lớn và các tổ chức tài chính (không bao gồm tổ chức tín dụng) đạt 17.601 tỷ đồng.

Về cơ cấu kỳ hạn hoạt động huy động vốn, tỷ lệ huy động không kỳ hạn (CASA) tăng trưởng bền vững và được duy trì ở mức cao đem lại nguồn vốn rẻ cho Maritime Bank.

Sự thành công của Maritime Bank trong hoạt động huy động vốn đạt được từ hai yếu tố. Thứ nhất, Ngân hàng đã triển khai thành công các chương trình thi đua trên phạm vi toàn hệ thống trong lĩnh vực huy động vốn như "Vùng vàng huy động", "Tăng tốc huy động vốn", "Về đích cùng SME Style", "Sao mai tỏa sáng", "RM huy động xuất sắc", "Tăng tốc cùng LCs"... Các chương trình này đã đem lại những chuyển biến tích cực. Bình quân huy động vốn từ khách hàng có xu hướng tăng mạnh cả không kỳ hạn và có kỳ hạn; Thứ hai là việc hoàn thiện các tính năng dịch vụ thẻ M-Banking, hỗ trợ tối đa các tiện ích cho khách hàng đã thu được kết quả tốt. Năm vừa qua, Maritime Bank đã đạt giải

thường Ngân hàng điện tử Tiêu biểu tại Việt Nam do Tập đoàn dữ liệu quốc tế IDG đánh giá.

Trong năm 2013, Maritime Bank đặt ra mục tiêu đạt mức tăng trưởng huy động 22% so với năm 2012 và nâng cao tỷ trọng tiền gửi không kỳ hạn. Để có thể thực hiện thành công mục tiêu này, Maritime Bank sẽ tập trung cơ cấu và phát triển sản phẩm dịch vụ, quản lý dòng tiền theo định hướng khách hàng và ngành nghề, bao gồm các sản phẩm đặc thù theo nhóm khách hàng và theo ngành (thuốc lá, hóa chất, mía đường, cao su, dầu khí...)

Ngoài ra, Ngân hàng cũng hướng tới việc cung cấp sản phẩm trọn gói để tăng tính tiện ích, bán chéo sản phẩm nhằm thiết lập quan hệ bền vững với khách hàng, bao gồm (i) Rà soát, điều chỉnh, đóng gói các sản phẩm hiện hữu theo hướng lấy khách hàng làm trọng tâm, (ii) Đầu tư phát triển công nghệ, (iii) Phát triển sản phẩm mới phù hợp với nhu cầu của khách hàng, (iv) Thực hiện triển khai các chương trình thúc đẩy bán hàng.

Tín dụng

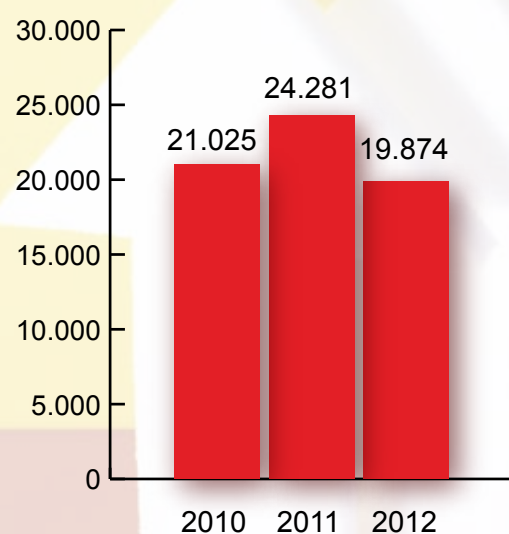
Kinh tế Việt Nam năm 2012 diễn biến theo chiều hướng xấu khiến hàng loạt hộ kinh doanh cá thể và doanh nghiệp bị phá sản. Nhiều doanh nghiệp hoạt động kém hiệu quả, buộc phải thu hẹp hoạt động. Các doanh nghiệp này chủ động cắt giảm vay vốn, tận dụng vốn tự có, công nợ khách hàng để giảm chi phí tài chính, giảm thiểu áp lực trả nợ. Những khó khăn chung đã ảnh hưởng nhất định đến hoạt động tín dụng của Maritime Bank.

Chủ đạo trong hoạt động tín dụng của Maritime bank là tín dụng doanh nghiệp, đạt tổng cộng 27.428 tỷ đồng, chiếm 94,77% tổng dư nợ. Tín dụng cá nhân cuối năm 2012 đạt 1.515 tỷ đồng, chiếm 5,23% tổng cho vay khách hàng.

Trong tín dụng doanh nghiệp, chủ yếu là phần đóng góp từ phân khúc khách hàng doanh nghiệp vừa và nhỏ. Số lượng khách hàng vay vốn trong phân khúc này tính đến tháng 12/2012 đạt gần 800 khách hàng.

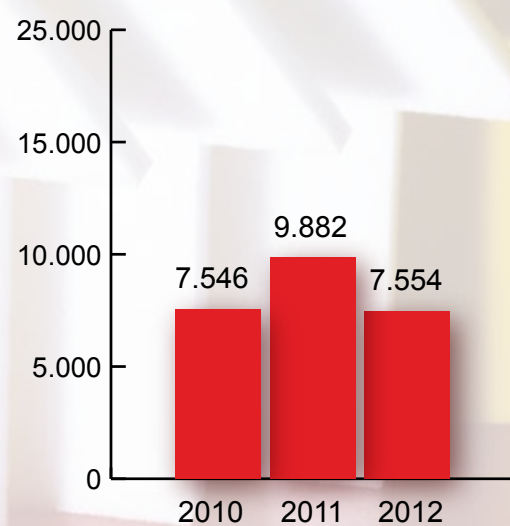
Riêng về phân khúc khách hàng doanh nghiệp lớn, Maritime Bank luôn có chính sách chú trọng đặc biệt trong định hướng chiến lược phát triển. Đây thường là các doanh nghiệp hoạt động trong những ngành kinh tế Nhà nước nắm thế độc quyền, hoặc các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài về lĩnh vực chế tạo và sản xuất. Mặc dù chiếm tỉ lệ nhỏ trong tổng số các doanh nghiệp hoạt động nhưng do quy mô, số lượng lao động, đặc thù ngành, các doanh nghiệp lớn thường tạo ra GDP gấp nhiều lần các doanh nghiệp vừa và nhỏ và được xem là bộ phận trọng yếu của nền kinh tế quốc dân.

Tại Maritime Bank, hoạt động cho vay đối với khách hàng doanh nghiệp lớn đã đạt được những kết quả khá khả quan nhờ tập trung chú trọng bảo đảm tỷ lệ an toàn hoạt động thay vì chỉ hướng vào quy mô tổng tài sản, tăng trưởng tín dụng.



Đơn vị: Tỷ đồng

Biểu đồ diễn biến dư nợ cho vay khách hàng Doanh nghiệp vừa và nhỏ qua các năm



Đơn vị: Tỷ đồng

Biểu đồ tăng trưởng tín dụng phân khúc khách hàng Doanh nghiệp lớn qua các năm

Maritime Bank đã thực sự đồng hành, hỗ trợ các doanh nghiệp trong thời kỳ khó khăn chung của nền kinh tế bằng các sản phẩm tín dụng mới với mức lãi suất hết sức cạnh tranh như sản phẩm Mfloat, Mflex, cho vay kỳ hạn siêu ngắn... Đây cũng là một yếu tố quan trọng giúp Maritime Bank giữ vững được dư nợ và mạng lưới khách hàng hiện

Các hoạt động kinh doanh khác

☑ Tài trợ thương mại

Năm 2012, bên cạnh các nghiệp vụ tài trợ thương mại truyền thống như bảo lãnh, L/C, nhờ thu, chiết khấu... các sản phẩm tài trợ thương mại của Maritime Bank đã được nâng cấp cao hơn, đáp ứng yêu cầu của thị trường. Maritime Bank đã triển khai hai sản phẩm mới là L/C Refinancing và thư bảo lãnh trả chậm nhưng có thể trả ngay (UPAS L/C), góp phần giải quyết bài toán về nguồn vốn ưu đãi và giảm áp lực về ngoại tệ cho khách hàng.

Về hoạt động bảo lãnh, mặc dù năm 2012 đã có những sự cố xảy ra đối với hoạt động bảo lãnh của nhiều tổ chức tín dụng nhưng bảo lãnh của Maritime Bank vẫn được các tổ chức, doanh nghiệp trong và ngoài nước như Mobifone, Vinaphone, Viettel, PV oil... tin tưởng lựa chọn, đặc biệt với các bảo lãnh thanh toán có giá trị cao. Thành công của Maritime Bank trong mảng Tài trợ thương mại chính là kết quả của một quá trình nỗ lực để đáp ứng các quy chuẩn cũng như nhu cầu của khách

tại, tập trung nâng cao chất lượng tín dụng. Dự kiến, trong năm 2013, Ngân hàng tiếp tục triển khai thêm các sản phẩm được thiết kế phù hợp nhằm đáp ứng nhu cầu của từng nhóm khách hàng và đa dạng hoá sản phẩm.

hàng trong tình hình mới, điều chỉnh các quy định nội bộ đảm bảo tuân thủ đúng quy định mới của Ngân hàng Nhà nước và không ngừng nâng cấp các sản phẩm, dịch vụ. Maritime Bank tự hào là một trong những ngân hàng tại Việt Nam đi đầu trong việc nghiên cứu và triển khai thành công sản phẩm Bảo lãnh thuê điện tử, đánh dấu một bước tiến mới trong nghiệp vụ bảo lãnh. Với mẫu phôi bảo lãnh thiết kế riêng, được quản lý như chứng từ có giá cùng với cơ chế xác nhận bảo lãnh nhanh chóng, dịch vụ Bảo lãnh của Maritime Bank đã làm hài lòng ngay cả những khách hàng khó tính.

Về mạng lưới ngân hàng đại lý, tính đến 31/12/2012, Maritime Bank làm việc với gần 600 ngân hàng tại gần 60 quốc gia trên toàn thế giới. Bất chấp những bất lợi về kinh tế vĩ mô, hơn 40 đối tác trong nước và 30 đối tác nước ngoài đã cấp và tăng hạn mức tín dụng cho Maritime Bank với tổng hạn mức lên tới hàng trăm triệu đô la Mỹ. Ngân hàng cũng đã ký kết các thỏa thuận về tài trợ xuất nhập khẩu với Wells Fargo, Intesa Sanpaolo, ICBC, ANZ và Unicredit, tăng cường huy động nguồn vốn vay ngoại tệ để hỗ trợ hoạt động xuất nhập khẩu của các khách hàng doanh nghiệp.

☑ Hoạt động liên ngân hàng

Năm 2012, hoạt động liên ngân hàng của Maritime Bank vẫn duy trì được quy mô ổn định. Số dư đầu tư tài chính (tiền gửi liên ngân hàng, đầu tư chứng khoán, không bao gồm hùn vốn cổ phần) tại thời điểm cuối năm đạt 59.521 tỷ đồng; Tiền gửi và cho vay của Maritime Bank tại các tổ chức tín dụng là 29.039 tỷ đồng tương đương với mức đạt được cuối năm 2011. Về mặt huy động trên thị trường II, tiền gửi và cho vay của các tổ chức tín dụng khác tại Maritime Bank là 30.235 tỷ đồng tại 31/12/2012, tăng 32% so với năm 2011. Ngân hàng đã cân đối vốn đảm bảo thanh khoản và tối đa hóa lợi nhuận từ nguồn vốn huy động nhân rồi, tái đầu tư vào tiền gửi liên ngân hàng và đầu tư tài chính khác, góp phần đáng kể vào kết quả kinh doanh chung của toàn hàng.

Với giao dịch ngoại tệ, Maritime Bank giữ vững vai trò là ngân hàng tạo lập thị trường và có doanh số giao dịch hàng

đầu trên thị trường liên ngân hàng, tương đương với 38,6 tỷ USD trong năm 2012.

☑ Đầu tư chứng khoán và đầu tư góp vốn cổ phần

Đầu tư trái phiếu Chính phủ và chứng khoán khác tập trung chủ yếu vào chứng khoán nợ sẵn sàng để bán thể hiện tính an toàn cao trong danh mục đầu tư của Maritime Bank. Tổng đầu tư chứng khoán (không bao gồm góp vốn, đầu tư dài hạn) là 30.482 tỷ đồng, trong đó 30.389 tỷ đồng là chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán (chiếm 99,6%), 93 tỷ đồng là chứng khoán kinh doanh (chiếm 0,4%).

Tổng đầu tư góp vốn cổ phần tại thời điểm 31/12/2012 đạt 2.109 tỷ đồng, tăng 355 tỷ (20%) so với năm ngoái và tuân thủ các quy định về tỷ lệ, giới hạn đầu tư góp vốn theo quy định của Ngân hàng Nhà nước.

Phát triển sản phẩm

Maritime Bank được đánh giá là ngân hàng có các sản phẩm, dịch vụ thân thiện, chuyên nghiệp, tiện ích và hiện đại.

Năm 2012, Maritime Bank tiếp tục hoàn thiện các tính năng thanh toán hiện đại để cung cấp những giải pháp tài chính hiệu quả và tiện lợi nhất. Ngoài ra, với mục tiêu đa dạng hóa danh mục sản phẩm, phục vụ nhu cầu ngày càng cao của khách hàng, Ngân hàng đã cho ra đời hàng loạt sản phẩm mới với nhiều tiện ích hàng đầu, tiên tiến trên thị trường tài chính và phù hợp với từng đối tượng khách hàng.

• Phát hành thẻ tín dụng Platinum

Năm 2012 đánh dấu sự xuất hiện sản phẩm thẻ tín dụng đầu tiên của Maritime Bank nhắm tới đối tượng khách hàng cao cấp. Thẻ tín dụng Maritime Bank Platinum mang đến cho khách hàng nhiều tiện ích và trải nghiệm độc đáo. Khách hàng được cấp hạn mức tối đa lên đến 1 tỷ đồng và được hưởng rất nhiều ưu đãi đi kèm như dịch vụ phòng chờ cao cấp Priority Pass, bảo hiểm du lịch toàn cầu, chương trình điểm thưởng và những đặc quyền ưu đãi khác từ Maritime Bank và các đối tác. Triển khai chính thức từ tháng 9/2012, doanh số thanh toán sau 3 tháng triển khai là 17 tỷ đồng, riêng tháng thứ tư sau triển khai đã đạt doanh số 15 tỷ đồng/tháng. Trong quý 4 năm 2012, 1.500 thẻ tín dụng Maritime Bank Platinum đã được phát hành.

• Gói sản phẩm Platinum VIP

Đây là một sản phẩm chuyên biệt đáp ứng tối ưu nhu cầu quản lý dòng tiền của các Tổng công ty, Tập đoàn có nhiều công ty con, đơn vị độc lập, đơn vị phụ thuộc. Với những đặc tính vượt trội như hoàn toàn miễn phí dịch vụ, lãi suất tiền gửi hấp dẫn, cân đối dòng tiền các công ty thành viên và thực hiện giao dịch trên Internet Banking thuận tiện, Platinum VIP được xác định là một trong những sản phẩm trọng tâm của Maritime Bank.



Thẻ tín dụng Maritime Bank Platinum
Trải nghiệm đẳng cấp Platinum

- Hạn mức cho vay lên đến 1 tỷ VNĐ
- Dịch vụ phòng chờ VIP tại sân bay với thẻ Priority Pass
- Bảo hiểm du lịch toàn cầu với gói bảo hiểm 18,5 tỷ VNĐ
- Tặng thưởng các điểm giảm giá lên đến 30% tại hơn 200 đối tác tại Việt Nam và trên toàn thế giới
- Tặng đến 4 điểm thưởng cho mỗi 1.000 VNĐ chi tiêu và quy đổi thành quà tặng hấp dẫn

Để biết thêm chi tiết vui lòng liên hệ:
Contact Center: 1800 599 999 (miễn phí) - (84.4) 3944 5566
Website: www.msb.com.vn

MARITIME BANK



TỔNG HẠN MỨC TÀI TRỢ LÊN ĐẾN 3000 TỶ ĐỒNG

GÓI SẢN PHẨM 3M CHO VAY VỚI LÃI SUẤT ƯU ĐÃI DÀNH CHO KHÁCH HÀNG DOANH NGHIỆP

- Lãi suất ưu đãi, linh hoạt với thị trường
- Thời hạn vay lên đến 6 tháng
- Hỗ trợ quản lý rủi ro lãi suất
- Tài sản đảm bảo đa dạng, phù hợp với đặc thù kinh doanh
- Hồ sơ tín dụng và quy trình đơn giản, nhanh chóng
- Tư vấn trọn gói các sản phẩm phái sinh

Call center: (04)39.44.55.66/1800.599.999
Website: www.msb.com.vn

MARITIME BANK

• Sản phẩm phái sinh nổi bật MFlex và MFloat

Để thích nghi với diễn biến của thị trường, Maritime Bank đã có những động thái điều chỉnh linh hoạt và nhạy bén như tung ra các gói sản phẩm cho vay với lãi suất ưu đãi tín dụng MFloat, MFlex với doanh số giải ngân trong năm 2012 đạt trên 537 tỷ đồng. Theo đánh giá, với các ưu việt nổi trội về lãi suất giá rẻ và linh hoạt, đây là hai gói sản phẩm được kỳ vọng sẽ tiếp tục đáp ứng tốt nhu cầu vay vốn của khách hàng trong năm 2013.

• Sản phẩm Bancassurance

Được triển khai từ tháng 4/2012, với việc hợp tác cùng những nhà cung cấp uy tín như Tổng Công ty Bảo hiểm Bảo Việt, Công Ty TNHH Bảo hiểm nhân thọ Prudential để thiết kế và cung cấp cho khách hàng Maritime Bank những sản phẩm đặc thù, nhiều ưu đãi, linh hoạt, Maritime Bank đã

đạt được bước phát triển nổi bật với doanh thu hoa hồng 3.5 tỷ đồng.

• Sản phẩm kinh doanh vàng

Maritime Bank là một trong những ngân hàng thuộc nhóm đầu tiên được Ngân hàng Nhà nước cấp phép giao dịch vàng miếng với tổng doanh số năm 2012 đạt gần 70 triệu USD và gần 2.000 giao dịch mua bán

Ngoài ra, Ngân hàng cũng phát triển mới các sản phẩm cho vay dành cho khách hàng cá nhân, các gói sản phẩm kết hợp bảo hiểm (Mplus Care, PBO), các sản phẩm đầu tư cấu trúc, quyền chọn, thấu chi...

Phát huy những thế mạnh đã đạt được, Maritime Bank mong muốn, năm 2013 sẽ là một năm tạo ra sự khác biệt thông qua các sản phẩm, dịch vụ đặc thù với mục tiêu đưa sản phẩm ra thị trường nhanh chóng và đáp ứng tốt nhất nhu cầu từng phân khúc khách hàng.

Phát triển mạng lưới và kênh phân phối

Maritime Bank chú trọng phát triển toàn diện các kênh bán hàng, đặc biệt kênh điện tử nhằm mang đến sự thuận tiện & linh hoạt cao nhất cho khách hàng.



Điểm giao dịch

Tính đến hết năm 2012, hệ thống mạng lưới của Maritime Bank đã có 216 điểm giao dịch trên toàn quốc trong đó mở mới là 15 điểm và có 8 điểm giao dịch được thiết kế phòng chờ đặc biệt FCB (First class banking Lounges) cho khách hàng cao cấp.

ATM

Năm 2012, số máy ATM trên toàn hệ thống là 370, trong đó đã triển khai tăng thêm 140 máy. Ngoài ra, Maritime Bank đã kết nối thành công với tổ chức thẻ quốc tế Master Card, cho phép các chủ thẻ Master Card thực hiện giao dịch trên mạng lưới ATM của Maritime Bank.

Ngân hàng điện tử M-banking

Internet Banking: Tiếp theo thành công của Internet Banking phiên bản mới, Maritime Bank tập trung đẩy mạnh nâng cao chất lượng dịch vụ, khai thác triệt để các dịch vụ cung cấp cho khách hàng.

Mobile Banking: Năm 2012, Maritime Bank tập trung khai thác dịch vụ bằng cách đẩy mạnh các chương trình tiếp thị quảng bá, thúc đẩy kinh doanh nhằm đưa dịch vụ tới từng khách hàng mục tiêu. Kết thúc năm, tốc độ tăng trưởng về số lượng khách hàng và giao dịch trên kênh Mobile Banking rất cao (khoảng 600%).

SMS Banking: Tiếp tục cung cấp cho khách hàng kênh giao dịch đơn giản, mọi lúc mọi nơi, năm 2012, Maritime Bank chú trọng nâng cao chất lượng dịch vụ, thúc đẩy giới thiệu và đăng ký dịch vụ cho khách hàng của mình.

Thanh toán trực tuyến bằng dịch vụ M-Paynow: Không ngừng mở rộng mạng lưới thanh toán thẻ trực tuyến, Maritime Bank cùng các công ty thanh toán trung gian đã kết nối thành công đến nhiều nhà cung cấp hàng hóa, dịch vụ mới đồng thời thực hiện các chương trình tiếp thị để giới thiệu, quảng

bá, tư vấn và khuyến khích khách hàng sử dụng. Dịch vụ thanh toán M-Paynow mặc dù ra đời sau các ngân hàng khác nhưng tỷ lệ tăng trưởng và tỷ trọng doanh số dịch vụ luôn chiếm vị trí rất cao.

Dịch vụ ưu đãi tăng thêm cho khách hàng: Cộng đồng ưu đãi M-smart

Tới cuối năm 2012, Maritime Bank đã thiết lập thành công mối quan hệ với 235 đối tác và trên 570 điểm ưu đãi dành cho chủ thẻ của Ngân hàng. Thông qua đó, 73 chương trình Co-Marketing đã được triển khai. Trung bình, mỗi tháng, các khách hàng được hưởng 6 chương trình ưu đãi cùng với nhiều quà tặng như voucher và phiếu mua hàng tại các đối tác. Đối với phân khúc khách hàng cao cấp, Maritime Bank cũng kết hợp với nhiều đối tác tổ chức Hội nghị chuyên đề cho khách hàng là Hội viên First Class Banking và đã nhận được những phản hồi tích cực.

Đội ngũ bán hàng trực tiếp

Năm 2012, Maritime Bank tiếp tục triển khai các hoạt động thúc đẩy hiệu quả kinh doanh của đội ngũ bán hàng trực tiếp. Đội ngũ nhân viên hùng hậu và nhiệt huyết lên tới 1.200 người này đã góp phần quan trọng vào việc thúc đẩy quy mô kinh doanh cũng như phát triển hình ảnh, thương hiệu của Maritime Bank trong mắt khách hàng và đối tác.

Thêm vào đó, Ngân hàng cũng đã triển khai cơ chế phối hợp, bàn giao khách hàng giữa đội ngũ nhân viên bán hàng trực tiếp và nhân viên bán hàng tại các điểm giao dịch. Cơ chế này hướng tới việc chuyên môn hóa hoạt động của các kênh bán hàng nhằm tăng hiệu suất tiếp cận, phát triển khách hàng mới đồng thời cải thiện chất lượng chăm sóc khách hàng. Trong năm 2012, đội ngũ bán hàng trực tiếp đã bàn giao cho các điểm giao dịch 300.000 khách hàng với số dư huy động vốn bàn giao là hơn 1.000 tỷ đồng huy động không kỳ hạn và 3.000 tỷ đồng huy động có kỳ hạn.



Chất lượng dịch vụ

Cơ sở vật chất

Trong suốt quá trình hoạt động, Maritime Bank luôn chú trọng xây dựng không gian giao dịch sang trọng, đẹp mắt và hiện đại. Năm 2012, chất lượng cơ sở vật chất của Maritime Bank được nâng cao khi nhiều trung tâm khách hàng được sửa chữa mới hoặc di dời nhằm đảm bảo không gian giao dịch thuận tiện cho khách hàng. Ngân hàng cũng chính thức ra mắt chương trình First Class Banking và dành cho phân khúc khách hàng VIP một không gian riêng biệt, sang trọng, khi giao dịch tại Maritime Bank.

Chất lượng dịch vụ

Để luôn đảm bảo và nâng cao chất lượng dịch vụ, Maritime Bank có quy trình khảo sát và đánh giá chất lượng dịch vụ hàng tháng, hàng quý bằng các hình thức tiên tiến và hiệu quả nhất như:

Khảo sát 5S: Định kỳ, các trung tâm khách hàng (TTKH) đều được kiểm tra môi trường làm việc theo các tiêu chí "Sàng

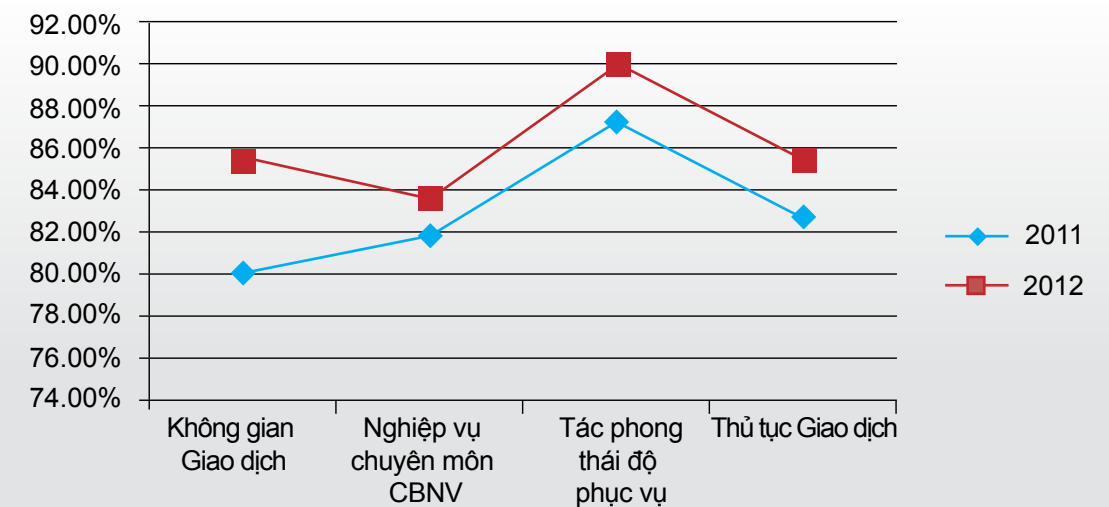
lọc", "Sắp xếp", "Sạch sẽ", "Săn sóc", "Sẵn sàng" nhằm đánh giá cảnh quan môi trường làm việc.

Kết quả cho thấy, các TTKH đều có ý thức chấp hành nghiêm túc các quy định, nội quy lao động, đảm bảo không gian làm việc gọn gàng, sạch sẽ theo đúng tiêu chuẩn 5S.

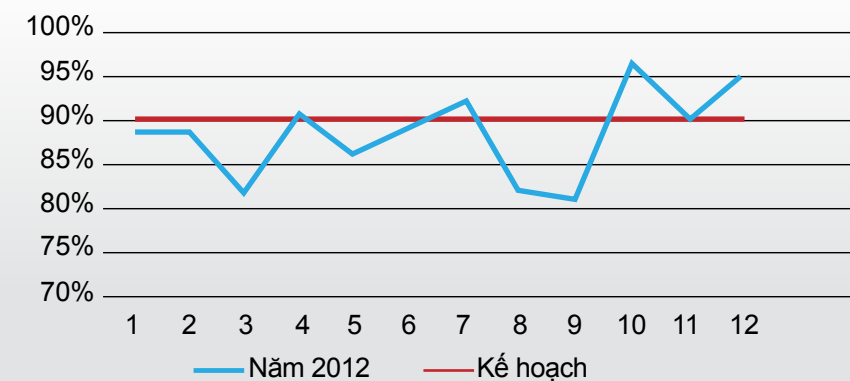
Khảo sát Khách hàng (VOC): Hàng tháng, bộ phận Chất lượng dịch vụ gọi điện khảo sát ý kiến của khách hàng về thái độ phục vụ và trình độ của CBNV, về sản phẩm và chính sách của Maritime Bank... nhằm nâng cao chất lượng dịch vụ Ngân hàng và xây dựng một hình ảnh Maritime Bank mới đối với khách hàng.

Khảo sát nghiệp vụ CBNV: Các đợt khảo sát nghiệp vụ CBNV được tổ chức định kỳ, có cơ chế thưởng, phạt nhằm khuyến khích CBNV tìm hiểu nâng cao nghiệp vụ.

Khảo sát đồng nghiệp (VOS): được thực hiện nhằm tìm hiểu tâm tư, nguyện vọng của CBNV, kịp thời điều chỉnh để nâng cao mức độ hài lòng của các CBNV trong quá trình làm việc và gắn bó với Maritime Bank.



Biểu đồ khảo sát tiếng nói khách hàng (VOC) năm 2011-2012



Biểu đồ Kết quả khảo sát CLDV các tháng trong năm 2012



Martime Bank nỗ lực không ngừng để nâng cao hơn nữa chất lượng dịch vụ nhằm đem lại những trải nghiệm tích cực và sự hài lòng cho các khách hàng.

Nâng cao chất lượng nhân viên

Xác định vai trò quan trọng của yếu tố nhân lực trong việc đảm bảo chất lượng dịch vụ, năm qua, Maritime Bank đã xây dựng và triển khai nhiều chương trình đào tạo kỹ năng, nghiệp vụ cho các CBNV như kỹ năng phục vụ khách hàng, kỹ năng bán hàng... Cán bộ nhân viên của TTKH thường xuyên được kiểm tra nghiệp vụ chuyên môn, chấm điểm tuân thủ và xếp loại định kỳ.

Ngoài ra, Maritime Bank cũng tổ chức nhiều phong trào thi đua nội bộ với mong muốn vinh danh các cá nhân xuất sắc, truyền thông tinh thần văn hóa chăm sóc khách hàng đối với chính CBNV Ngân hàng như chương trình Tháng nụ cười, T-Pro... Tiếp bước thành công của chương trình Nụ cười Maritime Bank 2011, Tháng nụ cười được tổ chức nhằm nêu

cao vai trò của nụ cười trong giao tiếp và phục vụ khách hàng. Kết quả là có rất nhiều TTKHCN nhận được những món quà tinh thần như thư cảm ơn, hoa... từ khách hàng. Ngoài ra, Maritime Bank đã vinh dự được Hội Doanh nghiệp Hàng Việt Nam chất lượng cao vinh danh là một trong 10 doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực tài chính có "Chất lượng dịch vụ được hài lòng nhất năm 2013". Danh hiệu này một lần nữa là lời khẳng định đầy ý nghĩa cho những cố gắng của tập thể cán bộ nhân viên Maritime Bank trong thời gian qua trên con đường thực hiện sứ mệnh trở thành một trong những ngân hàng có chất lượng dịch vụ tốt nhất Việt Nam.

Đầu tư công nghệ

Chiến lược phát triển công nghệ ngân hàng là nền tảng quan trọng cho việc phát triển các hoạt động nghiệp vụ và dịch vụ ngân hàng.

Trong năm 2012, Maritime Bank đã thực hiện triển khai gần 70 dự án công nghệ nhằm phát triển và đa dạng hóa các sản phẩm dịch vụ đồng thời thực hiện hơn 100 yêu cầu thay đổi nhằm cải tiến, nâng cao hiệu quả hoạt động của các sản phẩm hiện có. Nhiều dự án tiêu biểu đã được triển khai như nâng cấp Internet Banking, Mobile Banking, hoàn thiện các mảng về thẻ tín dụng, dự án Kondor+, FX chi nhánh và dự án ERP. Trong số đó có những dự án lần đầu được triển khai tại Việt Nam như dự án quản trị rủi ro trên thị trường tài chính (Kondor+). Maritime Bank là ngân hàng đầu tiên tại Việt Nam đầu tư và đưa vào ứng dụng hệ thống quản trị giao dịch Treasury đồng bộ từ Front Office, Middle Office và Back Office. Với hệ thống quản trị mới này, các hạn mức được kiểm soát tự động ngay trong quá trình giao dịch. Hệ thống

cũng hỗ trợ các công cụ tính toán giới hạn rủi ro, mô hình Var, mô hình định giá công cụ phái sinh.

Bên cạnh việc đẩy mạnh phát triển và triển khai các công nghệ mới, Maritime Bank cũng rất chú trọng đến việc duy trì chất lượng của các dịch vụ công nghệ hiện có bằng việc đầu tư nâng cấp nền tảng hệ thống và bổ sung, cải tiến các quy trình quy định trong công tác vận hành. Do vậy, các hệ thống ứng dụng được duy trì hoạt động liên tục, ổn định với tỷ lệ trung bình 99%, đảm bảo sự thông suốt cho các hoạt động giao dịch trên toàn hệ thống.

Martime Bank sẽ tiếp tục thực hiện triển khai các dự án phát triển nghiệp vụ nhằm nâng cao chất lượng, đa dạng hóa sản phẩm dịch vụ như CRM, ECM, Visa, Anti Money Laundering... với mục tiêu trọng tâm là đảm bảo hoạt động, nâng cao năng lực hạ tầng công nghệ đồng thời tăng cường các biện pháp an ninh, bảo mật thông tin trên toàn hệ thống.



Vận hành

Về mặt vận hành, Maritime Bank tiếp tục thực hiện tối ưu hóa các hoạt động nghiệp vụ vận hành theo nguyên tắc tập trung hóa, chuẩn hóa và tự động hóa tối đa.

Ngoài các hoạt động kho quỹ, hành chính, quản lý tài sản được tập trung hóa hoàn toàn theo từng nghiệp vụ độc lập, năm 2012, Maritime Bank còn thực hiện tập trung hoá hoạt động tác nghiệp tại quầy giúp cho các đơn vị kinh doanh có thể chuyên tâm vào mục tiêu thúc đẩy kinh doanh. Việc vận hành hiệu quả mô hình tập trung hóa hoàn toàn đã đem lại những lợi ích to lớn, góp phần cải thiện hoạt động nghiệp vụ và hỗ trợ tại các điểm giao dịch cả về chất lượng dịch vụ lẫn khả năng kiểm soát rủi ro tuân thủ. Điển hình như việc tập trung kho quỹ đã giúp giảm tỷ lệ tổn quỹ tiền mặt xuống bằng 1/3 so với trước đây.

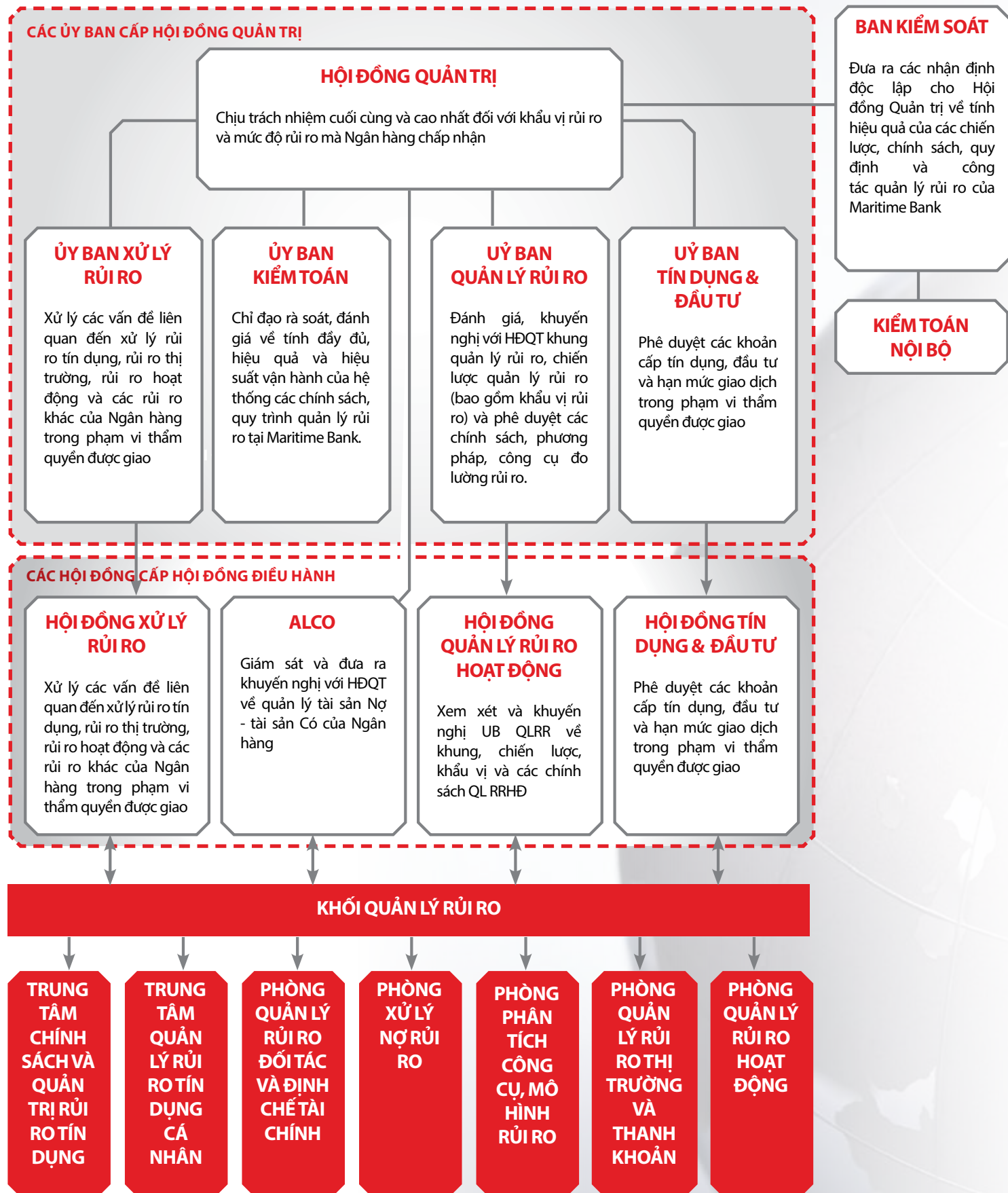
Cùng với nguyên tắc tập trung hóa và chuẩn hóa tối đa, Martime Bank tổ chức tập trung hoạt động quản trị tham số sản phẩm trên hệ thống Corebanking. Việc đưa quản

trị tham số về một đầu mối đã giúp quản lý, khai thác hệ thống hiệu quả và chặt chẽ hơn, góp phần cải thiện quy trình sản phẩm và cung cấp sản phẩm dịch vụ đến khách hàng của Maritime Bank

Tương tự như vậy, việc tiếp nhận, xử lý các yêu cầu tác nghiệp từ mọi đơn vị, mọi nhân viên trên toàn hệ thống Maritime Bank đã được tập trung hóa và phân phối tự động thông qua phần mềm quản trị yêu cầu dịch vụ (Service Request Management System). Mọi hoạt động tác nghiệp đều có cam kết về chất lượng dịch vụ (Service Level Agreements – SLAs). Tất cả các lệnh thanh toán, cuộc gọi, chuyển xe chuyên dụng và mọi hoạt động tác nghiệp khác đều được đo lường về thời gian thực hiện và tỷ lệ sai sót. Kết quả đạt SLAs cả năm 2012 trung bình trên 96%. Đây là nền tảng vững chắc để Martime Bank liên tục cải thiện, tối ưu hóa hoạt động Ngân hàng.

Quản trị rủi ro

✓ Cơ cấu tổ chức QTRR



✓ Dự án đào tạo quản trị rủi ro nội bộ (Risk Academy)

Trong năm 2012, Maritime Bank đã triển khai thành công nhiều chương trình quản lý rủi ro quan trọng, điển hình là chương trình đào tạo Risk Academy. Đây là một chương trình đào tạo về quản lý rủi ro toàn diện và triển khai toàn hệ thống. Chương trình này đã giúp Ngân hàng có cách nhìn mới và thống nhất về quản lý rủi ro theo hướng hiện đại, hiệu quả theo tiêu chuẩn Basel II nhằm xây dựng văn hóa quản lý rủi ro riêng của Maritime Bank.

✓ Quản lý rủi ro

Quản lý rủi ro tín dụng

Maritime Bank thực hiện quản lý rủi ro tín dụng theo các nhóm khách hàng chuyên biệt: Quản lý rủi ro tín dụng doanh nghiệp (TDDN), Quản lý rủi ro tín dụng cá nhân (TDCN), Quản lý rủi ro đối tác Thị trường tài chính và Định chế tài chính (TĐĐT). Ngân hàng đã xây dựng bộ chỉ tiêu quản lý rủi ro tín dụng ở cấp độ danh mục nhằm giám sát và áp dụng các chính sách tín dụng phù hợp với từng đối tượng khách hàng.

Nhằm nâng cao chất lượng cảnh báo và quản lý rủi ro tín dụng, các mô hình rủi ro tín dụng đã được nâng cấp, xây dựng mới để sử dụng cho tất cả các mảng khách hàng. Trong năm 2012, công cụ xếp hạng khách hàng Định chế tài chính (FI tool) đã được Ủy ban Quản lý rủi ro phê duyệt; Công cụ xếp hạng khách hàng doanh nghiệp (QCA) đã được điều chỉnh phù hợp với điều kiện kinh tế vĩ mô và quy mô của khách hàng; Thẻ điểm cho Credit Card cũng được xây dựng nhằm phục vụ quản lý rủi ro tín dụng cá nhân; Mô hình định giá dựa trên rủi ro (Risk based pricing) và phân tích rủi ro ngành đã được triển khai để quản lý rủi ro tín dụng doanh nghiệp.

Maritime Bank tiến hành giám sát rủi ro tín dụng theo các thông lệ tốt nhất. Kết quả giám sát được báo cáo thường xuyên đối với NHNN và nội bộ Maritime Bank, tạo kênh thông tin và quản trị thông tin tín dụng, là cơ sở cho các

hoạt động xử lý nợ xấu, phân loại nợ và trích lập dự phòng rủi ro.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Trong năm 2012, Maritime Bank thực hiện tốt công tác quản lý rủi ro thanh khoản thông qua hệ thống thông tin báo cáo kịp thời, sự phối hợp chặt chẽ giữa đơn vị kinh doanh, đơn vị quản lý rủi ro và sự điều hành hiệu quả của ALCO. Ngân hàng đảm bảo các chỉ số an toàn hoạt động và các giới hạn thanh khoản nội bộ tại mọi thời điểm, duy trì lượng lớn trái phiếu Chính phủ nhằm tăng cường bộ đệm thanh khoản và đặc biệt hoàn thiện và triển khai diễn tập quy định về phòng chống sự cố rút tiền hàng loạt. Ngân hàng cũng đã xây dựng thành công kế hoạch dự phòng thanh khoản đảm bảo khả năng ứng phó với các tình huống khó khăn thanh khoản của thị trường và Ngân hàng.

Quản lý rủi ro thị trường

Công tác quản lý rủi ro thị trường năm 2012 tiếp tục có nhiều thành tựu với việc hoàn thành dự án Kondor+ phase 2 và KGR VaR giúp nâng cao hiệu quả trong việc quản lý, giám sát các chỉ số cảnh báo rủi ro thị trường của tất cả các hoạt động kinh doanh tại Ngân hàng Định chế Tài chính, hướng tới tiêu chuẩn quốc tế trong đo lường và quản lý rủi ro thị trường. Ngoài ra, hệ thống hạn mức quản lý rủi ro thị trường (hạn mức khối lượng, trạng thái mở, hạn mức lỗ tối đa...) được tái cấu trúc và cập nhật kịp thời cùng với việc nâng cấp hệ thống báo cáo giám sát rủi ro thị trường hàng ngày đến từng bộ phận kinh doanh nhằm đảm bảo công tác quản lý rủi ro phù hợp với thực tế kinh doanh.

Quản lý rủi ro hoạt động

Cấu trúc quản trị rủi ro hoạt động được kiện toàn với việc thành lập Hội đồng Quản lý Rủi ro hoạt động. Các báo cáo rủi ro hoạt động đã được xây dựng và triển khai định kỳ gửi tới lãnh đạo cấp cao và các đơn vị kinh doanh. Phạm vi quản lý rủi ro hoạt động được mở rộng cho tất cả các ngân hàng chuyên doanh. Những quy định quản lý rủi ro hoạt động, phân tích các sự kiện rủi ro hoạt động cùng nhiều chương trình hành động được triển khai nhằm giảm thiểu nhóm rủi ro này.

PR và Phát triển thương hiệu

Điểm lại sau 1 năm hoạt động, các nhà chuyên môn đánh giá 2012 là một năm diễn biến phức tạp của giới ngân hàng với những vụ khởi tố lãnh đạo cấp cao, sự biến mất của vài thương hiệu sau quá trình tái cơ cấu... Trong bối cảnh đó, Maritime Bank có một giai đoạn truyền thông khá yên ả. Bên cạnh việc đăng tải thông tin về các chương trình khuyến mãi, giới thiệu sản phẩm, Maritime Bank tiếp tục tài trợ chương trình “Sống đẹp” trên kênh VTV1 và chuyên

mục Tư vấn tài chính trên tạp chí Đầu tư chứng khoán. Tuy nhiên, về những hoạt động của Ngân hàng, giới báo chí vẫn theo sát và đưa tin tức với tần suất khoảng 20 - 25 tin/tháng.

Theo định hướng chiến lược hoạt động cho năm 2013, Ngân hàng xác định phát triển theo chiều sâu, duy trì vị thế, uy tín thương hiệu và củng cố sự trung thành thương hiệu thông qua tính ưu việt của sản phẩm và chất lượng dịch vụ khách hàng.

Hoạt động xã hội

Thời gian	Hoạt động
Ngày 11/01/2012	Trao quà Tết sớm cho các gia đình nghèo và những nạn nhân của di chứng chất độc da cam trên địa bàn huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình
Ngày 22/05/2012	Trao 100 suất học bổng Smiling Tomorrow cho các em học sinh nghèo vượt khó và trẻ em khuyết tật huyện Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh
Ngày 24-25/05/2012	Trao hơn 200 suất quà Smiling Tomorrow cho học sinh nghèo, khuyết tật tại trường tiểu học Đồng Phú và Trung tâm trẻ khuyết tật tỉnh Quảng Bình
Ngày 30/05/2012	Trao tặng 40 suất học bổng Smiling Tomorrow cho các em thiếu nhi có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn huyện Đồng Xuân, tỉnh Phú Yên
Ngày 18/06/2012	Trao tặng 60 suất học bổng Smiling Tomorrow cho trẻ em thiệt thòi tỉnh Phú Yên
Ngày 01/06/2012	Trao 120 suất quà Smiling Tomorrow cho trẻ em nghèo hiếu học tỉnh Khánh Hòa
Ngày 13/06/2012	Trao 100 suất quà cho các em nhỏ đang điều trị tại Bệnh viện Trung ương Huế
Ngày 27/7/2012	Tặng quà các mẹ Việt Nam anh hùng huyện Cần Giở - TP. HCM
Ngày 31/8/2012	Tài trợ giáo dục cho Phường Hoàng Văn Thụ - TP. Bắc Giang
Ngày 20/09/2012	Tổ chức trung thu và trao quà cho hơn 100 bệnh nhi tại BV TP. Buôn Mê Thuột
Ngày 26/09/2012	Trao tặng hơn 120 suất quà cho các bệnh nhi đang điều trị tại Bệnh viện Đa khoa tỉnh Lâm Đồng
Tháng 10/2012	Trao học bổng cho các em sinh viên có thành tích học tập xuất sắc tại Trường Cao đẳng Công nghiệp Nam Định nhân dịp khai giảng năm học mới 2012-2013
Tháng 11/2012	Tài trợ lễ kỷ niệm 35 năm đào tạo sau đại học của Trường Đại học Kinh tế Quốc dân Hà Nội



Năm 2012, bên cạnh những hoạt động trao quà cho các nạn nhân chất độc da cam, chăm sóc bà mẹ Việt Nam anh hùng... Maritime Bank đã xây dựng quỹ từ thiện Smiling Tomorrow dành riêng cho những trẻ em nghèo gặp hoàn cảnh khó khăn nhưng vẫn biết vươn lên trong cuộc sống. Từ những cháu bé không may mắc bệnh hiểm nghèo tới những học sinh nghèo hiếu học trên địa bàn các tỉnh, kể cả những địa phương chưa có điểm giao dịch của Maritime Bank... đều được Ban Lãnh đạo Ngân hàng quan tâm hỗ trợ. Maritime Bank vẫn đang tiếp tục nỗ lực duy trì và mở rộng hoạt động này để Smiling Tomorrow thực sự trở thành một trong hoạt động vì cộng đồng đầy ý nghĩa, góp thêm những nét vẽ sinh động cho bức tranh tương lai tươi sáng... Tổng số kinh phí cho chương trình từ thiện này là 2 – 5 tỷ đồng/năm.

2013 - 2015



KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG NĂM 2013 VÀ GIAI ĐOẠN 2013 - 2015

5 ƯU TIÊN TRONG NĂM 2013

Với nền tảng vững chắc được xây dựng thông qua việc triển khai chiến lược kinh doanh mới từ năm 2010 cũng như tiếp nối những kết quả đạt được năm 2012, Maritime Bank đề ra 5 ưu tiên chính sẽ tập trung đẩy mạnh và triển khai toàn diện trong năm 2013 trên cơ sở định hướng chiến lược đã thiết lập:

- ▶ Tăng gấp đôi số dư CASA
- ▶ Cải thiện doanh thu theo hướng bền vững: Chuyển hướng tập trung từ doanh thu từ hoạt động cho vay sang doanh thu từ phí;
- ▶ Tập trung vào công tác thu hồi nợ xấu đồng thời theo sát và chuẩn bị cho công tác thành lập Công ty Quản lý tài sản Việt Nam (VAMC);
- ▶ Tăng cường quản trị rủi ro, dự báo thị trường và lựa chọn tăng trưởng tín dụng tại danh mục các doanh nghiệp và ngành hoạt động tốt;
- ▶ Tối ưu hoá nguồn lực, doanh thu và chi phí;

NHỮNG SÁNG KIẾN CHỦ CHỐT NĂM 2013

Để thực hiện được các mục tiêu chiến lược đã đề ra, trong năm 2013, Maritime Bank sẽ tăng cường năng lực quản trị nội bộ và nâng cao hiệu quả sử dụng nguồn lực để triển khai các sáng kiến chủ chốt:

- ▶ Tiếp tục hoàn thiện và triển khai tập trung hoá toàn bộ hoạt động tác nghiệp về một đơn vị đầu mối để nâng cao chất lượng cũng như tiết kiệm chi phí như tập trung hoạt động tác nghiệp tại quầy, kiểm soát giải ngân, tập trung về tài chính...; Áp dụng quy chuẩn quốc tế để tăng hiệu quả hoạt động hỗ trợ và tác nghiệp;

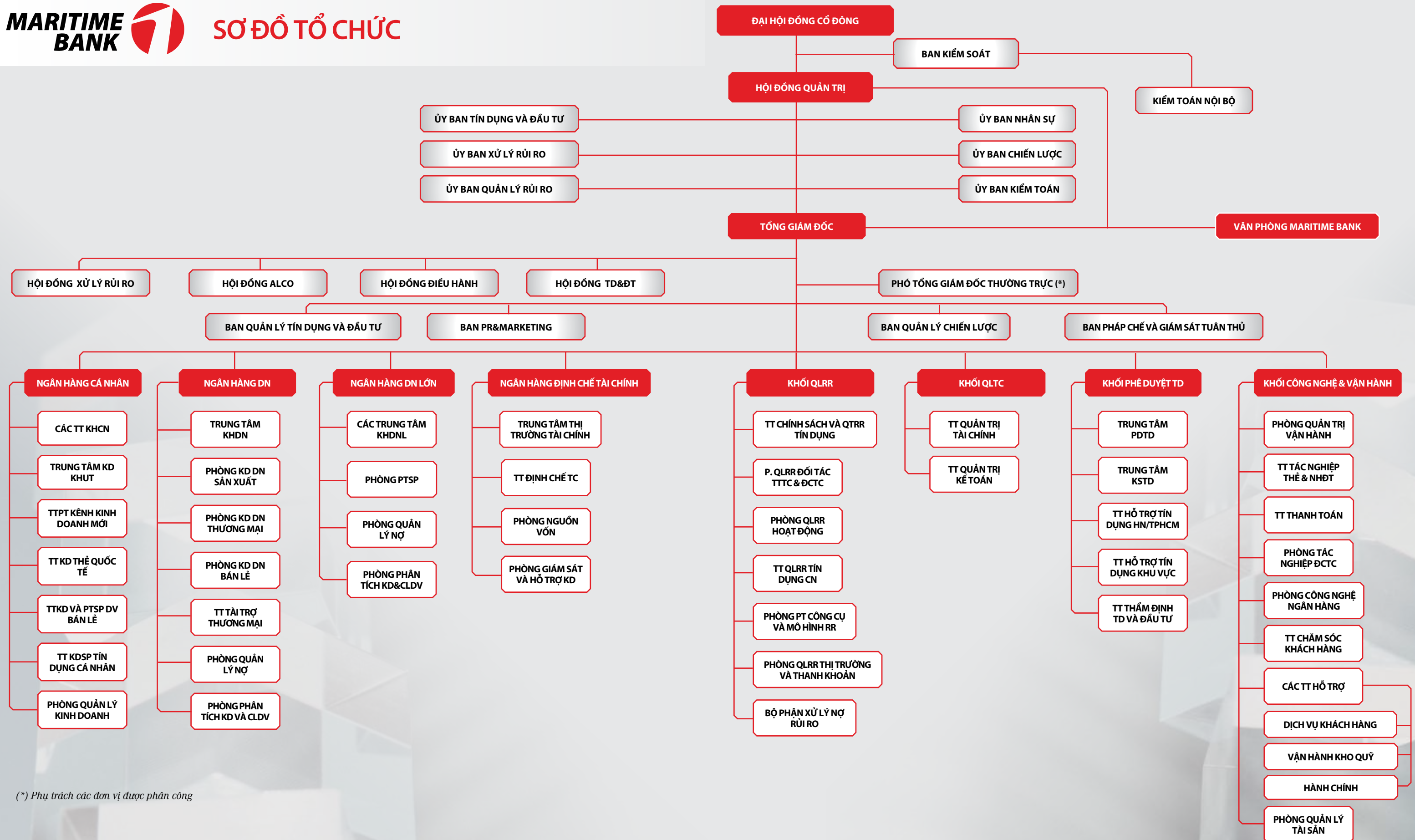
- ▶ Tái cấu trúc mô hình Ngân hàng Cá nhân và Ngân hàng Doanh nghiệp, tập trung nguồn lực và mạng lưới cho những phân khúc đủ lớn, có tiềm năng lợi nhuận và tạo ưu thế riêng cho Maritime Bank trên thị trường;
- ▶ Thí điểm các mô hình kinh doanh khác với mục tiêu cung cấp dịch vụ tài chính ngân hàng cho nhiều đối tượng ở các khu vực khác nhau và có tiềm năng cao;
- ▶ Chính thức triển khai Ngân hàng Giao dịch;
- ▶ Cải thiện hoạt động nguồn vốn theo chuẩn mực quốc tế, đa dạng hoá danh mục khách hàng và sản phẩm cung cấp, gia tăng lợi nhuận từ nguồn vốn và nâng cao mức độ cạnh tranh của hoạt động nguồn vốn trên thị trường;
- ▶ Tiếp tục củng cố mô hình Rủi ro tín dụng nhằm cải thiện chất lượng tín dụng;
- ▶ Đầu tư vào hệ thống công nghệ thông tin: hệ thống AML, CRM, ECM...;
- ▶ Cải thiện quy trình, quy chế nhằm tiết kiệm thời gian và nhân lực xử lý, đẩy nhanh tốc độ giao dịch với khách hàng và nâng cao năng lực cạnh tranh cho Ngân hàng;
- ▶ Tăng cường phát triển sản phẩm dịch vụ có thu phí, phát triển bán chéo, triển khai sản phẩm hướng đến khách hàng có tiềm lực tài chính lành mạnh với chính sách linh hoạt.



CƠ CẤU TỔ CHỨC NHÂN SỰ VÀ QUẢN TRỊ NHÂN LỰC

Cơ cấu tổ chức của Maritime Bank đã có nhiều thay đổi mang tính đột phá theo hướng điều hành tập trung, thống nhất; quản lý linh hoạt và chuyên môn hóa theo chức năng và đối tượng khách hàng nhằm phát huy hiệu quả mọi nguồn lực và trí tuệ của đội ngũ nguồn nhân lực chất lượng cao đảm bảo tiêu chí phục vụ khách hàng tận tâm, chu đáo và nhiệt thành.





(*) Phụ trách các đơn vị được phân công

NHÂN SỰ CỦA CÁC HỘI ĐỒNG, BAN



HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



ÔNG TRẦN ANH TUẤN

Chủ tịch HĐQT

☑ Trình độ học vấn: Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh (MBA), Đại học Griggs, Hoa Kỳ

☑ Quá trình công tác: Ông Trần Anh Tuấn được bầu vào Hội đồng Quản trị nhiệm kỳ IV (2007-2011) và đảm nhiệm chức danh Phó Chủ tịch HĐQT từ năm 2007. Từ tháng 10/2008, ông được bổ nhiệm kiêm giữ chức vụ Tổng Giám đốc Maritime Bank và đảm nhiệm vị trí đó cho đến khi trúng cử thành viên Hội đồng Quản trị nhiệm kỳ V (2012-2016) tại Đại hội đồng Cổ đông Maritime Bank lần thứ 20. Hiện nay, ông là Chủ tịch Hội đồng Quản trị, Chủ tịch Ủy ban Xử lý rủi ro và Chủ tịch Ủy ban Tín dụng & Đầu tư của Maritime Bank.



ÔNG FRANCIS ANDREW ROZARIO

Phó Chủ tịch HĐQT Thứ nhất

☑ Trình độ học vấn: Cử nhân Thương mại, Đại học Havard, Hoa Kỳ

☑ Quá trình công tác: Ông Francis Andrew Rozario từng đảm nhiệm vị trí lãnh đạo cấp cao tại các ngân hàng, công ty tài chính nổi tiếng như: Citi Group, Temasek Holdings, Fullerton Financial Holdings và nhiều ngân hàng, công ty tài chính khác tại Châu Phi, Châu Mỹ và Châu Á. Hiện ông đang đảm nhiệm vị trí Chủ tịch kiêm Giám đốc Điều hành của Công ty Asia Capital & Advisors Pte. Ltd, có trụ sở tại Singapore, chuyên về lĩnh vực tư vấn. Tại Đại hội đồng Cổ đông Maritime Bank lần thứ 20 ngày 27-2-2012, ông đã trúng cử thành viên độc lập Hội đồng Quản trị nhiệm kỳ V (2012-2016) và được bầu vào vị trí Phó Chủ tịch Hội đồng Quản trị Thứ nhất. Hiện nay, ông còn đảm nhiệm vị trí Chủ tịch Ủy ban Chiến lược của Maritime Bank.



ÔNG VŨ ĐỨC NHUẬN

Thành viên HĐQT

☑ Trình độ học vấn: Thạc sĩ Tài chính - Ngân hàng - Bảo hiểm, Đại học Quốc gia Hà Nội

☑ Quá trình công tác: Ông Vũ Đức Nhuận đã từng đảm nhiệm các vị trí lãnh đạo cấp cao tại VIB, Bảo Việt Bank và Maritime Bank. Tại Đại hội đồng Cổ đông Maritime Bank lần thứ 20, ông đã trúng cử thành viên Hội đồng Quản trị nhiệm kỳ V (2012-2016). Hiện nay, ông còn đảm nhiệm vị trí Chủ tịch Ủy ban Kiểm toán của Maritime Bank.



ÔNG ĐÀO TRỌNG KHANH

Phó Chủ tịch HĐQT Thường trực

☑ Trình độ học vấn: Thạc sĩ Kinh tế - Tài chính, Đại học Quốc gia Singapore

☑ Quá trình công tác: Ông Đào Trọng Khanh từng làm việc tại nhiều ngân hàng uy tín trên thế giới như Citi Group, Ceylon Bank, Mizuho Bank. Ông cũng đã đảm nhiệm các vị trí Tổng Giám đốc, Ủy viên Hội đồng Quản trị của Tiên Phong Bank, Phó Tổng Giám đốc Maritime Bank. Tại Đại hội đồng Cổ đông Maritime Bank lần thứ 20, ông trúng cử thành viên Hội đồng Quản trị nhiệm kỳ V (2012-2016) và được bầu vào vị trí Phó Chủ tịch Hội đồng Quản trị Thường trực. Hiện nay, ông còn đảm nhiệm vị trí Chủ tịch Ủy ban Quản lý rủi ro của Maritime Bank.



BÀ VŨ THỊ LIÊN

Thành viên HĐQT

☑ Trình độ học vấn: Tiến sĩ Tài chính - Ngân hàng Trường Kinh tế - Tài chính LeninGrad, Liên Xô (cũ)

☑ Quá trình công tác: Trước khi công tác tại Maritime Bank, bà Vũ Thị Liên giữ chức vụ Phó Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam. Sau khi nghỉ hưu theo chế độ, bà đảm nhiệm chức vụ Hiệu trưởng Trường Đại học Tư thục Đại Nam. Tại Đại hội đồng Cổ đông Maritime Bank lần thứ 19, năm 2011, bà được bầu vào Hội đồng Quản trị nhiệm kỳ IV (2007-2011) và đảm nhiệm chức danh Thành viên HĐQT độc lập. Tại Đại hội đồng Cổ đông thường niên lần thứ 20, bà trúng cử thành viên Hội đồng Quản trị nhiệm kỳ V (2012-2016). Hiện nay, bà còn đảm nhiệm vị trí Chủ tịch Ủy ban Nhân sự của Maritime Bank.



BAN KIỂM SOÁT



BÀ CHU THỊ ĐÀM

Thành viên Ban Kiểm soát

- ☑ Trình độ học vấn: Cử nhân Ngân hàng, Học viện Ngân hàng
- ☑ Quá trình công tác: Bà Chu Thị Đàm công tác tại Maritime Bank từ tháng 9/2008 và từng đảm nhiệm chức vụ Trưởng Phòng Kiểm toán nội bộ, Chủ nhiệm Kiểm toán tín dụng, Kiểm toán nội bộ Maritime Bank. Tại Đại hội đồng Cổ đông Maritime Bank lần thứ 20, bà đã trúng cử thành viên Ban Kiểm soát nhiệm kỳ V (2012-2016).

BÀ PHẠM THỊ THÀNH

Trưởng Ban Kiểm soát

- ☑ Trình độ học vấn: Thạc sỹ Kinh tế, Đại học Kinh tế Quốc dân Hà Nội
- ☑ Quá trình công tác: Trước khi công tác tại Maritime Bank, bà Phạm Thị Thành từng giữ các chức vụ: Phó Giám đốc Ngân hàng Nhà nước tỉnh Hà Tây (cũ); Phó Vụ trưởng Vụ Tổng Kiểm soát Ngân hàng Nhà nước Việt Nam; Ủy viên Hội đồng Quản trị, Trưởng Ban Kiểm soát Ngân hàng Chính sách Xã hội Việt Nam. Từ tháng 04/2009 đến 08/2009, bà được bầu làm Thành viên Ban Kiểm soát Maritime Bank. Bà đảm nhiệm chức vụ Trưởng Ban Kiểm soát từ tháng 9/2009 cho đến hết nhiệm kỳ IV. Tại Đại hội đồng cổ đông Maritime Bank lần thứ 20, bà tiếp tục trúng cử thành viên Ban Kiểm soát nhiệm kỳ V (2012-2016) và được bầu vào vị trí Trưởng Ban Kiểm soát.

BÀ LÊ THANH HÀ

Thành viên Ban Kiểm soát

- ☑ Trình độ học vấn: Thạc sỹ Quản trị kinh doanh, Đại học Grigg, Hoa Kỳ
- ☑ Quá trình công tác: Bà Lê Thanh Hà công tác tại Maritime Bank từ năm 1991 và từng đảm nhiệm vị trí lãnh đạo tại các bộ phận Kế toán, Dịch vụ khách hàng, Quản lý vốn, Đầu tư và kinh doanh ngoại tệ. Từ ngày 01/10/2010, bà Lê Thanh Hà được bổ nhiệm giữ chức vụ Phó Giám đốc Khối Thị trường Tài chính, Ngân hàng Định chế Tài chính Maritime Bank. Tại Đại hội đồng Cổ đông Maritime Bank lần thứ 20, bà đã trúng cử thành viên Ban Kiểm soát nhiệm kỳ V (2012-2016).



 HỘI ĐỒNG ĐIỀU HÀNH



HỘI ĐỒNG ĐIỀU HÀNH



ÔNG ATUL MALIK

Tổng Giám đốc

☑ Trình độ học vấn: Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh, Đại học Rice, Hoa Kỳ

☑ Quá trình công tác: Trước khi làm việc tại Maritime Bank, ông Atul Malik từng giữ nhiều vị trí quan trọng tại Ngân hàng Deutsche Bank, một trong số ngân hàng toàn cầu có quy mô lớn nhất thế giới như: Tổng Giám đốc Ngân hàng Bán lẻ và Doanh nghiệp, Deutsche Bank khu vực Châu Á; Thành viên Hội đồng Điều hành khu vực châu Á, Thành viên Ngân hàng Bán lẻ và Doanh nghiệp toàn cầu, thành viên Hội đồng Quản trị Deutsche Bank Trung Quốc. Sau đó, ông tham gia điều hành tại Citi Group với nhiều chức vụ: Tổng Giám đốc Ngân hàng bán lẻ, Citi Bank Hongkong; Thành viên Hội đồng Điều hành Citi Bank khu vực Châu Á, Thành viên Hội đồng Điều hành toàn cầu, Ngân hàng bán lẻ Citi Bank... Từ ngày 24/05/2012, ông được bổ nhiệm làm Tổng Giám đốc Maritime Bank kiêm Chủ tịch Hội đồng Điều hành.



ÔNG TRẦN XUÂN QUẢNG

Phó Tổng Giám đốc Thường trực kiêm Giám đốc Ban Quản lý Chiến lược Maritime Bank

☑ Trình độ học vấn: Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh, Đại học Nam California, Hoa Kỳ

☑ Quá trình công tác: Ông Trần Xuân Quảng đã từng đảm nhiệm các vị trí lãnh đạo cấp cao tại Bảo Việt Bank và Maritime Bank như: Phó Tổng Giám đốc phụ trách Nguồn vốn & Khách hàng Cá nhân, Giám đốc Khối Ngân hàng Doanh nghiệp Maritime Bank, Giám đốc Khối Ngân hàng Bán lẻ Bảo Việt Bank... Từ tháng 01/2011, ông được bổ nhiệm làm Phó Tổng Giám đốc Maritime Bank kiêm Giám đốc Khối Quản lý Chiến lược, Phó Giám đốc Dự án Phát triển Chiến lược. Kể từ ngày 16/03/2012, ông được bổ nhiệm làm Phó Tổng Giám đốc Thường trực Maritime Bank kiêm Giám đốc Ban Quản lý Chiến lược, đồng thời là thành viên Hội đồng Điều hành.



BÀ DƯƠNG THỊ MAI HOA

Tổng Giám đốc Ngân hàng Doanh nghiệp

☑ Trình độ học vấn: Thạc sĩ Quản lý, Universitaire Libre de Bruxelles

☑ Quá trình công tác: Trước khi gia nhập Maritime Bank, bà Hoa đã giữ các chức vụ quan trọng tại Ngân hàng Quốc tế (VIB) như: Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc Khối Ngân hàng bán lẻ, Giám đốc Tài chính... Trước đó, bà là quản lý cấp cao tại Công ty Oracle Việt Nam, Credit Lyonnais Bank, VMEP (Vietnam Manufacturing and Export Processing Company Ltd)... Từ ngày 21/02/2013, bà được bổ nhiệm chức vụ Tổng Giám đốc Ngân hàng Doanh nghiệp Maritime Bank.



ÔNG PHÙNG DUY KHƯƠNG

Tổng Giám đốc Ngân hàng Cá nhân

☑ Trình độ học vấn: Thạc sĩ Kế toán, Đại học Monash, Australia

☑ Quá trình công tác: Trước khi làm việc tại Maritime Bank, ông Phùng Duy Khương từng đảm nhiệm các vị trí lãnh đạo cấp cao như: Phó Chủ tịch phụ trách tài chính GE Money South East Asia kiêm Giám đốc phát triển Kinh doanh GE Money Vietnam; Phó Tổng Giám đốc phụ trách Ngân hàng Cá nhân Ngân hàng Đông Á. Từ tháng 8/2010, ông được bổ nhiệm làm Tổng Giám đốc Ngân hàng Cá nhân, đồng thời là thành viên Hội đồng Điều hành Maritime Bank.



HỘI ĐỒNG ĐIỀU HÀNH



ÔNG NGUYỄN HOÀNG AN

Tổng Giám đốc Ngân hàng Doanh nghiệp lớn

☑ Trình độ học vấn: Cử nhân Kinh tế, Trường Cao cấp nghiệp vụ ngân hàng

☑ Quá trình công tác: Ông Nguyễn Hoàng An làm việc tại Maritime Bank từ năm 1992 và từng giữ các chức vụ như: Trưởng phòng Tín dụng Maritime Bank Quảng Ninh, Phó phòng Xử lý rủi ro Maritime Bank, Trưởng phòng Tín dụng Maritime Bank Hà Nội, Giám đốc Maritime Bank Thanh Xuân, Giám đốc Maritime Bank Hà Nội, Phó Tổng Giám đốc Ngân hàng Doanh nghiệp lớn & Định chế Tài chính kiêm Giám đốc Khối Khách hàng Doanh nghiệp lớn, Phó Tổng Giám đốc. Từ tháng 02/2011, ông được bổ nhiệm làm Tổng Giám đốc Ngân hàng Doanh nghiệp lớn, đồng thời đảm nhiệm chức danh thành viên Hội đồng Điều hành Maritime Bank.



BÀ NGUYỄN HƯƠNG LOAN

Tổng Giám đốc Ngân hàng Định chế tài chính

☑ Trình độ học vấn: Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh, Đại học Sorbonne Paris 1

☑ Quá trình công tác: Bà Nguyễn Hương Loan từng giữ các chức vụ lãnh đạo như: Phó Giám đốc Khối Nguồn vốn Techcombank, Giám đốc Khối Nguồn vốn Ban Trù bị Vietstarbank, Giám đốc Khối Nguồn vốn PGBank, Phó Tổng Giám đốc Maritime Bank phụ trách Khối Nguồn vốn. Từ tháng 1/2011, bà được bổ nhiệm làm Tổng Giám đốc Ngân hàng Định chế Tài chính, thành viên Hội đồng Điều hành Maritime Bank.



ÔNG LÊ QUANG VU

Tổng Giám đốc Ngân hàng Đại chúng

☑ Trình độ học vấn: Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh, Trường Quản trị kinh doanh Maastricht, Hà Lan

☑ Quá trình công tác: Trước khi làm việc tại Maritime Bank, ông Vu từng giữ các chức vụ: Giám đốc Khối Ngân hàng Phát triển Mekong, Giám đốc Sale & Marketing SGVF và hơn 10 năm kinh nghiệm quản lý cấp cao tại ngành hàng tiêu dùng và bán lẻ như Viễn thông A, Metro Cash & Carry, Castrol, Unza và Unilever. Từ ngày 05/03/2013, ông được bổ nhiệm làm Tổng Giám đốc Ngân hàng Đại chúng Maritime Bank, đồng thời đảm nhiệm chức danh thành viên Hội đồng Điều hành Maritime Bank.



ÔNG NILESH BANGLOREWALA

Giám đốc Khối Quản lý Tài chính

☑ Trình độ học vấn: Cử nhân Thương mại và Kế toán công chứng, Học viện Kế toán Ấn Độ

☑ Quá trình công tác: Ông Nilesh Banglorewala có nhiều năm kinh nghiệm làm việc tại các ngân hàng lớn trên thế giới như HSBC, Standard Chartered Bank, Scotia Capital với nhiều vị trí như Giám đốc Vùng Quản lý Tài chính, Giám đốc Tài chính tại một số quốc gia trong khu vực Châu Á và Trung Cận Đông. Tháng 07/2011, ông được bổ nhiệm chức vụ Giám đốc Khối Quản lý Tài chính Maritime Bank, đồng thời đảm nhiệm chức danh thành viên Hội đồng Điều hành Maritime Bank.



HỘI ĐỒNG ĐIỀU HÀNH



BÀ NGUYỄN THỊ LỮ

Kế toán trưởng

- ☑ Trình độ học vấn: Thạc sỹ Kinh tế, Học viện Ngân hàng
- ☑ Quá trình công tác: Trước khi làm việc tại Maritime Bank, bà Nguyễn Thị Lữ từng giữ các chức vụ: Trưởng phòng Quản lý Tài chính kế toán Vietinbank; Phó giám đốc Vietinbank Hoàn Kiếm. Từ tháng 10/2009, bà đảm nhiệm chức vụ Kế toán trưởng Maritime Bank, đồng thời đảm nhiệm chức danh thành viên Hội đồng Điều hành Maritime Bank. Từ tháng 06/2012, bà được giao kiêm giữ chức vụ Giám đốc Trung tâm Quản trị Kế toán, Khối Quản lý Tài chính.



ÔNG TRẦN THANH NAM

Giám đốc Khối Vận hành

- ☑ Trình độ học vấn: Tiến sỹ Công nghệ Thông tin, Đại học Monash, Australia
- ☑ Quá trình công tác: Trước khi làm việc tại Maritime Bank, ông Trần Thanh Nam từng làm Phó Tổng Giám đốc Mobivi (Việt Nam), Giám đốc Chương trình ở Microsoft (USA) và Tư vấn cao cấp ở Readify Pty Ltd (Australia). Từ 01/2010, ông gia nhập Maritime Bank với vị trí Phó Giám đốc Khối Công nghệ Ngân hàng. Từ tháng 03/2011, ông được bổ nhiệm làm Giám đốc Khối Công nghệ và Vận hành, thành viên Hội đồng Điều hành Maritime Bank.



ÔNG TẠ NGỌC ĐA

Giám đốc Khối Phê duyệt Tín dụng

- ☑ Trình độ học vấn: Cử nhân Tài chính Tín dụng, Đại học Kinh tế TP. HCM
- ☑ Quá trình công tác: Ông Tạ Ngọc Đa công tác tại Martime Bank từ đầu năm 2010 và từng giữ các chức vụ: Phó Tổng Giám đốc Maritime Bank, Giám đốc Khối Phê duyệt Tín dụng Maritime Bank kiêm Giám đốc Trung tâm Xử lý Tín dụng tập trung Hồ Chí Minh. Từ tháng 06/2012, ông được bổ nhiệm làm Giám đốc Khối Phê duyệt Tín dụng kiêm phụ trách Ban Quản lý Tín dụng 2, đồng thời đảm nhiệm chức danh thành viên Hội đồng Điều hành Maritime Bank.



HỘI ĐỒNG ĐIỀU HÀNH



ÔNG HOÀNG XUÂN HIỆP

Giám đốc Ban Quản lý Tín dụng và Đầu tư

- ☑ Trình độ học vấn: Thạc sỹ Quản lý Nhà nước, Học viện Hành chính Quốc gia
- ☑ Quá trình công tác: Ông Hoàng Xuân Hiệp từng giữ các chức vụ Giám đốc Ngân hàng Chính sách Xã hội Quận Tây Hồ; Giám đốc Maritime Bank Đống Đa, Phó Tổng Giám đốc Ngân hàng Doanh nghiệp kiêm Giám đốc Vùng I, Trưởng Ban Trù bị thành lập Ngân hàng 100% vốn của Maritime Bank tại Campuchia, Phó Tổng Giám đốc Maritime Bank. Từ tháng 06/2012, ông được bổ nhiệm làm Giám đốc Ban Quản lý Tín dụng, đồng thời đảm nhiệm chức danh thành viên Hội đồng Điều hành Maritime Bank.



ÔNG TRƯƠNG THANH ĐỨC

Giám đốc Ban Pháp chế và Giám sát Tuân thủ

- ☑ Trình độ học vấn: Luật sư, Trọng tài viên của Trung tâm Trọng tài Quốc tế Việt Nam
- ☑ Quá trình công tác: Ông Trương Thanh Đức đã từng giữ các chức vụ lãnh đạo như: Giám đốc Pháp chế Bảo Việt Bank; Trưởng Phòng Pháp chế, Trưởng Ban Thư ký HĐQT, Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc Khối Pháp chế & GSTT Maritime Bank. Từ tháng 06/2012, ông được bổ nhiệm làm Giám đốc Ban Pháp chế & Giám sát tuân thủ, đồng thời đảm nhiệm chức danh thành viên Hội đồng Điều hành Maritime Bank.

CỔ ĐÔNG

Cơ cấu cổ đông

Loại cổ đông	Tổng số cổ đông	Tỷ lệ sở hữu cổ phần
Cổ đông trong nước		
- Cổ đông cá nhân	3.876	28,28%
- Cổ đông tổ chức	66	71,72%
Cộng	3.942	100%
Cổ đông nước ngoài	-	-
Cộng	3.942	100%

Chi tiết về cổ đông lớn (sở hữu từ 5% vốn cổ phần trở lên)

STT	Tên cổ đông	Địa chỉ	Số Đăng ký kinh doanh	Tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông
1	Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam	57 Huỳnh Thúc Kháng, Đống Đa, HN	0100684378	8,95%
	Cộng			8,95%

ĐƯỜNG LỐI QUẢN TRỊ NHÂN LỰC



Một số chỉ tiêu nhân sự

	Năm 2012	Năm 2011
Bình quân số cán bộ, công nhân viên (người)	5.441	4.699
Tổng quỹ lương (triệu đồng)	733.581	503.242
Tổng thu nhập (triệu đồng)	744.788	526.825
Tiền lương bình quân tháng (triệu đồng)	11,2	8,9
Thu nhập bình quân tháng (triệu đồng)	11,4	9,3

Công tác quản trị nhân sự

Triển khai các dự án chuyển đổi mô hình và bố trí, sắp xếp lại nhân sự

Điểm nổi bật nhất trong công tác quản trị nhân sự của Maritime Bank năm 2012 là việc triển khai các dự án chuyển đổi mô hình tổ chức và bố trí, sắp xếp lại nhân sự.

Nhằm tinh giản bộ máy và tập trung nguồn lực để phát triển các lĩnh vực cốt lõi của Ngân hàng, giúp nâng cao vị thế, hiệu quả hoạt động kinh doanh và phát triển bền vững, cùng với hàng loạt những giải pháp về chiến lược kinh doanh và nhân sự được điều chỉnh phù hợp thì trong năm 2012, Maritime Bank đã chuyển dần một số đơn vị ra khỏi cơ cấu tổ chức bộ máy và thực hiện thuê ngoài các dịch vụ: quản lý nhân sự, bán hàng trực tiếp, dịch vụ công nghệ, phát triển mạng lưới...

Bên cạnh công tác quy hoạch và bổ nhiệm cán bộ, việc bố trí, sắp xếp lại nhân sự đã được triển khai mạnh mẽ. Theo đó, đã có hàng trăm lượt CBNV được sắp xếp lại và bố trí phù hợp với mô hình tổ chức mới nhằm phát huy tối đa năng lực, sở trường của từng cá nhân, trên cơ sở đó gia tăng năng suất lao động.

Với những giải pháp này, Maritime Bank đã tiết giảm được 15% chi phí nhân sự, trong khi đó năng suất lao động đã được cải thiện đáng kể so với năm 2011.

Quản lý theo KPIs

Năm 2012, Maritime Bank đã tiếp tục triển khai áp dụng cơ chế KPIs ngày càng sâu rộng. Việc đo lường chính xác kết quả thực hiện công việc này đã góp phần quan trọng ghi nhận và phát huy sự nỗ lực đóng góp của mỗi CBNV vào sự phát triển chung của Maritime Bank. Đây là một điểm nhấn tạo nên tính hiệu quả và cũng là sự khác biệt so với nhiều ngân hàng tại Việt Nam trong thời gian qua.

Triển khai dự án “Phần mềm nhân sự”

Trong năm 2012, Maritime Bank đã triển khai và đưa vào áp dụng thành công dự án “Phần mềm nhân sự”. Theo đó, công tác tác nghiệp nhân sự được đẩy nhanh, thông suốt, kịp thời, tăng độ chính xác, giảm thiểu các tác nghiệp mang tính thủ công đồng thời tạo tính linh hoạt trong xử lý công việc và áp dụng cơ chế chính sách, phương án quản lý nhân sự.

Công tác đào tạo phát triển nguồn nhân lực

Năm 2012, Maritime Bank đã liên tục triển khai các chương trình đào tạo. Trong đó, đáng chú ý nhất là việc triển khai tháp đào tạo cho Ngân hàng Cá nhân, các chương trình đào tạo quy hoạch và đào tạo lãnh đạo trẻ. Phương pháp giảng dạy chuyên nghiệp, thường xuyên được đổi mới và phát triển đã góp phần nâng cao hiệu quả trong công tác đào tạo, giúp phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao để phục vụ chiến lược phát triển bền vững của Maritime Bank.

Chế độ chính sách và phúc lợi

Trước thực trạng khó khăn của ngành tài chính ngân hàng trong năm 2012: doanh thu kém, lợi nhuận sụt giảm, nợ xấu tăng nhanh, chế độ đãi ngộ của Maritime Bank vẫn được bảo đảm và duy trì ở mức cạnh tranh. Việc chăm lo cho đời sống của người lao động vẫn được Ngân hàng quan tâm đúng mức.

Năm 2012, toàn bộ CBNV Maritime Bank đã được chăm sóc sức khỏe toàn diện với chương trình “MSB Care”. Trên thực tế, 6.000 hồ sơ yêu cầu bồi thường của hơn 2.000 lượt cán bộ đã được giải quyết. Mức thu nhập cạnh tranh, tương xứng với năng suất, chất lượng, hiệu quả công việc và những chế độ phúc lợi đi kèm đã thể hiện sự ghi nhận, quan tâm thực sự của Ban Lãnh đạo đối với toàn thể CBNV. Đó chính là nhân tố quan trọng trong việc xây dựng một tập thể đoàn kết, ổn định và vững mạnh.

Giải thưởng

STT	Tên giải thưởng	Tổ chức trao tặng
1	Vietnam Banking Reputation Awards 2011	Tập đoàn Media Tenor, Công ty Cổ phần Báo cáo đánh giá Việt Nam (Vietnam Report) và Báo VietNamNet phối hợp tổ chức
2	Thương hiệu mạnh Việt Nam 2012	Thời báo Kinh tế Việt Nam và Cục Xúc tiến thương mại (Bộ Công thương) trao tặng
3	Top 3 ứng viên của Giải thưởng chiến dịch Marketing ra mắt thẻ tốt nhất (Best New Card Launch)	Hội đồng MasterCard Hall of Fame Awards khu vực Đông Nam Á
4	Cờ thi đua vì đã có thành tích xuất sắc dẫn đầu phong trào thi đua ngành Ngân hàng năm 2011 theo Quyết định số 1102/QĐ-NHNN ngày 28/5/2012	Thống đốc Ngân hàng Nhà Nước Việt Nam trao tặng
5	Giám đốc Khối Công nghệ Ngân hàng Maritime Bank đạt giải thưởng Lãnh đạo Công nghệ Thông tin tiêu biểu Đông Nam Á năm 2012	Tập đoàn dữ liệu quốc tế IDG tại Việt Nam phối hợp cùng câu lạc bộ CEO&CIO tổ chức
6	Top 100 Thương hiệu Việt bền vững năm 2012	Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật Việt Nam tổ chức
7	Giám đốc Ban Pháp chế và Giám sát Tuân thủ Maritime Bank được trao giải Luật sư vì cộng đồng năm 2012	Bộ Tư pháp xây dựng và Pháp luật Việt Nam tổ chức
8	Ngân hàng có tỷ lệ công điện đạt chuẩn cao (Straight - Through - Processing - STP Award) năm 2011	Ngân hàng Wells Fargo – một trong những ngân hàng hàng đầu của Mỹ trao tặng
9	Ngân hàng tiêu biểu đối với nghiệp vụ Hệ thống xếp hạng tín nhiệm khách hàng doanh nghiệp năm 2012	Ngân hàng Nhà nước và Trung tâm Thông tin tín dụng (CIC) trao tặng
10	Giải thưởng Ngân hàng tiêu biểu tại Việt Nam – Vietnam Outstanding Banking Awards 2012	Tập đoàn Dữ liệu Quốc tế IDG trao tặng
11	Top 5 doanh nghiệp có logo ấn tượng nhất năm 2012	Hội sở hữu trí tuệ TP. HCM trao tặng
12	Doanh nghiệp dịch vụ được hài lòng nhất	Hội Doanh nghiệp Hàng Việt Nam chất lượng cao phối hợp cùng Báo Sài Gòn Tiếp Thị và Trung tâm BSA tổ chức
13	Thành viên xuất sắc thị trường trái phiếu Chính phủ thứ cấp 2012	Sở chứng khoán Hà Nội trao tặng
14	Nhà tạo lập thị trường chào giá tốt thứ 2 năm 2012	Hiệp hội thị trường trái phiếu Việt Nam trao tặng
15	Trái tim nhân ái tỏa sáng năm 2012	Hội Chữ thập đỏ Việt Nam phối hợp với Truyền hình nhân đạo Việt Nam trao tặng

Awards
2011-2012





NHỮNG SỰ KIỆN ĐÁNG CHÚ Ý

✓ Tháng 1/2012

Ngày 05/01/2012, Maritime Bank tổ chức buổi Báo cáo với Ngân hàng Nhà nước về kết quả triển khai Dự án yêu cầu tối thiểu Quản lý rủi ro và áp dụng Quản trị rủi ro trên phần mềm Kondor+.

✓ Tháng 2/2012

Ngày 10/02/2012, Maritime Bank khai trương và đưa vào hoạt động Chi nhánh Bắc Giang.

- Ngày 21/02/2012, Maritime Bank khai trương điểm giao dịch đầu tiên tại tỉnh Quảng Nam – Chi nhánh Maritime Bank Quảng Nam.
- Ngân hàng Nhà nước chính thức giao chỉ tiêu tín dụng năm 2012 cho Maritime Bank ở mức 17%. Theo đó, Maritime Bank là một trong những ngân hàng thuộc nhóm đầu được

cấp mức tăng trưởng tín dụng cao nhất trong năm.

Ngày 27/02/2012, tại Hà Nội, Maritime Bank tổ chức thành công phiên họp Đại hội đồng Cổ đông thường niên lần thứ 20.

✓ Tháng 3/2012

Ngày 03/03/2012, Maritime Bank tổ chức Hội nghị Tổng kết hoạt động kinh doanh năm 2011 và đề ra phương hướng hoạt động cho năm 2012.

Ngày 21/03/2012, Maritime Bank khai trương và đưa vào hoạt động Maritime Bank Kiên Giang.

✓ Tháng 4/2012

Ngày 11/04/2012, Maritime Bank khai trương Phòng Giao dịch Bình Tân.

Ngày 16/04/2012, Maritime Bank khai trương Phòng Giao dịch Bàn Cờ.

Ngày 18/04/2012, Maritime Bank Sài Gòn chính thức khai trương trụ sở mới.

Ngày 18 và 20/04/2012, Maritime Bank khai trương và đưa vào hoạt động Phòng Giao dịch Yokohama và Phòng Giao dịch Phú Cường.

Ngày 22/04/2012, Maritime Bank tài trợ hội thảo “Ổn định vĩ mô, tái cấu trúc nền kinh tế - Tìm hướng đi cho doanh nghiệp” do Trường Đào tạo Doanh nhân PTI tổ chức.

✓ Tháng 5/2012

Ngày 30/05/2012, Maritime Bank và VID Group phối hợp với Ban Thường vụ tỉnh Đoàn Phú Yên tổ chức Lễ phát động Tháng hành động Vì trẻ em năm 2012 với chủ đề “Thắp sáng ước mơ thiếu nhi Phú Yên”. Tại sự kiện, Lãnh đạo 2 đơn vị đã trao tặng 40 suất học bổng Smiling Tomorrow cho các em thiếu nhi có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn.

✓ Tháng 6/2012

Ngày 22/06/2012, Maritime Bank chính thức đưa vào hoạt động Phòng Giao dịch Phan Đình Phùng.

✓ Tháng 7/2012

Maritime Bank nhận được công văn số 7095/BTC-TCHQ của Bộ Tài chính về việc chấp thuận cho Ngân hàng trở thành 1 trong 4 đại lý thí điểm hoàn thuế GTGT đối với hàng hóa của người nước ngoài mua tại Việt Nam mang theo khi xuất cảnh qua cửa khẩu sân bay quốc tế Nội Bài và sân bay quốc tế Tân Sơn Nhất.

Ngày 4/7/2012, Maritime Bank và Công ty Bảo hiểm nhân thọ Prudential Việt Nam ký kết thỏa thuận hợp tác phát triển mô hình bảo hiểm qua ngân hàng.

✓ Tháng 8/2012

Kể từ ngày 01/8/2012, Tổng Công ty Bảo hiểm Bảo Việt cùng Maritime Bank tiếp tục mở rộng hợp tác qua việc phát triển sản phẩm bảo hiểm nhà tư nhân.

Ngày 02/08/2012, Maritime Bank đã chính thức khai trương và đưa vào hoạt động Phòng Giao dịch Nguyễn Văn Trỗi.

Từ ngày 01-03/08/2012, Maritime Bank là nhà tài trợ Kim cương cho Liên hoan quốc tế Võ cổ truyền Việt Nam lần thứ IV năm 2012.

Ngày 16/08/2012, Maritime Bank chính thức khai trương và đưa vào hoạt động Phòng Giao dịch Tân Thuận.

✓ Tháng 9/2012

Ngày 18/09/2012, Maritime Bank chính thức khai trương và đưa vào hoạt động Phòng Giao dịch Lê Đại Hành.

✓ Tháng 10/2012

Ngày 09/10/2012, Maritime Bank và Tổng cục Hải quan đã ký kết thỏa thuận hợp tác phối hợp thu Ngân sách Nhà nước và bảo lãnh thuế với hàng hóa xuất nhập khẩu.

Ngày 31/10/2012, Maritime Bank đã tổ chức khai trương thí điểm dịch vụ thu thuế xuất nhập khẩu cho doanh nghiệp tại 04 chi nhánh ở Hà Nội.

✓ Tháng 11/2012

Ngày 29/11/2012, Maritime Bank đã chính thức khai trương trụ sở mới Maritime Bank Tân Thành.

✓ Tháng 12/2012

Ngày 11/12/2012, Maritime Bank đã chính thức khai trương văn phòng mới Trung tâm khách hàng Doanh nghiệp TP. Hồ Chí Minh (SME TP. Hồ Chí Minh).

Ngày 14/12/2012, tại Trung tâm Hội nghị Grand Palace, Hội sở hữu trí tuệ TP. HCM đã tổ chức diễn đàn “Làm gì để thương hiệu Việt đứng vững” và tôn vinh các doanh nghiệp có logo ấn tượng năm 2012. Maritime Bank đã vinh dự lọt vào Top 5 thương hiệu logo ấn tượng nhất năm 2012 và là đại diện ngân hàng duy nhất nhận được giải thưởng này.

Ngày 21/12/2012, Maritime Bank đã chính thức khai trương trụ sở mới Phòng Giao dịch An Sương.



BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: **Các Cổ đông**
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Hàng Hải Việt Nam

Chúng tôi đã kiểm toán các báo cáo tài chính hợp nhất của Ngân hàng TMCP Hàng hải Việt Nam (“Ngân hàng”) và công ty con, bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

Việc lập và trình bày các báo cáo tài chính hợp nhất này thuộc trách nhiệm của Ban Điều hành của Ngân hàng. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo tài chính hợp nhất này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi.

Cơ sở ý kiến Kiểm toán

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện việc kiểm toán để đạt được mức tin cậy hợp lý về việc liệu các báo cáo tài chính hợp nhất có còn các sai sót trọng yếu hay không. Việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu, các bằng chứng về số liệu và các thuyết minh trên các báo cáo tài chính hợp nhất. Việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá các nguyên tắc kế toán đã được áp dụng và các ước tính quan trọng của Ban Điều hành cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể các báo cáo tài chính hợp nhất. Chúng tôi tin tưởng rằng công việc kiểm toán của chúng tôi cung cấp cơ sở hợp lý cho ý kiến kiểm toán.

Ý kiến Kiểm toán

Theo ý kiến của chúng tôi, các báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, xét trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Ngân hàng và công ty con vào ngày 31 tháng 12 năm 2012, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán và Hệ thống Kế toán các Tổ chức Tín dụng Việt Nam và tuân thủ theo các quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.


Nguyễn Xuân Đại
Phó Tổng Giám đốc
Chứng chỉ kiểm toán viên số: 0452/KTV

Hà Nội, Việt Nam
Ngày 20 tháng 3 năm 2013


Nguyễn Chí Cường
Kiểm toán viên
Chứng chỉ kiểm toán viên số: 1103/KTV



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

	Thuyết minh	31/12/2012 triệu đồng	31/12/2011 triệu đồng
TÀI SẢN			
Tiền mặt, vàng bạc, đá quý	5	987.535	1.220.867
Tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (“NHNN”)	6	4.499.702	964.132
Tiền, vàng gửi và cho vay các TCTD khác	7	28.985.403	28.761.657
Tiền, vàng gửi tại TCTD khác	7.1	17.955.227	28.477.581
Cho vay các TCTD khác	7.2	11.084.589	290.000
Dự phòng rủi ro cho vay các TCTD khác	7.2	(54.413)	(5.924)
Chứng khoán kinh doanh	8	57.270	50.691
Chứng khoán kinh doanh		93.201	89.186
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh		(35.931)	(38.495)
Các công cụ tài chính phái sinh và các tài sản tài chính khác	9	58.325	74.103
Cho vay khách hàng		28.193.028	37.388.434
Cho vay khách hàng	10	28.943.630	37.752.939
Dự phòng rủi ro cho vay khách hàng	11	(750.602)	(364.505)
Chứng khoán đầu tư	12	30.237.353	34.087.715
Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán		30.388.907	34.123.344
Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn		-	-
Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư		(151.554)	(35.629)
Góp vốn, đầu tư dài hạn	13	2.103.488	1.754.772
Vốn góp liên doanh		-	-
Đầu tư dài hạn khác		2.109.273	1.754.772
Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn		(5.785)	-
Tài sản cố định	14	900.846	724.903
Tài sản cố định hữu hình	14.1	355.951	241.739
Nguyên giá tài sản cố định		527.937	350.373
Hao mòn tài sản cố định		(171.986)	(108.634)
Tài sản cố định thuê tài chính	14.2	296.438	303.083
Nguyên giá tài sản cố định		312.780	312.780
Hao mòn tài sản cố định		(16.342)	(9.697)
Tài sản cố định vô hình	14.3	248.457	180.081
Nguyên giá tài sản cố định		308.511	219.593
Hao mòn tài sản cố định		(60.054)	(39.512)
Bất động sản đầu tư	15	1.023.789	1.076.725
Nguyên giá bất động sản đầu tư		1.061.315	1.092.413
Hao mòn bất động sản đầu tư		(37.526)	(15.688)
Tài sản có khác	16	12.876.637	8.270.999
Các khoản phải thu		9.011.234	2.962.891
Các khoản lãi, phí phải thu		3.670.346	3.070.797
Các khoản phải thu Ngân sách nhà nước		25.924	-
Tài sản Có khác		311.002	2.257.491
Dự phòng rủi ro cho các tài sản Có nội bảng khác		(141.869)	(20.180)
TỔNG TÀI SẢN		109.923.376	114.374.998



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

	Thuyết minh	31/12/2012 triệu đồng	31/12/2011 triệu đồng
NỢ PHẢI TRẢ			
Các khoản nợ Chính phủ và NHNN	17	5.329.623	10.116.221
Tiền gửi và vay các TCTD khác	18	30.234.984	22.830.507
Tiền gửi của các TCTD khác	18.1	17.615.920	20.350.698
Vay các TCTD khác	18.2	12.619.064	2.479.809
Tiền gửi của khách hàng	19	59.586.516	62.294.523
Vốn tài trợ, uỷ thác đầu tư, cho vay mà TCTD chịu rủi ro	20	145.363	394.048
Phát hành giấy tờ có giá	21	2.295.002	7.178.500
Các khoản nợ khác	22	3.241.857	2.061.318
Các khoản lãi, phí phải trả		1.438.049	1.296.142
Thuế và các khoản phải trả nhà nước	23	-	301.474
Các khoản phải trả và công nợ khác		1.778.470	432.353
Dự phòng cho công nợ tiềm ẩn và cam kết ngoại bảng		25.338	31.349
TỔNG NỢ PHẢI TRẢ		100.833.345	104.875.117
VỐN CHỦ SỞ HỮU			
Vốn và các quỹ			
Vốn của TCTD	24	8.352.692	8.400.607
Vốn điều lệ		8.000.000	8.000.000
Vốn đầu tư XDCB		607	607
Thặng dư vốn cổ phần		400.000	400.000
Cổ phiếu quỹ		(47.915)	-
Quỹ của TCTD	24	467.511	410.670
Lợi nhuận chưa phân phối/(Lỗ lũy kế)	24	269.828	688.604
TỔNG VỐN CHỦ SỞ HỮU		9.090.031	9.499.881
TỔNG NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU		109.923.376	114.374.998



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	Thuyết minh	31/12/2012 triệu đồng	31/12/2011 triệu đồng
Nghĩa vụ nợ tiềm ẩn			
Cam kết bảo lãnh		1.809.425	7.920.846
Cam kết trong nghiệp vụ L/C		892.547	1.223.616
Trừ: Tiền ký quỹ mở thư tín dụng, ký quỹ bảo lãnh		(268.147)	(2.041.288)
	39	2.433.825	7.103.174

Người lập: 
Bà Nguyễn Thị Tuyết Nhung
Kế toán viên

Người phê duyệt: 
Bà Nguyễn Thị Lữ
Kế toán Trưởng

Người phê duyệt: 
Ông Atul Malik
Tổng Giám đốc



Hà Nội, Việt Nam
Ngày 20 tháng 03 năm 2013



BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

	Thuyết minh	Năm 2012 triệu đồng	Năm 2011 triệu đồng
Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự	27	11.927.357	14.078.653
Chi phí lãi và các chi phí tương tự	28	(9.917.431)	(12.521.177)
Thu nhập lãi thuần		2.009.926	1.557.476
Thu nhập từ hoạt động dịch vụ		171.870	440.193
Chi phí hoạt động dịch vụ		(132.209)	(96.442)
Lãi thuần từ hoạt động dịch vụ	29	39.661	343.751
Lãi thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối	30	87.982	41.904
Lãi (lỗ) thuần từ mua bán chứng khoán kinh doanh	31	1.351	(35.017)
Lãi (lỗ) thuần từ mua bán chứng khoán đầu tư	32	98.515	(29.308)
Thu nhập từ hoạt động khác		530.222	829.332
Chi phí hoạt động khác		(285.535)	(417.270)
Lãi thuần từ hoạt động khác	33	244.687	412.062
Thu nhập từ góp vốn, mua cổ phần	34	137.392	121.610
TỔNG THU NHẬP HOẠT ĐỘNG		2.619.514	2.412.478
Chi phí nhân viên		(814.362)	(578.456)
Chi phí khấu hao và khấu trừ	14,15,35	(127.322)	(69.076)
Chi phí hoạt động khác		(913.642)	(608.372)
TỔNG CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG	35	(1.855.326)	(1.255.904)
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh trước chi phí dự phòng rủi ro tín dụng		764.188	1.156.574
Chi phí dự phòng cho vay TCTD		(48.489)	(5.924)
Chi phí dự phòng rủi ro cho vay khách hàng và công nợ tiềm ẩn, cam kết ngoại bảng	11	(562.530)	(237.052)
Hoàn nhập dự phòng rủi ro tín dụng		102.223	122.997
TỔNG LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ		255.392	1.036.595
Chi phí thuế TNDN hiện hành	23.1	(28.978)	(239.255)
Chi phí thuế TNDN hoãn lại		-	-
Chi phí thuế TNDN		(28.978)	(239.255)
LỢI NHUẬN SAU THUẾ		226.414	797.340
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (đồng)	25	284	1.202

Người lập:

Bà Nguyễn Thị Tuyết Nhung
Kế toán viên

Người phê duyệt

Bà Nguyễn Thị Lữ
Kế toán Trưởng

Người phê duyệt

Ông Atul Malik
Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam, Ngày 20 tháng 03 năm 2013



BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

	Thuyết minh	Năm 2012 triệu đồng	Năm 2011 triệu đồng
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự nhận được		11.327.808	12.561.487
Chi phí lãi và các chi phí tương tự đã trả		(9.775.522)	(12.046.563)
Thu nhập từ hoạt động dịch vụ nhận được		39.660	343.751
Chênh lệch số tiền thực thu/thực chi từ hoạt động kinh doanh chứng khoán, vàng bạc, ngoại tệ		301.209	13.358
Thu nhập khác		525.231	792.169
Chi phí khác		(797.788)	(713.412)
Tiền thu các khoản nợ đã được xử lý xoá, bù đắp bằng nguồn dự phòng rủi ro		3.780	36.335
Tiền chi trả cho nhân viên và hoạt động quản lý, công vụ		(1.211.763)	(923.521)
Tiền thuế thu nhập thực nộp trong kỳ	23.1	(295.606)	(319.335)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi về tài sản và vốn lưu động		117.009	(255.731)
Những thay đổi về tài sản hoạt động		2.757.509	156.402
Tăng các khoản tiền, vàng gửi và cho vay các TCTD khác		(6.369.710)	(4.190.130)
(Tăng)/Giảm các khoản về kinh doanh chứng khoán		4.362.191	(5.026.071)
(Tăng)/Giảm các công cụ tài chính phái sinh và các tài sản tài chính khác		15.778	(74.103)
(Tăng)/Giảm các khoản cho vay khách hàng		8.809.309	(5.923.404)
Giảm nguồn dự phòng để bù đắp tổn thất các khoản (tín dụng, chứng khoán, đầu tư dài hạn)		(80.221)	(62.357)
(Tăng)/Giảm khác về tài sản hoạt động		(3.979.838)	15.432.467
Những thay đổi về công nợ hoạt động		(3.931.870)	(4.289.091)
Giảm các khoản nợ Chính phủ và NHNN		(4.786.598)	(1.716.952)
Tăng/(Giảm) các khoản tiền gửi, tiền vay các TCTD		7.404.477	(10.528.356)
Tăng/(Giảm) tiền gửi của khách hàng (bao gồm cả KBNN)		(2.708.008)	13.667.815
Tăng/(Giảm) phát hành giấy tờ có giá (ngoại trừ giấy tờ có giá phát hành được tính vào hoạt động tài chính)		(4.883.498)	(5.016.821)
Tăng/(Giảm) vốn tài trợ, uỷ thác đầu tư, cho vay mà TCTD chịu rủi ro		(248.685)	(877.096)
Tăng/(Giảm) các công cụ tài chính phái sinh và các khoản nợ tài chính khác		-	(78.869)
Tăng/(Giảm) khác về công nợ hoạt động		1.322.909	286.235
Chi từ các quỹ của TCTD	24	(32.467)	(25.047)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		(1.057.352)	(4.388.420)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Mua sắm tài sản cố định	14	(287.048)	(147.766)
Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ		1.213	829
Mua sắm bất động sản đầu tư		(5.135)	(1.029.933)
Tiền chi đầu tư, góp vốn vào các đơn vị khác	13	(348.715)	(1.221.190)
Tiền thu cổ tức và lợi nhuận được chia từ các khoản đầu tư, góp vốn dài hạn	34	137.392	121.610
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(502.293)	(2.276.450)



BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (tiếp theo)

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

	Thuyết minh	Năm 2012 triệu đồng	Năm 2011 triệu đồng
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
Tăng vốn cổ phần từ góp vốn và/hoặc phát hành cổ phiếu		-	2.400.000
Cổ tức trả cho cổ đông, lợi nhuận đã chia	26	(555.906)	(224.021)
Tiền chi ra mua cổ phiếu ngân quỹ		(47.915)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(603.821)	2.175.979
Lưu chuyển tiền thuần trong năm		(2.163.466)	(4.488.891)
Tiền và các khoản tương đương tiền tại thời điểm đầu năm	36	21.935.457	26.424.348
Tiền và các khoản tương đương tiền tại thời điểm cuối năm	36	19.771.991	21.935.457

Người lập:

Bà Nguyễn Thị Tuyết Nhung
Kế toán viên

Người phê duyệt

Bà Nguyễn Thị Lũy
Kế toán Trưởng

Người phê duyệt

Ông Atul Malik
Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam
Ngày 20 tháng 03 năm 2013



THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 và cho năm tài chính
kết thúc cùng ngày

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA NGÂN HÀNG

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Hàng hải Việt Nam (sau đây gọi tắt là “Ngân hàng”) là ngân hàng thương mại cổ phần được thành lập tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.

THÀNH LẬP VÀ HOẠT ĐỘNG

Ngân hàng được thành lập ngày 08 tháng 06 năm 1991 theo Giấy phép số 0001/NH-GP của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam với thời gian hoạt động là 25 năm. Thời gian hoạt động của Ngân hàng được tăng lên thành 99 năm theo Quyết định số 719/QĐ-NHNN ngày 07 tháng 07 năm 2003 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

Ngân hàng được thành lập nhằm thực hiện các giao dịch ngân hàng bao gồm huy động và nhận tiền gửi ngắn hạn, trung hạn và dài hạn từ các tổ chức và cá nhân; cho vay ngắn hạn, trung hạn và dài hạn đối với các tổ chức và cá nhân trên cơ sở tính chất và khả năng nguồn vốn của Ngân hàng; thực hiện các giao dịch ngoại tệ, các dịch vụ tài trợ thương mại quốc tế, chiết khấu thương phiếu, trái phiếu và các giấy tờ có giá khác, và các dịch vụ ngân hàng khác được NHNN cho phép.

VỐN ĐIỀU LỆ

Vốn điều lệ ban đầu của Ngân hàng là 40.000 triệu đồng theo Giấy phép Hoạt động số 0001/NH-GP và được bổ sung theo từng thời kỳ. Số vốn điều lệ của Ngân hàng tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2012 là 8.000.000 triệu đồng (31/12/2011: 8.000.000 triệu đồng).

MẠNG LƯỚI HOẠT ĐỘNG

Ngân hàng TMCP Hàng hải Việt Nam có trụ sở chính đặt tại số 88 Láng Hạ, Hà Nội. Tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2012, Ngân hàng có một (01) Hội sở chính, một (01) Sở giao dịch, bốn mươi bốn (44) chi nhánh và một trăm bảy mươi mốt (171) phòng giao dịch, điểm giao dịch.

CÔNG TY CON

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, Ngân hàng có một (01) công ty con như sau:

STT	Tên Công ty	Quyết định Thành lập số	Lĩnh vực Hoạt động	Vốn điều lệ	Tỷ lệ % sở hữu của Ngân hàng
1	Công ty TNHH MTV Quản lý nợ và Khai thác Tài sản Ngân hàng TMCP Hàng hải Việt Nam	QĐ 1066/2008/QĐ - HĐQT ngày 28 tháng 11 năm 2008	Quản lý nợ và khai thác tài sản	51,6 tỷ	100%

NHÂN VIÊN

Tổng số cán bộ công nhân viên của Ngân hàng vào ngày 31 tháng 12 năm 2012 là 3.639 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2011: 4.699 người).

2. KỲ KẾ TOÁN VÀ ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

2.1 Kỳ kế toán

Kỳ kế toán năm của Ngân hàng bắt đầu vào ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

2.2 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong công tác kế toán của Ngân hàng là đồng Việt Nam. Tuy nhiên, do quy mô hoạt động của Ngân hàng rất lớn, cho mục đích lập các báo cáo tài chính hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 này, các số liệu được làm tròn đến hàng triệu và trình bày theo đơn vị triệu đồng Việt Nam. Việc trình bày này không ảnh hưởng đến nhìn nhận của người đọc báo cáo tài chính về tình hình tài chính hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cũng như tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính 2012 của Ngân hàng và công ty con.

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

3.1 Tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và Hệ thống Kế toán các TCTD Việt Nam

Ban Điều hành Ngân hàng khẳng định các báo cáo tài chính hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 đính kèm được lập tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và Hệ thống Kế toán các TCTD Việt Nam.

3.2 Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Các báo cáo tài chính hợp nhất của Ngân hàng và công ty con được trình bày theo đơn vị triệu đồng Việt Nam (“triệu đồng” hay “triệu VNĐ”), được lập theo Hệ thống Kế toán các Tổ chức Tín dụng Việt Nam theo Quyết định số 479/QĐ-NHNN2 ngày 29 tháng 04 năm 2004 do Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành có hiệu lực từ ngày 1 tháng 1 năm 2005 và các quyết định bổ sung, sửa đổi Quyết định số 479/QĐ-NHNN2, Quyết định số 16/2007/QĐ-NHNN ngày 18 tháng 04 năm 2007 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và Hệ thống Chuẩn mực Kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành bao gồm:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành và công bố 4 chuẩn mực kế toán Việt Nam (đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành và công bố 6 chuẩn mực kế toán Việt Nam (đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành và công bố 6 chuẩn mực kế toán Việt Nam (đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 02 năm 2005 về việc ban hành và công bố 6 chuẩn mực kế toán Việt Nam (đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành và công bố 4 chuẩn mực kế toán Việt Nam (đợt 5).

Các báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được lập trên cơ sở tuân thủ các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận tại Việt Nam. Do đó, bảng cân đối kế toán hợp nhất, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và các thuyết minh đi kèm cũng như việc sử dụng các báo cáo này không dành cho những ai không thông hiểu các thông lệ, thủ tục và nguyên tắc kế toán Việt Nam, và ngoài ra những báo cáo này không được lập nhằm thể hiện tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Ngân hàng và công ty con theo những nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các quốc gia và thể chế bên ngoài Việt Nam.

3.3 Hợp nhất các báo cáo tài chính

Các báo cáo tài chính hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 bao gồm các báo cáo tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 của Ngân hàng và của công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2012. Báo cáo tài chính của công ty con có cùng niên độ lập báo cáo và sử dụng các chính sách kế toán một cách nhất quán với Ngân hàng.

Tất cả các số dư và các giao dịch nội bộ, kể cả các khoản lãi chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ đã được loại trừ hoàn toàn.

Báo cáo tài chính của công ty con (trình bày trong Thuyết minh số 1) được hợp nhất vào báo cáo tài chính của Ngân hàng theo phương pháp hợp nhất toàn phần bắt đầu từ ngày Ngân hàng có quyền kiểm soát. Sự kiểm soát tồn tại khi Ngân hàng có quyền, trực tiếp hay gián tiếp, chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của đơn vị nhằm thu được lợi ích từ các hoạt động của đơn vị đó. Kết quả hoạt động kinh doanh của công ty con mới được mua hoặc mới được thanh lý trong giai đoạn tài chính được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 một cách hợp lý tính từ ngày mua hoặc tính đến ngày thanh lý.

Lợi ích của cổ đông thiểu số là một phần của kết quả hoạt động thuần và giá trị tài sản thuần của một công ty con được xác định tương ứng cho các phần lợi ích không phải do công ty mẹ sở hữu một cách trực tiếp hay gián tiếp thông qua công ty con. Lợi ích của cổ đông thiểu số được trình bày trong bảng cân đối kế toán hợp nhất thành chỉ tiêu tách biệt với nợ phải trả và vốn chủ sở hữu của Ngân hàng. Phần sở hữu của cổ đông thiểu số trong thu nhập của hệ thống Ngân hàng cũng được trình bày thành chỉ tiêu riêng biệt trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất của Ngân hàng.

3.4 Các cơ sở đánh giá và các ước tính kế toán áp dụng

Việc trình bày các báo cáo tài chính hợp nhất yêu cầu Ban Điều hành phải thực hiện các ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo của tài sản, nợ phải trả cũng như việc trình bày các công nợ tiềm ẩn. Các ước tính và giả định này cũng ảnh hưởng đến thu nhập, chi phí và kết quả số liệu dự phòng. Các ước tính này được dựa trên các giả định về một số yếu tố với các mức độ khác nhau về chủ quan và tính không chắc chắn. Do vậy, các kết quả thực tế có thể có thay đổi dẫn đến việc điều chỉnh các khoản mục có liên quan sau này.

Hoạt động liên tục

Ban Điều hành Ngân hàng đã thực hiện đánh giá khả năng tiếp tục hoạt động của Ngân hàng và công ty con và nhận thấy Ngân hàng và công ty con có đủ các nguồn lực để duy trì hoạt động kinh doanh trong một tương lai xác định. Ngoài ra, Ban Điều hành không nhận thấy có sự không chắc chắn trọng yếu nào có thể ảnh hưởng đến khả năng hoạt động liên tục của Ngân hàng. Do vậy, các báo cáo tài chính hợp nhất này được lập trên cơ sở giả định hoạt động liên tục.

3.5 Các thay đổi trong chính sách kế toán và thuyết minh

Các chính sách kế toán Ngân hàng sử dụng để lập các báo cáo tài chính hợp nhất được áp dụng nhất quán với các chính sách đã được sử dụng để lập các báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011, ngoại trừ các thay đổi về chính sách kế toán liên quan đến các nghiệp vụ sau.

Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm

Vào ngày 24 tháng 10 năm 2012, Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 180/2012/TT-BTC hướng dẫn xử lý tài chính về chi trợ cấp mất việc làm cho người lao động tại doanh nghiệp. Theo qui định của Thông tư này, riêng năm 2012, doanh nghiệp được sử dụng số dư Quỹ dự phòng về trợ cấp mất việc làm đã trích lập theo quy định tại Thông tư số 82/2003/TT-BTC ngày 14/8/2003 của Bộ Tài chính đến 31/12/2011 (nếu có) để chi trợ cấp mất việc làm cho người lao động. Nếu số dư Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm không đủ hoặc doanh nghiệp không có số dư Quỹ để chi trợ cấp mất việc làm cho người lao động thì toàn bộ phần chi còn thiếu doanh nghiệp được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp tại thời điểm lập báo cáo tài chính năm và được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp theo quy định. Trường hợp khi lập báo cáo tài chính năm 2012, nếu nguồn Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm của doanh nghiệp còn số dư (sau khi đã chi trợ cấp mất việc làm trong năm 2012) doanh nghiệp hạch toán tăng thu nhập khác năm 2012 của doanh nghiệp, doanh nghiệp không được chuyển số dư Quỹ sang năm sau sử dụng.

Đồng thời Ngân hàng và công ty con đã thực hiện trích lập dự phòng trợ cấp thôi việc căn cứ theo các qui định của Luật Lao động và mức độ chi trả trợ cấp thôi việc trong các năm qua.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

4.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương bao gồm tiền mặt, vàng, đá quý, tiền gửi thanh toán với Ngân hàng Nhà nước, tín phiếu chính phủ và các giấy tờ có giá ngắn hạn khác đủ điều kiện chiết khấu với NHNN, các khoản tiền gửi thanh toán và tiền gửi, cho vay tại các tổ chức tín dụng khác có thời hạn đáo hạn không quá ba tháng kể từ ngày gửi và các khoản đầu tư chứng khoán có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá ba tháng kể từ ngày mua có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó.

4.2 Các khoản cho vay và ứng trước khách hàng

Các khoản cho vay và ứng trước khách hàng được công bố và trình bày theo số dư nợ gốc tại thời điểm kết thúc năm tài chính.

4.3 Dự phòng rủi ro tín dụng

Phân loại nợ

Theo Luật các Tổ chức Tín dụng số 47/2010/QH12 có hiệu lực từ ngày 1 tháng 1 năm 2011, Quyết định số 1627/2001/QĐ-NHNN ngày 31 tháng 12 năm 2001 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước về việc ban hành Quy chế cho vay của Tổ chức Tín dụng đối với khách hàng, Quyết định số 127/2005/QĐ-NHNN ngày 3 tháng 2 năm 2005 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế cho vay của tổ chức tín dụng đối với khách hàng ban hành theo Quyết định số 1627/2001/QĐ-NHNN, Quyết định số 493/2005/QĐ-NHNN ngày 22 tháng 4 năm 2005 và Quyết định số 18/2007/QĐ-NHNN của Ngân hàng Nhà nước về việc Phân loại nợ, trích lập và sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro tín dụng trong hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng, các tổ chức tín dụng phải thực hiện phân loại nợ và trích lập dự phòng rủi ro tín dụng. Theo đó, các khoản cho vay khách hàng được phân loại theo các mức độ rủi ro như sau: *Nợ đủ tiêu chuẩn, Nợ cần chú ý, Nợ dưới tiêu chuẩn, Nợ nghi ngờ* và *Nợ có khả năng mất vốn* dựa vào tình trạng quá hạn và các yếu tố định tính khác của khoản cho vay.

Các khoản nợ được phân loại là *Nợ dưới tiêu chuẩn, Nợ nghi ngờ* và *Nợ có khả năng mất vốn* được coi là nợ xấu.

Theo Quyết định số 493/2005/QĐ-NHNN, các khoản cho vay sẽ được thực hiện phân loại vào thời điểm cuối mỗi quý cho 3 quý đầu năm và vào ngày 30 tháng 11 cho Quý 4 trong năm tài chính.

Ngày 23 tháng 4 năm 2012, Ngân hàng Nhà nước đã ban hành Quyết định số 780/QĐ-NHNN về việc Phân loại nợ đối với nợ được điều chỉnh kỳ hạn trả nợ, gia hạn nợ. Theo đó, các khoản nợ được điều chỉnh kỳ hạn trả nợ, gia hạn nợ do tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đánh giá hoạt động sản xuất kinh doanh của khách hàng có chiều hướng tích cực và có khả năng trả nợ tốt sau khi điều chỉnh kỳ hạn trả nợ, gia hạn nợ được giữ nguyên nhóm nợ như đã được phân loại theo quy định trước khi điều chỉnh kỳ hạn trả nợ, gia hạn nợ.

Dự phòng cụ thể

Dự phòng cụ thể được trích lập trên rủi ro tín dụng thuần của các khoản cho vay theo các tỷ lệ tương ứng với từng nhóm như sau:

Nhóm	Loại	Tỷ lệ dự phòng cụ thể
1	Nợ đủ tiêu chuẩn	0%
2	Nợ cần chú ý	5%
3	Nợ dưới tiêu chuẩn	20%
4	Nợ nghi ngờ	50%
5	Nợ có khả năng mất vốn	100%

Rủi ro tín dụng thuần của các khoản cho vay khách hàng được tính bằng giá trị còn lại của khoản cho vay trừ giá trị của tài sản bảo đảm đã được chiết khấu theo các tỷ lệ được quy định trong Quyết định số 493/2005/QĐ-NHNN và Quyết định số 18/2007/QĐ-NHNN.

Dự phòng chung

Theo Quyết định số 493/2005/QĐ-NHNN, dự phòng chung được trích lập để dự phòng cho những tổn thất chưa được xác định được trong quá trình phân loại nợ và trích lập dự phòng cụ thể và trong các trường hợp khó khăn về tài chính của các tổ chức tín dụng khi chất lượng các khoản nợ suy giảm. Theo đó, Ngân hàng phải thực hiện trích lập và duy trì dự phòng chung bằng 0,75% tổng giá trị các khoản nợ, các khoản bảo lãnh, chấp nhận thanh toán và cam kết cho vay không huỷ ngang vô điều kiện và có thời điểm thực hiện cụ thể được phân loại từ nhóm 1 đến nhóm 4.

Xử lý rủi ro tín dụng

Dự phòng được ghi nhận như một khoản chi phí trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và được sử dụng để xử lý các khoản nợ xấu. Theo Quyết định số 493/2005/QĐ-NHNN, Ngân hàng thành lập Hội đồng Xử lý Rủi ro để xử lý các khoản nợ xấu nếu như chúng được phân loại vào nhóm 5, hoặc nếu khách hàng vay là pháp nhân bị giải thể, phá sản, hoặc là cá nhân bị chết hoặc mất tích.

4.4 Chứng khoán kinh doanh

Chứng khoán kinh doanh là những chứng khoán nợ, chứng khoán vốn và chứng khoán khác được Ngân hàng và/hoặc công ty con mua hân và dự định bán ra trong thời gian ngắn nhằm mục đích thu lợi từ việc hưởng chênh lệch giá.

Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận theo giá gốc vào ngày giao dịch và luôn được phản ánh theo giá gốc trong thời gian nắm giữ tiếp theo.

Tiền lãi thu và cổ tức thu được trong thời gian nắm giữ chứng khoán kinh doanh được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trên cơ sở thực thu.

Các chứng khoán này được xem xét khả năng giảm giá tại thời điểm lập báo cáo tài chính hợp nhất. Chứng khoán kinh doanh được lập dự phòng giảm giá khi giá trị ghi sổ cao hơn giá trị thị trường được xác định theo quy định tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 7 tháng 12 năm 2009. Trong trường hợp không thể xác định được giá trị thị trường của chứng khoán, các chứng khoán sẽ không được trích lập dự phòng. Dự phòng giảm giá được ghi nhận vào báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất trên khoản mục “*Lãi/lỗ thuần từ mua bán chứng khoán kinh doanh*”.

4.5 Chứng khoán đầu tư

4.5.1 Chứng khoán sẵn sàng để bán

Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán bao gồm các chứng khoán nợ và chứng khoán vốn được Ngân hàng và/hoặc công ty con nắm giữ với mục đích đầu tư và sẵn sàng để bán, không thuộc loại chứng khoán mua vào bán ra thường xuyên nhưng có thể bán bất cứ lúc nào xét thấy có lợi và đồng thời Ngân hàng và công ty con không phải là cổ đông sáng lập, hoặc là đối tác chiến lược, hoặc có khả năng chi phối nhất định vào quá trình lập, quyết định các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư thông qua văn bản thỏa thuận cử nhân sự tham gia Hội đồng Quản trị/Ban Điều hành.

Chứng khoán vốn được ghi nhận theo giá gốc vào ngày giao dịch và luôn được phản ánh theo giá gốc trong thời gian nắm giữ tiếp theo.

Chứng khoán nợ được ghi nhận theo mệnh giá vào ngày giao dịch. Lãi dự thu của chứng khoán trước khi mua (đối với chứng khoán nợ trả lãi sau) hoặc lãi nhận trước chờ phân bổ (đối với chứng khoán nợ trả lãi trước) được phản ánh trên một tài khoản riêng. Phần chiết khấu/phụ trội là chênh lệch âm/dương giữa giá gốc với giá trị của khoản tiền gồm mệnh giá cộng (+) lãi dồn tích trước khi mua (nếu có) hoặc trừ (-) lãi nhận trước chờ phân bổ (nếu

có), cũng được phản ánh trên một tài khoản riêng. Trong khoảng thời gian nắm giữ chứng khoán tiếp theo, các chứng khoán này được ghi nhận theo mệnh giá và chiết khấu/phụ trội (nếu có) của chứng khoán sẵn sàng để bán được phân bổ vào báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian còn lại ước tính của chứng khoán. Số tiền lãi trả sau được ghi nhận theo nguyên tắc: Số tiền lãi dồn tích trước khi mua được ghi giảm giá trị của chính chứng khoán đó, đối ứng với tài khoản lãi dự thu; và số tiền lãi dồn tích sau thời điểm mua được ghi nhận vào thu nhập của Ngân hàng theo phương pháp cộng dồn. Số tiền lãi nhận trước được hạch toán phân bổ vào thu lãi đầu tư chứng khoán theo phương pháp đường thẳng cho khoản thời gian đầu tư chứng khoán.

Định kỳ, chứng khoán sẵn sàng để bán sẽ được xem xét về khả năng giảm giá. Chứng khoán được lập dự phòng giảm giá khi giá trị ghi sổ cao hơn giá thị trường được xác định theo quy định tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC. Trong trường hợp không thể xác định được giá trị thị trường của chứng khoán, các chứng khoán sẽ không được trích lập dự phòng. Dự phòng giảm giá được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trên khoản mục “Lãi/lỗ thuần từ mua bán chứng khoán đầu tư”.

4.6 Các hợp đồng mua lại và bán lại

Những chứng khoán được bán đồng thời được cam kết sẽ mua lại vào một thời điểm nhất định trong tương lai vẫn được ghi nhận trên báo cáo tài chính hợp nhất. Khoản tiền nhận được theo thỏa thuận này được ghi nhận như một khoản nợ phải trả trên bảng cân đối kế toán hợp nhất và phần chênh lệch giữa giá bán và giá mua được phân bổ theo phương pháp đường thẳng theo lãi suất trên hợp đồng vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong suốt thời gian hiệu lực của hợp đồng.

Những chứng khoán được mua đồng thời được cam kết sẽ bán lại vào một thời điểm nhất định trong tương lai không được ghi nhận trên báo cáo tài chính hợp nhất. Khoản tiền thanh toán theo thỏa thuận này được ghi nhận như một tài sản trên bảng cân đối kế toán hợp nhất và phần chênh lệch giữa giá bán và giá mua được phân bổ theo phương pháp đường thẳng theo lãi suất trên hợp đồng vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong suốt thời gian hiệu lực của hợp đồng.

4.7 Đầu tư dài hạn khác

Các khoản đầu tư dài hạn khác thể hiện các khoản đầu tư vốn vào các đơn vị khác mà Ngân hàng và công ty con có dưới 20% quyền biểu quyết và đồng thời Ngân hàng và công ty con là cổ đông sáng lập; hoặc là đối tác chiến lược; hoặc có khả năng chi phối nhất định (nhưng không có ảnh hưởng đáng kể) vào quá trình lập, quyết định các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư thông qua văn bản thỏa thuận cử nhân sự tham gia Hội đồng quản trị/Ban điều hành.

Các khoản đầu tư này được ghi nhận ban đầu theo giá gốc và sau đó được phản ánh theo giá gốc trừ dự phòng giảm giá nếu có.

Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn được lập nếu tổ chức kinh tế mà Ngân hàng đang đầu tư bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh ban đầu) theo qui định tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC. Theo đó, mức trích lập dự phòng là chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế và vốn chủ sở hữu thực có nhân (x) với tỷ lệ vốn đầu tư của doanh nghiệp so với tổng vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế.

4.8 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình là toàn bộ các chi phí mà Ngân hàng và công ty con phải bỏ ra để có được tài sản cố định hữu hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản cố định hữu hình; chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Khi tài sản được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và các khoản lãi/lỗ phát sinh do thanh lý tài sản được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

4.9 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình là toàn bộ các chi phí mà Ngân hàng và công ty con phải bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào sử dụng theo dự tính.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị khấu hao lũy kế được xóa sổ và các khoản lãi/lỗ phát sinh do thanh lý tài sản được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

4.10 Thuê tài sản

4.10.1 Ngân hàng hoặc công ty con đi thuê

Thuê tài chính là những giao dịch thuê tài sản mà Ngân hàng và công ty con được chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản cho thuê. Quyền sở hữu tài sản có thể chuyển giao vào cuối thời hạn thuê. Tại thời điểm nhận tài sản thuê, Ngân hàng và công ty con ghi nhận tài sản thuê tài chính là tài sản cố định thuê tài chính và nợ phải trả về thuê tài chính trên bảng cân đối kế toán hợp nhất với cùng một giá trị bằng với giá trị hợp lý của tài sản thuê. Nếu giá trị hợp lý của tài sản thuê cao hơn giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu cho việc thuê tài sản thì ghi theo giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu. Khoản thanh toán tiền thuê tài sản thuê tài chính được chia thành chi phí tài chính (số tiền lãi thuê tài chính) và khoản phải trả nợ gốc từng kỳ sao cho số tiền thanh toán mỗi kỳ bằng nhau. Ngân hàng và công ty con tính, trích khấu hao tài sản cố định thuê tài chính vào chi phí khấu hao trên cơ sở áp dụng chính sách khấu hao nhất quán với chính sách khấu hao của tài sản cùng loại thuộc sở hữu của Ngân hàng và công ty con. Nếu không chắc chắn là Ngân hàng và công ty con sẽ có quyền sở hữu tài sản khi hết hạn hợp đồng thuê thì tài sản thuê sẽ được khấu hao theo thời gian ngắn hơn giữa thời hạn thuê hoặc thời gian sử dụng hữu ích của nó.

Các khoản thanh toán thuê hoạt động không được ghi nhận trên bảng cân đối kế toán hợp nhất. Tiền thuê phải trả được hạch toán theo phương pháp đường thẳng vào khoản mục chi phí hoạt động khác trong suốt thời hạn thuê tài sản.

4.10.2 Ngân hàng hoặc công ty con cho thuê

Ngân hàng và công ty con ghi nhận giá trị tài sản cho thuê tài chính là khoản phải thu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất bằng giá trị đầu tư thuần trong hợp đồng cho thuê tài chính. Các khoản phải thu về cho thuê tài chính được ghi nhận là khoản phải thu vốn gốc và doanh thu tài chính từ khoản đầu tư và dịch vụ của bên cho thuê. Ngân hàng và công ty con phân bổ doanh thu tài chính trong suốt thời gian cho thuê dựa trên lãi suất thuê cố định trên số dư đầu tư thuần cho thuê tài chính.

Ngân hàng và công ty con ghi nhận tài sản cho thuê hoạt động trên bảng cân đối kế toán hợp nhất. Doanh thu cho thuê hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời hạn cho thuê, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán. Chi phí cho thuê hoạt động, bao gồm cả khấu hao tài sản cho thuê, được ghi nhận là chi phí trong kỳ khi phát sinh.

4.11 Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư được thể hiện theo nguyên giá bao gồm cả các chi phí giao dịch liên quan trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Các khoản chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được hạch toán vào giá trị còn lại của bất động sản đầu tư khi Ngân hàng và công ty con có khả năng thu được các lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu của bất động sản đầu tư đó.

Bất động sản đầu tư không còn được ghi nhận và trình bày trong bảng cân đối kế toán sau khi đã bán hoặc sau khi bất động sản đầu tư đã không còn được sử dụng và xét thấy không thu được lợi ích kinh tế trong tương lai từ việc thanh lý bất động sản đầu tư đó. Chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của bất động sản đầu tư được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

Việc chuyển từ bất động sản chủ sở hữu sử dụng thành bất động sản đầu tư chỉ khi có sự thay đổi về mục đích sử dụng như trường hợp chủ sở hữu chấm dứt sử dụng tài sản đó và bắt đầu cho bên khác thuê hoạt động hoặc khi kết thúc giai đoạn xây dựng. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng chỉ khi có sự thay đổi về mục đích sử dụng như các trường hợp chủ sở hữu bắt đầu sử dụng tài sản này hoặc bắt đầu triển khai cho mục đích bán.

4.12 Khấu hao

Khấu hao của tài sản cố định hữu hình và vô hình được tính theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian sử dụng ước tính của tài sản cố định như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	10 - 50 năm
Máy móc thiết bị	5 - 10 năm
Phương tiện vận tải	8 - 10 năm
Thiết bị dụng cụ quản lý	3 - 8 năm
Tài sản cố định hữu hình khác	5 năm
Phần mềm máy tính	4-10 năm
Tài sản cố định vô hình khác	5 năm

Quyền sử dụng đất của Ngân hàng được Nhà nước giao không thời hạn không được trích khấu hao, quyền sử dụng đất có thời hạn được khấu hao theo thời gian thuê.

4.13 Các khoản phải thu

4.13.1 Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu khác ngoài các khoản phải thu từ hoạt động tín dụng trong hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng được ghi nhận ban đầu theo giá gốc và luôn được phản ánh theo giá gốc trong thời gian tiếp theo.

Các khoản nợ phải thu khác được xem xét trích lập dự phòng rủi ro theo tuổi nợ quá hạn của khoản nợ hoặc theo dự kiến tổn thất có thể xảy ra trong trường hợp khoản nợ chưa đến hạn thanh toán nhưng tổ chức kinh tế lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể; người nợ mất tích, bỏ trốn, đang bị các cơ quan phát luật truy tố, xét xử hoặc đang thi hành án hoặc đã chết. Chi phí dự phòng phát sinh được hạch toán vào “Chi phí hoạt động” trong kỳ.

Đối với các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán thì mức trích lập dự phòng theo hướng dẫn của Thông tư số 228/2009/TT-BTC như sau:

<i>Thời gian quá hạn</i>	<i>Mức trích dự phòng</i>
Từ trên sáu tháng đến dưới một năm	30%
Từ một năm đến dưới hai năm	50%
Từ hai năm đến dưới ba năm	70%
Từ ba năm trở lên	100%

4.13.2 Các khoản mua nợ của Công ty Quản lý Nợ và Khai thác tài sản - Công ty con của Ngân hàng

Các khoản mua nợ không có quyền truy đòi từ các tổ chức tín dụng khác và công ty mua bán nợ khác được thực hiện trích lập dự phòng theo tỷ lệ do Chủ tịch Hội đồng Quản trị của Ngân hàng TMCP Hàng hải Việt Nam quyết định và theo Quy chế tài chính. Tuy nhiên, tỷ lệ trích lập không thấp hơn 5% số dư giá vốn của khoản nợ mua theo quy định của Thông tư 27/2002/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 03 năm 2002.

Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ.

4.14 Ghi nhận thu nhập và chi phí

Thu nhập từ lãi cho vay và chi phí trả lãi vay được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trên cơ sở dự thu, dự chi. Lãi dự thu phát sinh từ các khoản cho vay phân loại từ nhóm 2 đến nhóm 5 theo Quyết định số 493/2005/QĐ-NHNN và Quyết định số 18/2007/QĐ-NHNN sẽ không được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong kỳ. Lãi dự thu của các khoản nợ này được chuyển ra theo dõi ở tài khoản ngoại bảng và được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi Ngân hàng thực nhận.

Các khoản phí dịch vụ và hoa hồng được hạch toán trên cơ sở thực thu, thực chi.

Cổ tức bằng tiền nhận được từ hoạt động đầu tư được ghi nhận là thu nhập khi quyền nhận cổ tức của Ngân hàng được xác lập. Cổ tức bằng cổ phiếu và các cổ phiếu thưởng nhận được không được ghi nhận là thu nhập của Ngân hàng và công ty con mà chỉ cập nhật số lượng cổ phiếu.

4.15 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Theo hệ thống kế toán của Ngân hàng, tất cả các nghiệp vụ phát sinh của Ngân hàng được hạch toán theo nguyên tệ. Tại thời điểm cuối năm, tài sản và nợ phải trả có nguồn gốc ngoại tệ được quy đổi sang VNĐ theo tỷ giá quy định vào ngày lập bảng cân đối kế toán hợp nhất (xem chi tiết tỷ giá các loại ngoại tệ áp dụng vào ngày 31 tháng 12 tại Thuyết minh số 48). Các khoản thu nhập và chi phí bằng ngoại tệ của Ngân hàng được quy đổi ra VNĐ theo tỷ giá vào ngày phát sinh giao dịch. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các tài sản và nợ phải trả bằng ngoại tệ sang VNĐ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

4.16 Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế và thuế phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng giá trị dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, áp dụng mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực vào ngày lập bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Doanh nghiệp chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải trả khi doanh nghiệp có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và doanh nghiệp dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Các báo cáo thuế của Ngân hàng và công ty con sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên các báo cáo tài chính hợp nhất có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày lập bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả những chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- ▶ Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.
- ▶ Các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi có khả năng kiểm soát thời gian hoàn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận cho tất cả những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- ▶ Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.
- ▶ Tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận chịu thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc niên độ kế toán và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc niên độ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài chính khi tài sản được thu hồi hay công nợ được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc niên độ kế toán.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh hợp nhất ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Ngân hàng chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi ngân hàng có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế và ngân hàng dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

4.17 Tài sản ủy thác quản lý giữ hộ

Các tài sản giữ cho mục đích ủy thác quản lý giữ hộ không được xem là tài sản của Ngân hàng và vì thế không được bao gồm trong các báo cáo tài chính hợp nhất của Ngân hàng.

4.18 Dự phòng cho các cam kết ngoại bảng

Theo Quyết định số 493/2005/QĐ-NHNN và Quyết định số 18/2007/QĐ-NHNN của Ngân hàng Nhà nước, tổ chức tín dụng phải thực hiện phân loại và trích lập dự phòng rủi ro đối với các khoản bảo lãnh, chấp nhận thanh toán và cam kết cho vay không hủy ngang vô điều kiện và có thời điểm thực hiện cụ thể (gọi chung là các khoản cam kết ngoại bảng) vào các nhóm quy định tại Điều 6 hoặc Điều 7. Theo đó, các khoản cam kết ngoại bảng được phân loại theo các mức độ rủi ro như sau: *Nợ đủ tiêu chuẩn, Nợ cần chú ý, Nợ dưới tiêu chuẩn, Nợ nghi ngờ* và *Nợ có khả năng mất vốn* dựa vào tình trạng quá hạn và các yếu tố định tính khác.

Dự phòng cụ thể cho các cam kết ngoại bảng được tính tương tự như dự phòng các khoản cho vay khách hàng tại Thuyết minh số 4.3. Chi phí dự phòng được hạch toán trên khoản mục *“Chi phí dự phòng rủi ro tín dụng”* trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và số dư được theo dõi trên khoản mục các khoản nợ khác của bảng cân đối kế toán hợp nhất.

4.19 Các hợp đồng phái sinh tiền tệ

4.19.1 Các hợp đồng kỳ hạn, hoán đổi và hợp đồng tương lai ngoại tệ

Đối với các hợp đồng kỳ hạn, hoán đổi và tương lai tiền tệ, chênh lệch giữa giá trị VNĐ của số lượng ngoại tệ cam kết mua/bán tính theo tỷ giá kỳ hạn và tỷ giá giao ngay tại ngày hiệu lực của hợp đồng được ghi nhận ngay tại ngày hiệu lực của hợp đồng như một khoản mục tài sản – khoản mục *“Công cụ phái sinh tiền tệ và các tài sản tài chính khác”* nếu dương hoặc khoản mục công nợ – khoản mục *“Công cụ phái sinh tiền tệ và các tài sản tài chính khác”* nếu âm. Chênh lệch này sau đó được phân bổ tuyến tính vào khoản mục *“Lãi/lỗ thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối”* trong suốt kỳ hạn của hợp đồng. Tại thời điểm lập báo cáo tài chính hợp nhất, cam kết theo các hợp đồng kỳ hạn, hoán đổi và tương lai ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá chính thức do NHNN công bố. Lãi hoặc lỗ do đánh giá lại được hạch toán vào khoản mục *“Lãi/lỗ thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối”*.

4.19.2 Các hợp đồng quyền chọn ngoại tệ

Giá trị cam kết trong các giao dịch hợp đồng quyền chọn tiền tệ không được ghi nhận trên bảng cân đối kế toán hợp nhất. Phí quyền chọn đã trả hoặc đã nhận được ghi nhận như một khoản phải thu hoặc phải trả và được phân bổ theo đường thẳng vào thu nhập hoặc chi phí trong suốt thời hạn của hợp đồng. Tại thời điểm lập báo cáo tài chính hợp nhất, số lãi hoặc lỗ phát sinh nhưng chưa thực hiện của giao dịch mua hoặc bán hợp đồng quyền chọn được xác định và ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, khoản mục *“Lãi/lỗ thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối”* trên cơ sở giá thị trường, giá gốc của đối tượng quyền chọn, khối lượng giao dịch và thời hạn hiệu lực của hợp đồng.

4.20 Bù trừ

Tài sản và nợ phải trả tài chính được bù trừ và thể hiện giá trị ròng trên bảng cân đối kế toán hợp nhất chỉ khi Ngân hàng và công ty con có quyền hợp pháp để thực hiện việc bù trừ và Ngân hàng và công ty con dự định thanh toán tài sản và nợ phải trả theo giá trị ròng hoặc việc tất toán tài sản và nợ phải trả xảy ra đồng thời.

4.21 Lợi ích của nhân viên

4.21.1 Trợ cấp nghỉ hưu

Nhân viên Ngân hàng và công ty con khi nghỉ hưu sẽ được nhận trợ cấp về hưu từ Bảo hiểm Xã hội thuộc Bộ Lao động và Thương binh Xã hội. Ngân hàng sẽ phải đóng bảo hiểm xã hội cho mỗi nhân viên bằng 17% lương cơ bản hàng tháng của họ. Ngoài ra, Ngân hàng không phải có một nghĩa vụ nào khác.

Nhân viên Ngân hàng khi nghỉ hưu do sắp xếp lại lao động được hưởng trợ cấp một tháng lương cơ bản cho một năm (mười hai tháng) công tác và một phần hai tháng lương cơ bản cho mỗi tháng nghỉ hưu trước tuổi (tối đa bằng 30 tháng), hạch toán vào quỹ trợ cấp mất việc làm của Ngân hàng. Ngoài ra người lao động được trợ cấp 3 tháng lương bằng mức lương hiện hưởng (lấy từ lương dự phòng).

4.21.2 Trợ cấp thôi việc tự nguyện và trợ cấp mất việc

Trợ cấp thôi việc tự nguyện: Theo Điều 42 Bộ Luật Lao động sửa đổi ngày 2 tháng 4 năm 2002, Ngân hàng có nghĩa vụ chi trả trợ cấp thôi việc bằng một nửa tháng lương cộng với các trợ cấp khác (nếu có) cho mỗi năm làm việc tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 cho những nhân viên tự nguyện thôi việc. Từ ngày 1 tháng 1 năm 2009, mức lương bình quân tháng để tính trợ cấp thôi việc sẽ được điều chỉnh vào cuối mỗi kỳ báo cáo theo mức lương bình quân của sáu tháng gần nhất tính đến ngày nghỉ việc.

Trợ cấp mất việc: Theo Điều 17 của Bộ Luật Lao động, Ngân hàng có nghĩa vụ chi trả trợ cấp cho nhân viên bị mất việc do thay đổi cơ cấu tổ chức hoặc công nghệ. Trong trường hợp này, Ngân hàng có nghĩa vụ chi trả trợ cấp mất việc bằng một tháng lương cho mỗi năm làm việc, mức trích lập tối thiểu cho người lao động bằng hai tháng lương. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ.

Mặc dù nghĩa vụ quy định trong Điều 17 và 42 là bắt buộc, việc thực hiện những nghĩa vụ này còn cần tuân theo hướng dẫn chi tiết của Bộ Tài chính trong các thông tư hướng dẫn thực hiện. Theo Thông tư số 64/1999/TT-BTC

ngày 7 tháng 6 năm 1999 và Thông tư số 82/2003/TT-BTC ngày 14 tháng 8 năm 2003 của Bộ Tài chính thay thế Thông tư 64/1999/TT-BTC, các ngân hàng phải tính toán trợ cấp mất việc làm cho nhân viên bằng 3,00%/năm trên lương cơ bản của nhân viên. Ngoài ra, số dư của quỹ trợ cấp thôi việc đã được trích lập trước đây bằng 10,00% của lợi nhuận sau thuế sau khi trừ đi phần trích lập quỹ bổ sung vốn điều lệ theo Thông tư 64 nên được chuyển sang quỹ trợ cấp mất việc cho nhân viên theo Thông tư 82/2003/TT-BTC. Theo đó, Ngân hàng và công ty con đã trích lập dự phòng trợ cấp mất việc theo tỷ lệ là 1-3% cho đến ngày 31 tháng 12 năm 2011.

Trong năm 2012, Ngân hàng đã ngừng trích lập dự phòng trợ cấp mất việc làm theo qui định của Thông tư số 180/2012/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 24 tháng 10 năm 2012. Đồng thời, Ngân hàng đã thực hiện trích lập dự phòng trợ cấp thôi việc căn cứ theo các qui định của Luật Lao động và mức độ chi trả trợ cấp thôi việc trong các năm qua.

4.21.3 Trợ cấp thất nghiệp

Theo Thông tư số 04/2009/TT-BLĐTBXH hướng dẫn Nghị định số 127/2008/NĐ-CP về bảo hiểm thất nghiệp, từ ngày 01 tháng 01 năm 2009, Ngân hàng có nghĩa vụ đóng bảo hiểm thất nghiệp với mức bằng 1,00% quỹ tiền lương, tiền công đóng bảo hiểm thất nghiệp của những người tham gia bảo hiểm thất nghiệp và trích 1,00% tiền lương, tiền công tháng đóng bảo hiểm thất nghiệp của từng người lao động để đóng cùng lúc vào Quỹ Bảo hiểm Thất nghiệp.

5. TIỀN MẶT, VÀNG BẠC, ĐÁ QUÝ

	31/12/2012 triệu đồng	31/12/2011 triệu đồng
Tiền mặt bằng VNĐ	658.181	1.001.043
Tiền mặt bằng ngoại tệ	325.276	219.661
Chứng từ có giá trị ngoại tệ	25	163
Vàng tiền tệ	4.053	-
	987.535	1.220.867

6. TIỀN GỬI TẠI NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VIỆT NAM

	31/12/2012 triệu đồng	31/12/2011 triệu đồng
Tiền gửi thanh toán tại NHNN	4.499.702	964.132
Tiền gửi phong toả	-	-
Tiền gửi khác	-	-
	4.499.702	964.132

Trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012, Ngân hàng thực hiện tuân thủ theo quy định của NHNN về dự trữ bắt buộc.

7. TIỀN, VÀNG GỬI TẠI CÁC TCTD KHÁC VÀ CHO VAY CÁC TCTD KHÁC

	31/12/2012 triệu đồng	31/12/2011 triệu đồng
Tiền, vàng gửi tại các TCTD khác	17.955.227	28.477.581
Cho vay các TCTD khác - giá trị thuần	11.030.176	284.076
	28.985.403	28.761.657

7.1 Tiền, vàng gửi tại các TCTD khác

	31/12/2012 triệu đồng	31/12/2011 triệu đồng
Tiền, vàng gửi không kỳ hạn	7.425.043	5.987.419
- Bằng VNĐ	4.270.483	2.233.371
- Bằng ngoại tệ, vàng	3.154.560	3.754.048
Tiền, vàng gửi có kỳ hạn	10.530.184	22.490.162
- Bằng VNĐ	6.838.269	16.417.128
- Bằng ngoại tệ, vàng	3.691.915	6.073.034
	17.955.227	28.477.581

Theo Thông tư số 21/2012/TT-NHNN do NHNN ban hành ngày 18/06/2012, các TCTD, chi nhánh ngân hàng nước ngoài không được thực hiện các hoạt động gửi tiền, nhận tiền gửi (trừ tiền gửi thanh toán) tại các TCTD, chi nhánh ngân hàng nước ngoài khác kể từ ngày có hiệu lực của Thông tư này (ngày 01/09/2012). Theo đó, Ngân hàng đã tuân thủ qui định của Thông tư này.

Số dư tiền gửi có kỳ hạn tại các TCTD khác tại ngày 31/12/2012 là các khoản tiền gửi được thực hiện trước ngày hiệu lực của Thông tư 21/2012/TT-NHNN.

7.2 Cho vay các TCTD khác

	31/12/2012 triệu đồng	31/12/2011 triệu đồng
Bằng VNĐ	6.191.273	290.000
Bằng vàng, ngoại tệ	4.893.316	-
Dự phòng rủi ro cho vay các TCTD khác	(54.413)	(5.924)
	11.030.176	284.076

8. CHỨNG KHOÁN KINH DOANH

Đầu tư vào chứng khoán kinh doanh tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 và 31 tháng 12 năm 2011 bao gồm:

	31/12/2012 triệu đồng	31/12/2011 triệu đồng
Chứng khoán Vốn	93.201	89.186
- Chứng khoán vốn do các TCTD khác phát hành	33.799	29.784
- Chứng khoán vốn do các TCKT trong nước phát hành	59.402	59.402
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	(35.931)	(38.495)
	57.270	50.691

Thuyết minh về tình trạng niêm yết của các chứng khoán kinh doanh như sau:

	31/12/2012 triệu đồng	31/12/2011 triệu đồng
Chứng khoán Vốn	93.201	89.186
- Đã niêm yết	87.350	83.335
- Chưa niêm yết	5.851	5.851
	93.201	89.186

9. CÁC CÔNG CỤ TÀI CHÍNH PHÁI SINH VÀ CÁC TÀI SẢN TÀI CHÍNH KHÁC

	Tổng giá trị của hợp đồng (theo tỷ giá ngày hiệu lực hợp đồng)	Tổng giá trị ròng ghi sổ kế toán (theo tỷ giá tại ngày lập báo cáo)		
	triệu đồng	Tài sản	Công nợ	Giá trị thuần
		triệu đồng	triệu đồng	triệu đồng
Tại ngày 31/12/2012	9.339.781	58.325	-	58.325
Công cụ TC phái sinh tiền tệ	9.339.781	58.325	-	58.325
Giao dịch kỳ hạn tiền tệ	1.983.072	30.135	-	30.135
Giao dịch hoán đổi tiền tệ	7.353.584	28.190	-	28.190
Bán quyền chọn tiền tệ	3.124	23	-	23
Bán quyền chọn bán	3.124	23	-	23
Tại ngày 31/12/2011	5.153.003	77.885	3.782	74.103
Công cụ TC phái sinh tiền tệ	5.153.003	77.885	3.782	74.103
Giao dịch kỳ hạn tiền tệ	1.128.469	-	3.782	(3.782)
Giao dịch hoán đổi tiền tệ	4.024.534	77.885	-	77.885

10. CHO VAY KHÁCH HÀNG

	31/12/2012 triệu đồng	31/12/2011 triệu đồng
Cho vay các tổ chức kinh tế, cá nhân trong nước	28.880.054	35.755.106
Cho vay chiết khấu thương phiếu và các giấy tờ có giá	34.441	1.991.700
Cho vay bằng vốn tài trợ, uỷ thác đầu tư	2.619	6.133
Cho vay vốn đặc biệt	26.516	-
	28.943.630	37.752.939

10.1. Phân tích dư nợ theo thời gian

	31/12/2012 triệu đồng	31/12/2011 triệu đồng
Nợ ngắn hạn	10.409.771	21.534.024
Nợ trung hạn	6.916.905	6.318.668
Nợ dài hạn	11.616.954	9.900.247
	28.943.630	37.752.939

10.2. Phân tích dư nợ cho vay theo đối tượng khách hàng và theo loại hình doanh nghiệp

	31/12/2012 triệu đồng	%	31/12/2011 triệu đồng	%
Cho vay các TCKT	27.428.658	95%	34.163.075	91%
Doanh nghiệp nhà nước trung ương	1.687.856	6%	2.229.581	6%
Doanh nghiệp nhà nước địa phương	-	-	2.153.613	6%
Công ty TNHH nhà nước	558.318	2%	1.645.314	5%
Công ty TNHH tư nhân	7.971.436	28%	9.136.062	25%
Công ty cổ phần	17.050.467	59%	18.471.455	48%
Công ty hợp danh	-	-	122.523	0%
Doanh nghiệp tư nhân	148.007	1%	354.001	1%
Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài	1.500	0%	13.178	0%
Kinh tế tập thể	11.074	0%	37.348	0%
Cho vay cá nhân	1.514.972	5%	3.589.864	9%
	28.943.630	100%	37.752.939	100%

10.3. Phân tích dư nợ cho vay theo ngành

	31/12/2012 triệu đồng	%	31/12/2011 triệu đồng	%
Khai khoáng	1.102.341	4%	1.368.220	4%
Công nghiệp chế biến, chế tạo	5.368.356	19%	6.659.195	17%
Dịch vụ lưu trú và ăn uống	364.429	1%	361.993	1%
Giáo dục và đào tạo	12.976	0%	15.068	0%
Hoạt động chuyên môn khoa học và công nghệ	19.301	0%	15.700	0%
Hoạt động dịch vụ khác	-	0%	44	0%
Hoạt động hành chính và dịch vụ hỗ trợ	902	0%	2.902.255	8%
Hoạt động kinh doanh bất động sản, vàng bạc, chứng khoán và ngoại tệ	7.583.430	26%	5.382.403	15%
Hoạt động tài chính Ngân hàng, Bảo hiểm	353.213	1%	38.468	0%
Kinh doanh thương mại	3.519.257	12%	7.536.879	20%
Nghệ thuật vui chơi, giải trí	22.958	0%	-	0%
Nông Lâm Ngư nghiệp	779.248	3%	761.750	2%
Sản xuất và phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước và điều hoà không khí	738.997	3%	885.275	2%
Thông tin và truyền thông, viễn thông	387.034	1%	21.441	0%
Vận tải kho bãi	5.117.412	18%	8.401.022	22%
Xây dựng	2.118.478	7%	2.488.465	7%
Y tế và hoạt động trợ giúp xã hội	-	0%	501	0%
Cá thể	1.455.298	5%	914.260	2%
	28.943.630	100%	37.752.939	100%

11. THAY ĐỔI (TĂNG/GIẢM) CỦA DỰ PHÒNG RỦI RO TÍN DỤNG

Ngân hàng thực hiện việc phân loại nợ theo Quyết định 493/2005/QĐ-NHNN và Quyết định 18/2007/QĐ-NHNN và theo chính sách phân loại nợ và trích lập dự phòng rủi ro tín dụng của Ngân hàng. Theo đó, dự phòng rủi ro tín dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 được trích lập dựa trên kết quả phân loại dư nợ nội bảng và các cam kết ngoại bảng tại ngày 30 tháng 11 năm 2012.

Chi tiết số dư dự phòng rủi ro tín dụng trên được trình bày trên bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 như sau:

	Số tiền triệu đồng
Dự phòng rủi ro cho vay khách hàng (Thuyết minh 11.1)	750.602
Dự phòng cho công nợ tiềm ẩn và cam kết ngoại bảng (Thuyết minh 11.2)	25.338
	775.940

11.1 Dự phòng rủi ro cho vay khách hàng

Thay đổi dự phòng rủi ro cho vay khách hàng trong năm 2012 như sau:

	Dự phòng cụ thể triệu đồng	Dự phòng chung triệu đồng	Tổng cộng triệu đồng
Số dư đầu năm	129.224	235.281	364.505
Dự phòng rủi ro trích lập trong năm	546.460	4.964	551.424
Số hoàn nhập dự phòng trong năm	(50.006)	(35.100)	(85.106)
Số dự phòng đã sử dụng để XLRR từ tháng 1 đến tháng 11 trong năm 2012	(80.221)	-	(80.221)
Số dư dự phòng rủi ro tại thời điểm 30 tháng 11 năm 2012	545.457	205.145	750.602
Số dự phòng đã sử dụng để XLRR trong tháng 12 năm 2012	-	-	-
Số dư cuối năm	545.457	205.145	750.602

11.2 Dự phòng cho công nợ tiềm ẩn và cam kết ngoại bảng

Thay đổi dự phòng cho công nợ tiềm ẩn và cam kết ngoại bảng trong năm 2012 như sau:

	Dự phòng cụ thể triệu đồng	Dự phòng chung triệu đồng	Tổng cộng triệu đồng
Số dư đầu năm	9.927	21.422	31.349
Dự phòng rủi ro trích lập trong năm 2012	-	11.106	11.106
Số hoàn nhập dự phòng trong năm 2012	(4.050)	(13.067)	(17.117)
Số dư dự phòng rủi ro tại thời điểm 30 tháng 11 năm 2012	5.877	19.461	25.338
Số dự phòng đã sử dụng để XLRR trong tháng 12 năm 2012	-	-	-
Số dư cuối năm	5.877	19.461	25.338

12. CHỨNG KHOÁN ĐẦU TƯ

	31/12/2012 triệu đồng	31/12/2011 triệu đồng
Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán	30.388.907	34.123.344
Chứng khoán Nợ	30.009.083	34.053.145
Chứng khoán do Chính phủ và các Cơ quan thuộc Chính phủ phát hành	18.754.061	18.061.545
Chứng khoán Nợ do các TCTD khác trong nước phát hành	472.704	3.425.015
Chứng khoán Nợ do các TCKT trong nước phát hành	10.782.318	12.566.585
Chứng khoán Vốn	379.824	70.199
Chứng khoán Vốn do các TCTD khác trong nước phát hành	309.625	-
Chứng khoán Vốn do các TCKT trong nước phát hành	70.199	70.199
Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán	(151.554)	(35.629)
	30.237.353	34.087.715

13. GÓP VỐN, ĐẦU TƯ DÀI HẠN

	Đầu tư vào công ty liên kết triệu đồng	Các khoản đầu tư dài hạn khác triệu đồng	Tổng cộng triệu đồng
Số dư tại ngày 01 tháng 01 năm 2012	-	1.754.772	1.754.772
Vốn góp tăng trong kỳ	-	362.941	362.941
Vốn góp giảm trong kỳ	-	(8.440)	(8.440)
Dự phòng giảm giá	-	(5.785)	(5.785)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012	-	2.103.488	2.103.488

14. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH**14.1. Tài sản cố định hữu hình**

Biến động của tài sản cố định hữu hình trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 như sau:

	<i>Nhà cửa, vật kiến trúc triệu đồng</i>	<i>Máy móc thiết bị triệu đồng</i>	<i>Phương tiện vận tải triệu đồng</i>	<i>Thiết bị dụng cụ quản lý triệu đồng</i>	<i>TSCĐ khác triệu đồng</i>	<i>Tổng cộng triệu đồng</i>
Nguyên giá						
Số dư đầu kỳ	25.000	129.317	136.140	27.567	32.349	350.373
Mua trong kỳ	8.183	152.047	14.151	19.796	3.222	197.399
Tăng (giảm) do phân loại lại	186	2.519	-	13.452	(16.157)	-
Thanh lý, nhượng bán	(3.824)	(5.597)	(1.029)	(6.032)	(3.030)	(19.512)
Tăng (giảm) khác	-	(323)	-	-	-	(323)
Số dư cuối kỳ	29.545	277.963	149.262	54.783	16.384	527.937
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu kỳ	10.265	49.196	25.152	12.066	11.955	108.634
Khấu hao trong kỳ	1.045	47.351	14.097	9.160	5.555	77.208
Tăng (giảm) do phân loại lại	169	1.129	-	7.090	(8.388)	-
Thanh lý, nhượng bán	(1.257)	(4.815)	(505)	(4.682)	(2.430)	(13.689)
Tăng (giảm) khác	-	(166)	-	1	(2)	(167)
Số dư cuối kỳ	10.222	92.695	38.744	23.635	6.690	171.986
Giá trị còn lại của TSCĐ						
Tại ngày đầu kỳ	14.735	80.121	110.988	15.501	20.394	241.739
Tại ngày cuối kỳ	19.323	185.268	110.518	31.148	9.694	355.951

14.2. Tài sản cố định thuê tài chính

Biến động của tài sản cố định thuê tài chính trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 như sau:

	<i>Nhà cửa, vật kiến trúc triệu đồng</i>	<i>Máy móc thiết bị triệu đồng</i>	<i>Phương tiện vận tải triệu đồng</i>	<i>Thiết bị dụng cụ quản lý triệu đồng</i>	<i>TSCĐ khác triệu đồng</i>	<i>Tổng cộng triệu đồng</i>
Nguyên giá						
Số dư đầu kỳ	312.780	-	-	-	-	312.780
Thuê tài chính trong kỳ	-	-	-	-	-	-
Mua lại, trả lại TSCĐ thuê tài chính	-	-	-	-	-	-
Giảm khác	-	-	-	-	-	-
Số dư cuối kỳ	312.780	-	-	-	-	312.780
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu kỳ	9.697	-	-	-	-	9.697
Khấu hao trong kỳ	6.646	-	-	-	-	6.646
Mua lại, trả lại TSCĐ thuê tài chính	-	-	-	-	-	-
Giảm khác	-	-	-	-	-	-
Số dư cuối kỳ	16.342	-	-	-	-	16.342
Giá trị còn lại						
Tại ngày đầu kỳ	303.083	-	-	-	-	303.083
Tại ngày cuối kỳ	296.438	-	-	-	-	296.438

14.3 Tài sản cố định vô hình

Biến động của tài sản cố định vô hình trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 như sau:

	<i>Quyền sử dụng đất có thời hạn triệu đồng</i>	<i>Phần mềm máy vi tính triệu đồng</i>	<i>TSCĐ vô hình khác triệu đồng</i>	<i>Tổng cộng triệu đồng</i>
Nguyên giá				
Số dư đầu kỳ	158.797	58.374	2.422	219.593
- Mua trong kỳ	38.280	51.371	-	89.651
- Thanh lý, nhượng bán	-	(292)	(441)	(733)
- Giảm khác	-	-	-	-
Số dư cuối kỳ	197.077	109.453	1.981	308.511
Giá trị hao mòn lũy kế				
Số dư đầu kỳ	1.072	36.995	1.445	39.512
- Khấu hao trong kỳ	1.276	19.532	368	21.176
- Tăng khác	126	-	-	126
- Thanh lý, nhượng bán	-	(194)	(440)	(634)
- Giảm khác	-	-	(126)	(126)
Số dư cuối kỳ	2.474	56.333	1.247	60.054
Giá trị còn lại				
Tại ngày đầu kỳ	157.725	21.379	977	180.081
Tại ngày cuối kỳ	194.603	53.120	734	248.457

15. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

Biến động của bất động sản đầu tư trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 như sau:

	<i>Nhà cửa, vật kiến trúc triệu đồng</i>	<i>Quyền sử dụng đất triệu đồng</i>	<i>Tổng cộng triệu đồng</i>
Nguyên giá:			
Số dư đầu kỳ	995.099	97.314	1.092.413
Tăng trong kỳ	17.784	851	18.635
Giảm trong kỳ	(28.981)	(20.752)	(49.733)
Số dư cuối kỳ	983.902	77.413	1.061.315
Giá trị hao mòn:			
Số dư đầu kỳ	14.792	896	15.688
Tăng trong kỳ	21.773	519	22.292
Giảm trong kỳ	(101)	(353)	(454)
Số dư cuối kỳ	36.464	1.062	37.526
Giá trị còn lại:			
Tại ngày đầu kỳ	980.307	96.418	1.076.725
Tại ngày cuối kỳ	947.438	76.351	1.023.789

16. TÀI SẢN CÓ KHÁC

	31/12/2012 triệu đồng	31/12/2011 triệu đồng
Các khoản phải thu	6.151.899	2.697.785
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	1.781	47.401
Mua sắm, sửa chữa lớn tài sản cố định	2.857.554	217.705
Các khoản lãi, phí phải thu	3.670.346	3.070.797
Các khoản phải thu ngân sách nhà nước	25.924	-
Tài sản có khác	311.002	2.257.491
Dự phòng rủi ro cho các tài sản Có nội bảng khác	(141.869)	(20.180)
	12.876.637	8.270.999

17. CÁC KHOẢN NỢ CHÍNH PHỦ VÀ NHNN

	31/12/2012 triệu đồng	31/12/2011 triệu đồng
Vay NHNN	4.821.714	10.116.221
Vay theo hồ sơ tín dụng	-	200.000
Vay chiết khấu, tái chiết khấu các giấy tờ có giá	4.766.808	9.855.407
Vay thực hiện Dự án hiện đại hóa Ngân hàng và Hệ thống thanh toán	54.906	60.814
Vay Ngân hàng phát triển	507.909	-
	5.329.623	10.116.221

18. TIỀN VÀNG GỬI VÀ VAY CÁC TCTD KHÁC

	31/12/2012 triệu đồng	31/12/2011 triệu đồng
Tiền, vàng gửi các TCTD khác	17.615.920	20.350.698
Vay các TCTD khác	12.619.064	2.479.809
	30.234.984	22.830.507

18.1 Tiền, vàng gửi của các TCTD khác

	31/12/2012 triệu đồng	31/12/2011 triệu đồng
Tiền, vàng gửi không kỳ hạn	7.533.239	6.267.243
- Bằng VNĐ	4.445.708	2.781.761
- Bằng vàng và ngoại tệ	3.087.531	3.485.482
Tiền, vàng gửi có kỳ hạn	10.082.681	14.083.455
- Bằng VNĐ	5.470.381	8.795.266
- Bằng vàng và ngoại tệ	4.612.300	5.288.189
	17.615.920	20.350.698

18.2 Vay các TCTD khác

	31/12/2012 triệu đồng	31/12/2011 triệu đồng
Bằng VNĐ	9.765.972	2.314.531
Bằng vàng và ngoại tệ	2.853.092	165.278
	12.619.064	2.479.809

19. TIỀN GỬI CỦA KHÁCH HÀNG**19.1. Thuyết minh theo loại hình tiền gửi**

	31/12/2012 triệu đồng	31/12/2011 triệu đồng
Tiền, vàng gửi không kỳ hạn	10.452.393	13.143.845
Tiền gửi không kỳ hạn bằng VNĐ	8.145.179	11.938.611
Tiền gửi tiết kiệm không kỳ hạn bằng VNĐ	16.853	824
Tiền gửi không kỳ hạn bằng vàng, ngoại tệ	1.438.489	1.180.525
Tiền gửi tiết kiệm không kỳ hạn bằng vàng, ngoại tệ	851.872	23.885
Tiền, vàng gửi có kỳ hạn	48.791.211	47.029.797
Tiền gửi có kỳ hạn bằng VNĐ	18.621.924	23.548.662
Tiền gửi tiết kiệm có kỳ hạn bằng VNĐ	25.455.892	18.495.860
Tiền gửi có kỳ hạn bằng vàng, ngoại tệ	481.159	1.189.016
Tiền gửi tiết kiệm có kỳ hạn bằng vàng, ngoại tệ	4.232.236	3.796.259
Tiền gửi vốn chuyên dùng	74.765	79.593
Tiền gửi vốn chuyên dùng bằng VNĐ	54.022	65.522
Tiền gửi vốn chuyên dùng bằng ngoại tệ	20.743	14.071
Tiền ký quỹ	268.147	2.041.288
Tiền gửi ký quỹ bằng VNĐ	162.745	1.569.627
Tiền gửi ký quỹ bằng vàng, ngoại tệ	105.402	471.661
	59.586.516	62.294.523

19.2. Thuyết minh theo đối tượng khách hàng, loại hình doanh nghiệp

	31/12/2012 triệu đồng	31/12/2011 triệu đồng
Tiền gửi của Kho bạc Nhà nước	-	-
Tiền gửi của TCKT	26.154.239	37.765.025
Doanh nghiệp nhà nước	11.772.307	20.173.785
DN ngoài nhà nước và các đối tượng khác	14.255.717	16.993.253
Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài	126.215	597.987
Tiền gửi của cá nhân	33.065.219	24.527.058
Tiền gửi của các đối tượng khác	367.058	2.440
	59.586.516	62.294.523

20. VỐN TÀI TRỢ, ỦY THÁC ĐẦU TƯ, CHO VAY TCTD CHỊU RỦI RO

	31/12/2012 triệu đồng	31/12/2011 triệu đồng
Ủy thác quản lý vốn từ các TCTD trong nước	137.000	381.120
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam	1.107	1.290
Nguồn vốn viện trợ ODA Nhật Bản	7.256	11.638
	145.363	394.048

21. PHÁT HÀNH GIẤY TỜ CÓ GIÁ THÔNG THƯỜNG

	31/12/2012 triệu đồng	31/12/2011 triệu đồng
Chứng chỉ tiền gửi		
Dưới 12 tháng	2	2
Ký phiếu		
Dưới 12 tháng	-	1.041.456
Trái phiếu		
Từ 12 tháng đến dưới 5 năm	2.295.000	6.137.042
	2.295.002	7.178.500

22. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ VÀ CÔNG NỢ KHÁC

	31/12/2012 triệu đồng	31/12/2011 triệu đồng
Cổ tức phải trả	3.672	4.002
Các khoản phải trả nội bộ	68.041	57.142
- Các khoản phải trả công nhân viên	46.358	48.445
- Quỹ trợ cấp mất việc làm	-	349
- Phải trả nội bộ khác	21.683	8.348
Các khoản phải trả bên ngoài	1.706.757	371.209
	1.778.470	432.353

23. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NGHĨA VỤ VỚI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

Đơn vị: triệu đồng

	Số dư đầu kỳ	Phát sinh trong kỳ			Số dư cuối kỳ
		Số phải nộp	Số đã nộp		
Thuế GTGT	45.342	17.693	(72.828)		(9.793)
Thuế TNDN	240.067	29.288	(295.606)		(26.251)
Thuế nhà đất	-	60	(60)		-
Tiền thuê đất	-	-	-		-
Các loại thuế khác	16.065	66.333	(72.278)		10.120
Thuế phải trả (phải thu)					
Ngân sách nhà nước	301.474	113.374	(440.772)		(25.924)

23.1 Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Ngân hàng có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp 25% trên tổng lợi nhuận chịu thuế (năm 2011: 25%).

23.2. Thuế thu nhập hoãn lại

Không có khoản thuế thu nhập hoãn lại nào được ghi nhận trong kỳ do không có khoản nào được ghi nhận trong kỳ tăng thu nhập vốn chủ sở hữu đến ngày kết thúc niên độ trên các báo cáo tài chính hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2012.

24. VỐN VÀ QUỸ CỦA TỔ CHỨC TÍN DỤNG

24.1. Báo cáo tình hình thay đổi vốn chủ sở hữu

Tình hình thay đổi vốn của Ngân hàng trong năm 2012 được thể hiện trong bảng dưới đây:

Chỉ tiêu	Số dư đầu năm	Tăng trong năm	Lợi nhuận thuần trong năm	Trích lập các quỹ dự trữ trong năm 2012	Tạm trích lập các quỹ dự trữ năm 2012 theo quy định	Các khoản tăng khác	Giảm trong năm	Sử dụng trong năm	Tạm ứng cổ tức năm 2012	Mua cổ phiếu quỹ	Các khoản giảm khác	Số dư cuối năm
Thặng dư vốn cổ phần	400.000	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	400.000
Vốn điều lệ	8.000.000	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	8.000.000
Cổ phiếu quỹ	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Quỹ đầu tư phát triển	3.290	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	3.290
Quỹ dự phòng tài chính	340.400	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	340.400
Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	39.670	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	39.670
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	27.310	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	27.310
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối/Lô lũy kế	688.604	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	688.604
Vốn chủ sở hữu khác	607	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	607
Tổng cộng	9.499.881	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	9.499.881

Ngân hàng thực hiện mua cổ phiếu quỹ theo Nghị quyết số 03.8/2012NQ-HĐQT ngày 16/04/2012 của Hội đồng Quản trị Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam về thông qua việc mua cổ phiếu quỹ.

Chi tiết cổ phiếu của Ngân hàng như sau:

	Năm 2012	Năm 2011
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	800.000.000	800.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	800.000.000	800.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	800.000.000	800.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	6.320.870	-
- Cổ phiếu phổ thông	6.320.870	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	793.679.130	800.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	793.679.130	800.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (đồng/cổ phiếu)	10.000	10.000

24.2. Các quỹ của Ngân hàng

Ngân hàng trích lập các quỹ dự trữ sau đây theo quy định của Luật các TCTD số 47/2010/QH12 do Quốc hội ban hành ngày 16 tháng 6 năm 2010 và Nghị định số 57/2012/NĐ-CP do Chính phủ ban hành ngày 20 tháng 07 năm 2012 về chế độ tài chính đối với các tổ chức tín dụng như sau:

	Tỷ lệ phần trăm của lợi nhuận sau thuế	Mức tối đa
Quỹ bổ sung vốn điều lệ	5% Lợi nhuận sau thuế và được thông qua tại Đại hội cổ đông	100% vốn điều lệ
Quỹ dự phòng tài chính	10% lợi nhuận sau thuế và sau khi trích lập Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	25% vốn điều lệ

Việc trích lập các quỹ còn lại do Ngân hàng tự quyết định.

Ngân hàng đã thực hiện trích 54.931 triệu đồng vào Quỹ khen thưởng và phúc lợi trong kỳ theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2012.

24.3. Các quỹ của Công ty con

Việc phân phối lợi nhuận, trích lập các quỹ và mục đích sử dụng các quỹ của Công ty Quản lý và Khai thác Tài sản ("Công ty con") được thực hiện theo các quy định hiện hành của Nhà nước áp dụng đối với ngân hàng thương mại thành lập công ty.

Theo đó, Công ty con trích từ lợi nhuận sau thuế để lập các quỹ dự trữ theo các tỷ lệ mà Ngân hàng đang áp dụng.

25. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng số lợi nhuận thuần phân bổ cho các cổ đông của Ngân hàng chia cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm. Chi tiết lãi cơ bản trên cổ phiếu của Ngân hàng như sau:

	Năm 2012 triệu đồng	Năm 2011 triệu đồng
Lợi nhuận thuần phân bổ cho các cổ đông của Ngân hàng	226.414	797.340
Trừ: trích lập các quỹ khác (không bao gồm quỹ dự phòng bổ sung vốn điều lệ và quỹ dự phòng tài chính)	-	-
Lợi nhuận dùng để tính lãi trên cổ phiếu	226.414	797.340
Bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành (triệu cổ phiếu)	797	664
Lãi cơ bản trên mỗi cổ phiếu (đồng/cổ phiếu)	284	1.202

26. CỔ TỨC

	Năm 2012 triệu đồng	Năm 2011 triệu đồng
Cổ tức đã công bố trong năm	560.000	-
Cổ tức trên cổ phiếu phổ thông	560.000	-
Cổ tức trên cổ phiếu ưu đãi	-	-
Cổ tức đã trả trong năm	555.906	224.021
Cổ tức trên cổ phiếu phổ thông (*)	555.906	224.021
Cổ tức trên cổ phiếu ưu đãi	-	-

(*): Ngày 10/11/2012 Ngân hàng thực hiện tạm ứng cổ tức đợt 1 năm 2012 cho Cổ đông với tỷ lệ 7% theo danh sách chốt tại thời điểm 25/10/2012. Tổng số cổ tức đợt 1 năm 2012 Ngân hàng tạm ứng cho Cổ đông là 555.575.391.000 đồng.

27. THU NHẬP LÃI VÀ CÁC KHOẢN THU NHẬP TƯƠNG TỰ

	Năm 2012 triệu đồng	Năm 2011 triệu đồng
Thu nhập lãi tiền gửi	1.905.105	3.286.334
Thu nhập lãi cho vay khách hàng	5.359.050	5.463.929
Thu lãi từ kinh doanh, đầu tư chứng khoán Nợ:	3.817.531	4.607.719
- Thu lãi từ chứng khoán đầu tư	3.817.531	4.607.719
Thu nhập lãi quá hạn	842.635	717.700
Thu khác từ hoạt động tín dụng	3.036	2.971
11.927.357	14.078.653	

28. CHI PHÍ LÃI VÀ CÁC KHOẢN CHI PHÍ TƯƠNG TỰ

	Năm 2012 triệu đồng	Năm 2011 triệu đồng
Trả lãi tiền gửi	6.589.834	8.057.327
Trả lãi tiền vay	1.052.801	1.900.162
Trả lãi phát hành giấy tờ có giá	528.752	1.227.083
Chi hoàn lãi dự thu	1.742.831	965.736
Chi phí hoạt động tín dụng khác	3.213	370.869
9.917.431	12.521.177	

29. LÃI THUẦN TỪ HOẠT ĐỘNG DỊCH VỤ

	Năm 2012 triệu đồng	Năm 2011 triệu đồng
Thu nhập từ hoạt động dịch vụ	171.870	440.193
Dịch vụ thanh toán	89.217	148.063
Dịch vụ ngân quỹ	1.966	1.733
Dịch vụ bảo lãnh	24.171	50.597
Thu từ dịch vụ tư vấn	-	66.997
Dịch vụ đại lý nhận ủy thác	41.863	89.652
Thu từ nghiệp vụ chiết khấu	838	1.287
Thu phí dịch vụ khác	13.815	81.864
Chi phí hoạt động dịch vụ	132.209	(96.442)
Chi về dịch vụ thanh toán	54.743	(43.211)
Chi phí dịch vụ khác	77.466	(53.231)
Lãi thuần từ hoạt động dịch vụ	39.661	343.751

30. LÃI THUẦN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH NGOẠI HỐI

	Năm 2012 triệu đồng	Năm 2011 triệu đồng
Thu nhập từ hoạt động kinh doanh ngoại hối	582.335	537.466
Thu từ kinh doanh ngoại tệ giao ngay	111.265	260.971
Thu từ kinh doanh vàng	821	16
Thu từ các công cụ tài chính phái sinh tiền tệ	470.249	276.479
Chi phí hoạt động kinh doanh ngoại hối	(494.353)	(495.562)
Chi về kinh doanh ngoại tệ giao ngay	(103.811)	(128.186)
Chi về kinh doanh vàng	(558)	(3.410)
Chi về các công cụ tài chính phái sinh tiền tệ	(389.984)	(363.966)
Lãi thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối	87.982	41.904

31. LÃI/(LỖ) THUẦN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (MUA BÁN) CHỨNG KHOÁN KINH DOANH

	Năm 2012 triệu đồng	Năm 2011 triệu đồng
Thu nhập từ mua bán chứng khoán kinh doanh	11	679
Chi phí về mua bán chứng khoán kinh doanh	(1.224)	(7.334)
(Chi phí)/Hoàn nhập dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	2.564	(28.362)
	1.351	(35.017)

32. LÃI/(LỖ) THUẦN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (MUA BÁN) CHỨNG KHOÁN ĐẦU TƯ

	Năm 2012 triệu đồng	Năm 2011 triệu đồng
Thu nhập từ mua bán chứng khoán đầu tư	294.001	90.098
Chi phí về mua bán chứng khoán đầu tư	(79.561)	(111.988)
(Chi phí)/Hoàn nhập dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư	(115.925)	(7.418)
	98.515	(29.308)

33. LÃI THUẦN TỪ HOẠT ĐỘNG KHÁC

	Năm 2012 triệu đồng	Năm 2011 triệu đồng
Thu từ các công cụ tài chính phái sinh khác	8.235	8.678
Thu về hoạt động kinh doanh khác	287.576	814.123
Thu từ thanh lý tài sản cố định	1.299	828
Thu nhập khác	233.112	5.703
Thu từ hoạt động khác	530.222	829.332
Chi về các công cụ tài chính phái sinh khác	(9.268)	(8.875)
Chi về hoạt động kinh doanh khác	(34.347)	(389.454)
Thuế TNDN 2010 nộp bổ sung tại MSB AMC	-	(13.740)
Chi phí khác	(236.247)	(2.945)
Chi từ hoạt động khác	(285.535)	(417.270)
	244.687	412.062

34. THU NHẬP TỪ GÓP VỐN, MUA CỔ PHẦN

	Năm 2012 triệu đồng	Năm 2011 triệu đồng
Cổ tức nhận được trong kỳ từ góp vốn, mua cổ phần:		
- từ chứng khoán Vốn kinh doanh	5.067	3.667
- từ chứng khoán Vốn đầu tư	2.602	1.336
- từ góp vốn, đầu tư dài hạn	135.136	116.607
Các khoản thu nhập khác	372	-
Dự phòng góp vốn đầu tư dài hạn	(5.785)	-
	137.392	121.610

35. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG

	<i>Năm 2012</i> <i>triệu đồng</i>	<i>Năm 2011</i> <i>triệu đồng</i>
Chi nộp thuế và các khoản phí, lệ phí	65.560	78.652
Chi phí cho nhân viên	814.362	578.456
- Chi lương và phụ cấp	771.154	533.816
- Các khoản chi đóng góp theo lương	36.119	40.485
- Chi trang phục	6.014	1.421
- Chi trợ cấp	1.075	1.661
- Chi công tác xã hội	-	1.073
Chi về tài sản	404.009	240.328
- Khấu hao tài sản cố định	127.322	69.076
- Chi sửa chữa, nâng cấp tài sản cố định	96.819	20.224
- Chi thuê tài sản cố định	155.297	113.525
- Chi mua sắm công cụ lao động	22.919	35.336
- Chi bảo hiểm tài sản	1.652	2.167
Chi cho hoạt động quản lý công vụ	395.314	309.948
- Công tác phí	34.486	29.979
- Chi về các hoạt động đoàn thể của TCTD	19	94
- Chi quảng cáo, khuyến mại	74.586	81.870
- Chi thuê chuyên gia, tư vấn	113.084	58.039
- Chi hoạt động quản lý công vụ khác	173.139	139.966
Chi nộp phí bảo hiểm, bảo toàn tiền gửi của khách hàng	34.793	28.340
Chi phí dự phòng rủi ro khác	141.288	20.180
	1.855.326	1.255.904

36. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

Tiền và các khoản tương đương tiền thuận thể hiện trên báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 bao gồm các khoản trên bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 sau đây:

	<i>31/12/2012</i> <i>triệu đồng</i>	<i>31/12/2011</i> <i>triệu đồng</i>
Tiền và các khoản tương đương tiền tại quỹ	987.535	1.220.867
Tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước	4.499.702	964.132
Tiền gửi thanh toán tại các TCTD khác	7.425.043	5.987.419
Tiền gửi và cho vay các TCTD khác có kỳ hạn dưới 90 ngày	5.547.360	13.082.457
Chứng khoán có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua	1.312.351	680.582
	19.771.991	21.935.457

37. TÌNH HÌNH THU NHẬP CỦA CÁN BỘ CÔNG NHÂN VIÊN

	<i>Năm 2012</i>	<i>Năm 2011</i>
I. Bình quân số cán bộ, công nhân viên (người)	5.441	4.699
II. Thu nhập của cán bộ, công nhân viên (triệu đồng)		
1. Tổng quỹ lương	733.581	503.242
2. Tiền thưởng	2.825	5.555
3. Thu nhập khác	8.382	18.028
4. Tổng thu nhập (1+2+3)	744.788	526.825
5. Tiền lương bình quân tháng	11,2	8,9
6. Thu nhập bình quân tháng	11,4	9,3
III. Thù lao của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát		
- Hội đồng Quản trị	7.058	3.381
- Ban kiểm soát	3.297	2.517

38. LOẠI HÌNH VÀ GIÁ TRỊ TÀI SẢN THẾ CHẤP CỦA KHÁCH HÀNG

	<i>31/12/2012</i> <i>triệu đồng</i>	<i>31/12/2011</i> <i>triệu đồng</i>
Bất động sản	34.066.385	42.144.495
Động sản	21.066.002	23.279.987
Chứng từ có giá	4.050.554	10.949.868
Tài sản khác	24.119.538	20.023.442
	83.302.479	96.397.792

39. NGHĨA VỤ NỢ TIỀM ẨN VÀ CÁC CAM KẾT ĐƯA RA

Trong quá trình hoạt động kinh doanh, Ngân hàng thực hiện các công cụ tài chính liên quan đến các khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2012. Các công cụ tài chính này chủ yếu bao gồm các cam kết bảo lãnh và thư tín dụng. Các công cụ này cũng tạo ra những rủi ro tín dụng cho Ngân hàng ngoài các rủi ro tín dụng đã được ghi nhận trong nội bảng.

Rủi ro tín dụng của các công cụ tài chính ngoại bảng được định nghĩa là khả năng mang đến rủi ro tín dụng cho Ngân hàng khi một trong các bên liên quan đến công cụ tài chính đó không thực hiện các điều khoản của hợp đồng.

Bảo lãnh tài chính là các cam kết có điều kiện mà Ngân hàng cấp cho khách hàng để giao dịch với một bên thứ ba trong các hoạt động về bảo lãnh vay vốn, bảo lãnh thanh toán, bảo lãnh thực hiện hợp đồng và bảo lãnh dự thầu. Rủi ro tín dụng liên quan đến việc cấp bảo lãnh về cơ bản giống rủi ro cho vay khách hàng.

Giao dịch thư tín dụng thương mại trả ngay là loại giao dịch trong đó Ngân hàng cung cấp tài chính cho khách hàng của mình, thông thường người mua/nhà nhập khẩu hàng hoá và bên thụ hưởng là người bán/nhà xuất khẩu. Rủi ro tín dụng trong thư tín dụng trả ngay thường thấp do hàng hoá nhập khẩu được dùng để thế chấp cho loại giao dịch này. Giao dịch thư tín dụng trả chậm sẽ phát sinh rủi ro khi hợp đồng đã được thực hiện mà khách hàng không thanh toán cho bên thụ hưởng. Các thư tín dụng trả chậm không được khách hàng thanh toán được Ngân hàng ghi nhận là khoản cho vay bắt buộc và công nợ tương ứng thể hiện nghĩa vụ tài chính của Ngân hàng phải thanh toán cho bên thụ hưởng và thực hiện nghĩa vụ của Ngân hàng trong việc bảo lãnh cho khách hàng.

Ngân hàng thường yêu cầu khách hàng ký quỹ để đảm bảo cho các công cụ tài chính có liên quan đến tín dụng khi cần thiết. Giá trị ký quỹ dao động từ 0% đến 100% giá trị cam kết được cấp, tùy thuộc vào mức độ tin cậy của khách hàng do Ngân hàng đánh giá.

Chi tiết các khoản công nợ tiềm ẩn và cam kết tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 và ngày 31 tháng 12 năm 2011 như sau:

	31/12/2012 triệu đồng	31/12/2011 triệu đồng
Bảo lãnh vay vốn	10.000	3.000
Bảo lãnh thanh toán	738.848	6.772.840
Bảo lãnh dự thầu	41.855	82.411
Bảo lãnh thực hiện hợp đồng	495.956	572.154
Cam kết bảo lãnh khác	522.766	490.441
Cam kết bảo lãnh	1.809.425	7.920.846
Thư tín dụng trả ngay	316.218	657.880
Thư tín dụng trả chậm	576.329	565.736
Cam kết trong nghiệp vụ L/C	892.547	1.223.616
Trừ: Tiền ký quỹ mở thư tín dụng và ký quỹ bảo lãnh	(268.147)	(2.041.288)
	2.433.825	7.103.174

40. HOẠT ĐỘNG UỶ THÁC VÀ ĐẠI LÝ KHÔNG CHỊU RỦI RO

	31/12/2012 triệu đồng	31/12/2011 triệu đồng
Vốn cho vay ủy thác nhận từ TCTD khác	1.786.236	3.592.333
Vốn cho vay đồng tài trợ nhận từ TCTD khác	2.230.788	2.301.120
	4.017.024	5.893.453

Các tài sản giữ cho mục đích ủy thác quản lý giữ hộ không được xem là tài sản của Ngân hàng và vì thế được Ngân hàng hạch toán ngoại bảng và không được bao gồm trong các báo cáo tài chính của Ngân hàng.

41. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Giao dịch với các bên liên quan là các giao dịch được thực hiện với các bên có liên quan với Ngân hàng. Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động.

Chi tiết một số giao dịch lớn với các bên liên quan trực tiếp trong năm 2012 như sau:

Bên liên quan	Quan hệ	Các giao dịch	triệu đồng
Các bên liên quan là tổ chức	Cổ đông chiến lược	Tiền gửi	28.414.697
		Tiền vay	231.555
		Lãi đã trả/phải trả	105.224
		Thu nhập lãi cho vay	9.970
Các bên liên quan là cá nhân	Thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Điều hành	Tiền gửi	1.209.062
		Tiền vay	150
		Lãi đã trả/phải trả	508
		Thu nhập lãi cho vay	8

Chi tiết số dư tiền gửi và tiền vay của các bên liên quan tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 như sau:

Bên liên quan	Quan hệ	Các giao dịch	triệu đồng
Các bên liên quan là tổ chức	Cổ đông chiến lược	Tiền gửi	1.019.408
		Tiền vay	231.555
Các bên liên quan là cá nhân	Thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Điều hành	Tiền gửi	12.038
		Tiền vay	-

42. MỨC ĐỘ TẬP TRUNG THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ CỦA CÁC TÀI SẢN, CÔNG NỢ VÀ CÁC KHOẢN MỤC NGOẠI BẢNG

	Tổng dư nợ cho vay	Tổng tiền gửi	Các cam kết tín dụng	CCTC phái sinh (Tổng giá trị giao dịch theo hợp đồng)	Kinh doanh và đầu tư chứng khoán (Chênh lệch DN-DC)
Trong nước	28.943.630	59.573.865	2.701.972	9.339.781	30.318.604
Nước ngoài	-	12.651	-	-	-

Các cam kết tín dụng bao gồm cam kết bảo lãnh tài chính, cam kết thanh toán theo thư tín dụng và cam kết cho vay khách hàng không hủy ngang.

43. CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO LIÊN QUAN ĐẾN CÁC CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Định hướng của Ngân hàng là trở thành một tập đoàn tài chính đa năng. Do vậy, việc sử dụng các công cụ tài chính bao gồm nhận tiền gửi của khách hàng và đầu tư vào các tài sản tài chính có chất lượng cao đã trở thành hoạt động mang tính then chốt giúp Ngân hàng đạt được mức chênh lệch lãi suất cần thiết. Xét từ khía cạnh quản lý rủi ro, điều này đòi hỏi Ngân hàng kết hợp một cách cân đối giữa các cam kết ngoại bảng (như bảo lãnh và thư tín dụng) với các khoản cho vay (bằng đồng nội tệ cũng như ngoại tệ) đối với các cá nhân và tổ chức thuộc các mức độ tin cậy khác nhau. Bên cạnh đó, Ngân hàng cũng đầu tư một phần vốn lưu động vào các chứng khoán đầu tư hay cho các ngân hàng khác vay. Những rủi ro liên quan đến trao đổi ngoại tệ và thay đổi lãi suất được quản lý thông qua áp dụng hạn mức trạng thái nhằm hạn chế sự tập trung quá mức đồng thời tham gia vào các hoạt động có tác dụng cân bằng lẫn nhau để giảm thiểu rủi ro. Thông qua việc nắm giữ nhiều tài sản là các công cụ tài chính có chất lượng cao, cơ cấu bảng cân đối kế toán hợp nhất của Ngân hàng có đủ khả năng phòng ngừa rủi ro trọng yếu trong quá trình hoạt động kinh doanh và đảm bảo khả năng thanh khoản. Thêm vào đó, Ngân hàng cũng tham gia vào nhiều giao dịch phòng ngừa rủi ro liên quan đến các công cụ tài chính như các cam kết hoán đổi ngoại tệ cho mục đích quản lý rủi ro lãi suất.

Trong quá trình quản lý rủi ro tín dụng, Ngân hàng đã sử dụng có hiệu quả Cẩm nang Tín dụng trong đó ghi chi tiết các chính sách và thủ tục cho vay cũng như các hướng dẫn thực hiện để chuẩn hóa các hoạt động tín dụng của Ngân hàng. Rủi ro thanh khoản được hạn chế thông qua việc nắm giữ một số lượng lớn tiền mặt và các khoản tương đương tiền dưới dạng tài khoản Nostro, các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng Nhà nước và các tổ chức tín dụng khác và các giấy tờ có giá. Các tỷ lệ an toàn có tính đến yếu tố rủi ro cũng được sử dụng để quản lý rủi ro thanh khoản. Ngân hàng thường tiến hành đánh giá chênh lệch lãi suất, so sánh với các thị trường trong nước và quốc tế để có những điều chỉnh kịp thời. Thêm vào đó, việc áp dụng các quy trình quản lý rủi ro nội bộ cũng trở nên hiệu quả hơn nhờ việc triển khai Hệ thống Quản lý Vốn Tập trung và Hệ thống Thanh toán Tập trung, theo đó toàn bộ các giao dịch vốn và thanh toán của Ngân hàng đều do Hội sở chính thực hiện. Việc đó cho phép Ngân hàng giám sát hiệu quả hơn các biến đổi về vốn và giảm các sai sót có thể xảy ra cũng như những thủ tục phức tạp không cần thiết.

44. RỦI RO TÍN DỤNG

Rủi ro tín dụng là khả năng xảy ra tổn thất trong hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng do khách hàng không thực hiện hoặc không có khả năng thực hiện nghĩa vụ của mình theo cam kết.

Ngân hàng kiểm soát và quản lý rủi ro tín dụng bằng cách thiết lập hạn mức thanh toán tương ứng với mức độ rủi ro mà ngân hàng có thể chấp nhận được đối với mỗi khách hàng và đối với mỗi lĩnh vực địa lý, ngành nghề.

Ngân hàng đã thiết lập quy trình soát xét chất lượng tín dụng cho phép dự báo sớm những thay đổi về tình hình tài chính, khả năng trả nợ của các bên đối tác dựa trên các yếu tố định tính, định lượng. Hạn mức tín dụng đối với mỗi khách hàng được thiết lập thông qua việc sử dụng hệ thống xếp hạng tín dụng, trong đó mỗi khách hàng được xếp loại ở một mức độ rủi ro. Mức độ rủi ro này có thể được sửa đổi, cập nhật thường xuyên.

44.1. Các tài sản tài chính chưa quá hạn hay chưa bị giảm giá

Các tài sản tài chính chưa quá hạn hay chưa bị giảm giá trị của Ngân hàng bao gồm các khoản nợ nhóm 1 theo quy định của Quyết định 493/2005/QĐ-NHNN và Quyết định 18/2007/QĐ-NHNN; các chứng khoán, các khoản phải thu và các tài sản tài chính khác không quá hạn và không phải trích lập dự phòng theo Quyết định 228/QĐ-BTC.

Ngân hàng đánh giá rằng Ngân hàng hoàn toàn có khả năng thu hồi đầy đủ và đúng hạn các tài sản tài chính này trong tương lai.

44.2. Các tài sản tài chính đã quá hạn nhưng không bị giảm giá

Tuổi nợ của các tài sản tài chính đã quá hạn nhưng không bị giảm giá được trình bày dưới đây:

	Quá hạn			
	Dưới 90 ngày triệu đồng	91-180 ngày triệu đồng	181-360 ngày triệu đồng	Trên 360 ngày triệu đồng
TÀI SẢN				
Tiền, vàng gửi tại các TCTD khác và cho vay các TCTD khác	114.517	-	-	-
- Tiền, vàng gửi tại TCTD khác	114.517	-	-	-
Cho vay khách hàng	276.223	16.096	29.567	209.453
Tài sản có khác		320.000		
- Các khoản phải thu	-	320.000	-	-

Các tài sản tài chính đã quá hạn nhưng không bị giảm giá là do Ngân hàng hiện đang nắm giữ đầy đủ các tài sản đảm bảo là bất động sản, động sản, các giấy tờ có giá và các loại tài sản đảm bảo khác cho các tài sản tài chính này, hoặc các tài sản tài chính này chưa đủ điều kiện để trích lập dự phòng theo quy định. Ngân hàng chưa xác định được đầy đủ giá trị hợp lý của các tài sản đảm bảo này do chưa có các hướng dẫn cụ thể của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cũng như chưa có các thông tin thị trường cần thiết.

45. RỦI RO THỊ TRƯỜNG

45.1. Rủi ro lãi suất

Thời hạn định lại lãi suất thực tế là thời hạn còn lại tính từ thời điểm lập báo cáo tài chính hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 cho tới kỳ định lại lãi suất gần nhất của các khoản mục tài sản và nguồn vốn.

Các giả định và điều kiện sau được áp dụng trong phân tích thời hạn định lại lãi suất thực tế của các tài sản và công nợ của Ngân hàng:

- ▶ Tiền mặt, vàng bạc đá quý; góp vốn đầu tư dài hạn và các tài sản có khác (bao gồm tài sản cố định, bất động sản đầu tư và tài sản có khác) được xếp loại khoản mục không chịu lãi;
- ▶ Tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam được xếp loại tiền gửi thanh toán do đó kỳ hạn định lại lãi suất thực tế được xếp loại đến một tháng;
- ▶ Thời hạn định lại lãi suất thực tế của chứng khoán đầu tư và chứng khoán kinh doanh được tính dựa trên thời gian đáo hạn thực tế tại thời điểm lập báo cáo tài chính của từng loại chứng khoán;
- ▶ Thời hạn định lại lãi suất thực tế của các khoản tiền gửi và cho vay các TCTD; các khoản cho vay khách hàng; các khoản nợ chính phủ và Ngân hàng Nhà nước Việt Nam; các khoản tiền gửi và vay các Tổ chức tín dụng và khoản mục tiền gửi của khách hàng được xác định như sau:
 - Các khoản mục có lãi suất cố định trong suốt thời gian của hợp đồng: Thời hạn định lại lãi suất thực tế dựa trên thời gian đáo hạn thực tế tính từ thời điểm lập báo cáo tài chính hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2012.
 - Các khoản mục có lãi suất thả nổi: Thời hạn định lại lãi suất thực tế dựa trên kỳ định lại lãi suất gần nhất tính từ thời điểm lập báo cáo tài chính hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2012.
- ▶ Thời hạn định lại lãi suất thực tế của khoản mục phát hành giấy tờ có giá dựa trên thời gian đáo hạn thực tế của từng loại giấy tờ có giá;
- ▶ Thời hạn định lại lãi suất thực tế của khoản mục nguồn vốn tài trợ uỷ thác đầu tư, cho vay mà tổ chức tín dụng chịu rủi ro được xếp vào kỳ hạn từ 1 năm đến 5 năm;
- ▶ Thời hạn định lại lãi suất của các khoản nợ khác được xếp vào kỳ hạn từ 1 tháng đến 3 tháng. Trong thực tế, các khoản mục này có thể có thời gian định lại lãi suất khác nhau.

45. RỦI RO THỊ TRƯỜNG (tiếp theo)

45.1. Rủi ro lãi suất (tiếp theo)

Đơn vị: triệu đồng

Tài sản	Quá hạn	Không chịu lãi	Đến 1 tháng	Từ 1 - 3 tháng	Từ 3 - 6 tháng	Từ 6 - 12 tháng	Từ 1 - 5 năm	Trên 5 năm	Tổng
Tiền mặt vàng bạc, đá quý	-	987.535	-	-	-	-	-	-	987.535
Tiền gửi tại NHNN	-	-	4.499.702	-	-	-	-	-	4.499.702
Tiền gửi tại và cho vay các TCTD khác (*)	90.000	30	14.397.356	6.476.631	3.745.540	4.208.387	7.355	114.517	29.039.817
Chứng khoán kinh doanh (*)	-	93.201	-	-	-	-	-	-	93.201
Các công cụ tài chính phái sinh và các tài sản tài chính khác	-	-	58.325	-	-	-	-	-	58.325
Cho vay khách hàng (*)	5.010.114	-	17.373.229	3.953.634	669.859	763.877	745.392	427.526	28.943.630
Chứng khoán đầu tư (*)	-	367.824	2.854.432	4.808.036	11.516.647	9.029.968	1.800.000	12.000	30.388.907
Góp vốn, đầu tư dài hạn (*)	-	2.109.272	-	-	-	-	-	-	2.109.273
Tài sản cố định và bất động sản đầu tư	-	1.924.635	-	-	-	-	-	-	1.924.635
Tài sản Có khác (*)	964.366	9.505.483	-	-	-	1.046.063	1.502.579	15	13.018.506
Tổng tài sản	6.064.480	14.987.981	39.183.043	15.238.301	15.932.046	15.048.295	4.055.326	554.058	111.063.530
Nợ phải trả									
Tiền gửi và tiền vay từ Chính phủ và NHNN	-	-	4.766.808	507.909	12.387	-	-	42.519	5.329.623
Tiền gửi và tiền vay các TCTD khác	-	-	19.197.878	3.545.810	3.211.841	4.272.100	7.355	-	30.234.984
Tiền gửi của khách hàng	-	-	35.686.757	9.195.842	4.768.744	9.857.982	31.691	45.500	59.586.516
Vốn tài trợ uỷ thác đầu tư, cho vay mà TCTD chịu rủi ro	-	-	-	-	-	633	7.730	137.000	145.363
Phát hành giấy tờ có giá	-	-	2	-	-	-	2.295.000	-	2.295.002
Các khoản nợ khác	-	3.126.652	-	5.892	3.079	79.952	944	-	3.216.519
Tổng nợ phải trả	-	3.126.652	59.651.445	13.255.453	7.996.051	14.210.667	2.342.720	225.019	100.808.007
Mức chênh lệch cảm với lãi suất nội bảng	6.064.480	11.861.329	(20.468.402)	1.982.848	7.935.995	837.628	1.712.606	329.039	10.255.523
Các cam kết ngoại bảng có tác động tới mức độ nhạy cảm với Lãi suất của các Tài sản và công nợ (ròng)	-	5.101.908	-	-	-	-	-	-	5.101.908
Mức chênh lệch cảm với lãi suất nội, ngoại bảng	6.064.480	16.963.237	(20.468.402)	1.982.848	7.935.995	837.628	1.712.606	329.039	15.357.431

(*): không bao gồm dự phòng rủi ro

45.2. Rủi ro tiền tệ

Rủi ro tiền tệ là rủi ro mà giá trị của các công cụ tài chính bị thay đổi xuất phát từ những thay đổi về tỷ giá. Ngân hàng được thành lập và hoạt động tại Việt Nam với đồng tiền báo cáo là VNĐ. Trong khi đó cơ cấu tài sản – nguồn vốn của Ngân hàng bao gồm một phần bằng ngoại tệ (bao gồm USD, EUR, ...), do đó có thể phát sinh rủi ro tiền tệ.

Phân loại tài sản và công nợ theo loại tiền tệ đã được quy đổi sang VNĐ vào ngày 31 tháng 12 năm 2012 như sau:
Đơn vị: triệu đồng

Tài sản	EUR được quy đổi	USD được quy đổi	Các ngoại tệ khác được quy đổi	Tổng
Tiền mặt vàng bạc, đá quý	141.688	128.457	59.209	329.354
Tiền gửi tại NHNN	-	800.821	-	800.821
Tiền gửi tại và cho vay các TCTD khác (*)	698.538	10.994.138	47.116	11.739.792
Công cụ tài chính phái sinh và các tài sản tài chính khác (*)	179.712	-	-	179.712
Cho vay khách hàng (*)	2.028	6.046.003	8.374	6.056.405
Các tài sản Có khác (*)	1	27.772	7	27.780
Tổng tài sản	1.021.967	17.997.191	114.706	19.133.864
Nợ phải trả và vốn chủ sở hữu				
Tiền gửi của và vay từ NHNN và các TCTD khác	1.068.592	10.022.915	24.232	11.115.739
Tiền gửi của khách hàng	89.848	7.031.052	9.002	7.129.902
Các công cụ tài chính phái sinh và các khoản nợ tài chính khác	-	524.943	46.514	571.457
Các khoản nợ khác	329	43.187	2.963	46.479
Tổng nợ phải trả và vốn chủ sở hữu	1.158.769	17.622.097	82.711	18.863.577
Trạng thái tiền tệ nội bảng	(136.802)	375.094	31.995	270.287
Trạng thái tiền tệ ngoại bảng	55.084	(5.964)	3.121	52.241
Trạng thái tiền tệ nội, ngoại bảng	(81.718)	369.130	35.116	322.528

(*): không bao gồm dự phòng rủi ro

45.3. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Ngân hàng gặp khó khăn trong việc thực hiện những nghĩa vụ cho các công nợ tài chính. Rủi ro thanh khoản phát sinh khi Ngân hàng có thể không đủ khả năng thực hiện nghĩa vụ trả nợ khi những công nợ này đến hạn ở những thời điểm bình thường hoặc khó khăn. Để giảm thiểu rủi ro thanh khoản, Ngân hàng huy động từ nhiều nguồn đa dạng khác ngoài nguồn vốn cơ bản của Ngân hàng. Đồng thời, Ngân hàng có chính sách quản lý tài sản có tính thanh khoản linh hoạt, theo dõi dòng tiền tương lai và tính thanh khoản hàng ngày. Ngân hàng cũng đánh giá dòng tiền dự kiến và khả năng sẵn có của tài sản đảm bảo hiện tại trong trường hợp cần huy động thêm nguồn vốn

Thời gian đáo hạn của các tài sản và công nợ thể hiện thời gian còn lại của tài sản và công nợ tính từ ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 đến khi thanh toán theo quy định trong hợp đồng hoặc trong điều khoản phát hành.

Các giả định và điều kiện sau được áp dụng trong phân tích thời gian đến hạn của các tài sản và công nợ của Ngân hàng:

- ▶ Tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam được xếp loại tiền gửi thanh toán, trong đó bao gồm tiền gửi dự trữ bắt buộc. Số dư của tiền gửi dự trữ bắt buộc phụ thuộc vào thành phần và kỳ hạn của các khoản tiền gửi khách hàng của Ngân hàng.
- ▶ Thời gian đáo hạn của chứng khoán đầu tư được tính dựa trên ngày đáo hạn của từng loại chứng khoán.
- ▶ Thời gian đến hạn của các khoản tiền gửi và cho vay các TCTD và các khoản cho vay khách hàng được xác định dựa vào ngày đến hạn của hợp đồng quy định. Thời gian đến hạn thực tế có thể thay đổi do các kế ước cho vay được gia hạn.
- ▶ Thời gian đến hạn của các khoản đầu tư góp vốn mua cổ phần được coi là hơn một năm do các khoản đầu tư này không có thời gian đáo hạn xác định.
- ▶ Các khoản tiền gửi, tiền vay của các tổ chức tín dụng và các khoản tiền gửi của khách hàng được xác định dựa vào tính chất của các khoản này hoặc thời gian đáo hạn trên hợp đồng. Tài khoản Vostro và tiền gửi thanh toán được thực hiện giao dịch theo yêu cầu của khách hàng và do đó được xếp loại không kỳ hạn. Thời gian đáo hạn đối với các khoản vay và tiền gửi kỳ hạn được xác định dựa trên ngày đến hạn theo hợp đồng. Trong thực tế, các khoản này có thể được quay vòng và do đó duy trì trong thời gian dài hơn thời gian đáo hạn ban đầu.
- ▶ Thời gian đến hạn của tài sản cố định được xác định dựa vào thời gian sử dụng hữu ích còn lại của tài sản.

45.3. Rủi ro thanh khoản (tiếp theo)

Đơn vị: triệu đồng

	Quá hạn				Trong hạn				Tổng
	Trên 3 tháng	Đến 3 tháng	Đến 1 tháng	Từ 1 - 3 tháng	Từ 3 - 12 tháng		Trên 5 năm		
						tháng			
Tài sản									
Tiền mặt vàng bạc, đá quý	-	-	987.535	-	-	-	-	-	987.535
Tiền gửi tại NHNN	-	-	4.499.702	-	-	-	-	-	4.499.702
Tiền gửi tại và cho vay các TCTD khác (*)	90.000	-	14.197.543	6.443.696	8.171.293	15.491	121.793	29.039.816	
Chứng khoán kinh doanh (*)	-	-	93.201	-	-	-	-	93.201	
Các công cụ tài chính phái sinh và các tài sản tài chính khác	-	-	58.325	-	-	-	-	58.325	
Cho vay khách hàng (*)	1.225.545	867.913	1.758.641	2.839.452	9.561.996	6.869.955	5.820.128	28.943.630	
Chứng khoán đầu tư (*)	-	-	1.789.756	200.000	1.412.647	24.214.504	2.772.000	30.388.907	
Góp vốn, đầu tư dài hạn (*)	-	-	-	-	-	-	2.109.273	2.109.273	
Tài sản cố định và bất động sản đầu tư	-	-	-	-	-	-	1.924.635	1.924.635	
Tài sản Có khác (*)	117.665	846.689	9.511.672	204.302	2.290.742	47.436	-	13.018.506	
Tổng tài sản	1.433.210	1.714.602	32.896.375	9.687.450	21.436.678	31.147.386	12.747.829	111.063.530	
Nợ phải trả									
Tiền gửi và tiền vay từ Chính phủ và NHNN	-	-	4.766.808	483.700	-	-	79.115	5.329.623	
Tiền gửi và tiền vay các TCTD khác	-	-	19.083.720	2.914.747	7.005.435	1.231.082	-	30.234.984	
Tiền gửi của khách hàng	-	-	35.776.603	9.122.840	14.609.892	31.681	45.500	59.586.516	
Các công cụ tài chính phái sinh và các khoản nợ tài chính khác	-	-	-	-	-	-	-	-	
Vốn tài trợ, uỷ thác đầu tư, cho vay mà TCTD chịu rủi ro	-	-	-	-	633	7.730	137.000	145.363	
Phát hành giấy tờ có giá	-	-	2	-	325.000	1.970.000	-	2.295.002	
Các khoản nợ khác	-	-	1.550.512	5.892	1.632.356	27.759	-	3.216.519	
Tổng nợ phải trả	-	-	61.177.645	12.527.179	23.573.316	3.268.252	261.615	100.808.007	
Mức chênh lệch thanh khoản ròng	1.433.210	1.714.602	(28.281.270)	(2.839.729)	(2.136.638)	27.879.134	12.486.214	10.255.523	

(*): Không bao gồm dự phòng rủi ro

46. TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH

Ngày 6 tháng 11 năm 2009, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 210/2009/TT-BTC hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực Báo cáo Tài chính Quốc tế về trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính (“Thông tư 210”) có hiệu lực cho các năm tài chính bắt đầu từ hoặc sau ngày 1 tháng 1 năm 2011.

46.1 Giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính

Bảng sau trình bày giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính của Ngân hàng và công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2012:

Đơn vị: triệu đồng

Kinh doanh	Giá trị ghi sổ					Giá trị hợp lý				
	Giữ đến ngày đáo hạn	Cho vay/đi vay và phải thu/ phải trả		Sẵn sàng để bán	Tài sản và nợ khác hạch toán theo giá trị phân bổ		Tổng cộng giá trị ghi sổ	Giá trị hợp lý		
Tiền mặt, vàng bạc, đá quý	-	-	-	-	987.535	987.535	987.535	987.535		
Tiền gửi tại NHNN	-	-	-	-	4.499.702	4.499.702	4.499.702	4.499.702		
Tiền, vàng gửi tại các TCTD khác và cho vay các TCTD khác	-	11.084.589	-	-	7.425.043	29.039.816	(*)	(*)		
Chứng khoán kinh doanh	57.2700	-	-	-	-	57.270	57.270	57.270		
Công cụ tài chính phái sinh	-	-	-	-	58.325	58.325	(*)	(*)		
Cho vay khách hàng	-	28.943.630	-	-	-	28.943.630	(*)	(*)		
Chứng khoán sẵn sàng để bán	-	-	-	30.388.907	-	30.388.907	(*)	(*)		
Chứng khoán giữ đến ngày đáo hạn	-	-	-	-	-	-	-	-		
Tài sản tài chính khác	-	870	-	-	14.942.273	14.943.143	(*)	(*)		
Đầu tư dài hạn khác	-	-	-	-	2.109.273	2.109.273	(*)	(*)		
57.2700	10.531.054	40.028.219	30.388.907	30.022.151	111.027.601	(*)	(*)	(*)		
Các khoản nợ Chính phủ và NHNN	-	5.329.623	-	-	-	5.329.623	(*)	(*)		
Tiền gửi và vay các TCTD khác	-	12.619.065	-	-	7.533.238	30.234.984	(*)	(*)		
Tiền gửi của khách hàng	-	48.791.211	-	-	10.795.305	59.586.516	(*)	(*)		
Công cụ tài chính phái sinh	-	-	-	-	-	-	-	-		
Vốn tài trợ, ủy thác đầu tư mà TCTD chịu rủi ro	-	145.363	-	-	-	145.363	(*)	(*)		
Phát hành giấy tờ có giá	-	2.295.002	-	-	-	2.295.002	(*)	(*)		
Các khoản nợ tài chính khác	-	-	-	-	3.216.519	3.216.519	(*)	(*)		
-	61.168.894	18.094.051	-	-	21.545.062	100.808.007	(*)	(*)		

(*): Không áp dụng

47. CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY LẬP BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra kể từ ngày lập bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 yêu cầu phải có các điều chỉnh hoặc thuyết minh trong các báo cáo tài chính hợp nhất này.

48. TỶ GIÁ MỘT SỐ LOẠI NGOẠI TỆ VÀO THỜI ĐIỂM CUỐI KỲ KẾ TOÁN

	31/12/2012	31/12/2011
	VNĐ	VNĐ
USD	20.828	20.828
EUR	27.542	27.599
GBP	33.693	33.088
CHF	22.818	22.754
JPY	242	277
SGD	17.028	16.432
CAD	20.914	21.025
AUD	21.607	21.826

Ngân hàng sử dụng tỷ giá bình quân giữa giá mua và giá bán ngoại tệ chuyển khoản vào cuối ngày 31 tháng 12 năm 2012 để quy đổi các báo cáo tài chính hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 tại ngày và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày.



Hà Nội, Việt Nam
Ngày 20 tháng 03 năm 2013

MẠNG LƯỚI GIAO DỊCH



KHU VỰC HÀ NỘI

1) Sở Giao dịch Maritime Bank
Số 44 Nguyễn Du, Q. Hai Bà Trưng, HN
ĐT: (043) 943 3245 - Fax: (043) 942 0520

2) Maritime Bank Bà Triệu
Số 165 Bà Triệu, P. Lê Đại Hành, Q. Hai Bà Trưng, HN
ĐT: (043) 944 8050 - Fax: (043) 944 8051

3) Maritime Bank Hai Bà Trưng
Số 554 Trần Khát Chân, P. Phố Huế, Q. Hai Bà Trưng, HN
ĐT: (043) 9766 238 - Fax: (043) 9766 237

4) Maritime Bank Minh Khai
Số 244 Minh Khai, Q. Hai Bà Trưng, HN
ĐT: (043) 6249901/02/03 - Fax: (043) 6249897

5) Maritime Bank Nam Hà Nội
Số 168A Trần Đại Nghĩa, P. Bách Khoa, Q. Hai Bà Trưng, HN
ĐT: (043) 6285566 - Fax: (043) 6285637

6) Maritime Bank Lạc Trung
Số 102-104 Lạc Trung, P. Vĩnh Tuy, Q. Hai Bà Trưng, HN
ĐT: (043) 9878848

7) Maritime Bank Phố Huế
Số 181 Phố Huế, P. Phố Huế, Q. Hai Bà Trưng, HN
ĐT: (043) 9766161 - Fax: (043) 9766595

8) Maritime Bank Nguyễn Đình Chiểu
Số 29 Nguyễn Đình Chiểu, P. Lê Đại Hành, Q. Hai Bà Trưng, HN
ĐT: (043) 9785388

9) Maritime Bank Bách Khoa
Số 242 Lê Thanh Nghị, P. Đồng Tâm, Q. Hai Bà Trưng, HN
ĐT: (043) 628 5363 - Fax: (043) 628 5362

10) Maritime Bank Tràng Tiễn
Số 75B Đinh Tiên Hoàng, P. Tràng Tiễn, Q. Hoàn Kiếm, HN
ĐT: (043) 939 3807/ 938 8484 - Fax: (043) 939 3805

11) Maritime Bank Trần Nguyên Hãn
Số 5A Trần Nguyên Hãn, P. Lý Thái Tổ, Q. Hoàn Kiếm, HN
ĐT: (043) 936 8955 - Fax: (043) 936 8991

12) Maritime Bank Hoàn Kiếm
Số 21 Bát Sứ, P. Hàng Bồ, Q. Hoàn Kiếm, HN
ĐT: (043) 923 3363 - Fax: (043) 923 3364

13) Maritime Bank Hồ Gươm
Số 9 Đinh Tiên Hoàng, P. Hàng Bạc, Q. Hoàn Kiếm, HN
ĐT: (043) 926 3388 - Fax: (043) 926 3399

14) Maritime Bank Hàng Da
Số 30 Đường Thành, P. Cửa Đông, Q. Hoàn Kiếm, HN
ĐT: (043) 938 1070 - Fax: (043) 938 1071

15) Maritime Bank Hà Nội
Số 71 Hai Bà Trưng, Q. Hoàn Kiếm, HN
ĐT: (043) 942 8340 - Fax: (043) 943 6477

16) Maritime Bank Phan Chu Trinh
Số 39 Phan Chu Trinh, P. Phan Chu Trinh, Q. Hoàn Kiếm, HN
ĐT: (043) 933 2299 - Fax: (043) 933 5182

17) Maritime Bank Đồng Xuân
Số 22 Trần Nhật Duật, P. Đồng Xuân, Q. Hoàn Kiếm, HN
ĐT: (043) 929 0515 - Fax: (043) 929 6556

18) Maritime Bank Lý Thường Kiệt
Số 4 Lý Thường Kiệt, P. Phan Chu Trinh, Q. Hoàn Kiếm, HN
ĐT: (043) 933 6699 - Fax: (043) 933 6101

19) Maritime Bank Đồng Đa
Số 47A Huỳnh Thúc Kháng, Q. Đống Đa, HN
ĐT: (043) 773 5461 - Fax: (043) 773 5459

20) Maritime Bank Kim Liên
Số 25-27 Xã Đàn, P. Phương Liên, Q. Đống Đa, HN
ĐT: (043) 573 7655 - Fax: (043) 573 7658

21) Maritime Bank Ô Chợ Dừa
TT thương mại OCD, số 29 Đề La Thành, Q. Đống Đa, HN
ĐT: (043) 513 2452 - Fax: (043) 513 2453

22) Maritime Bank Đồng Đô
Số 07 Chùa Bộc, P. Quang Trung, Q. Đống Đa, HN
ĐT: (043) 574 6396 - Fax: (043) 574 6397

23) Maritime Bank Láng Hạ
Tầng 1, Tháp A, Tòa nhà Sky City Tower, 88 Láng Hạ, P. Láng Hạ, Q. Đống Đa, HN
ĐT: (043) 2484202/201 - Fax: (043) 2484200

24) Maritime Bank Nguyễn Chí Thanh
Số 95 Nguyễn Chí Thanh, P. Láng Hạ, Q. Đống Đa, HN
ĐT: (043) 7739533 - Fax: (043) 7739536

25) Maritime Bank Khâm Thiên
Số 195 Khâm Thiên, Q. Đống Đa, HN
ĐT: (043) 5134609/11/12 - Fax: (043) 513 4610

26) Maritime Bank Trần Quang Diệu
Số 49-51 Trần Quang Diệu, Tổ 102, P. Ô Chợ Dừa, Q. Đống Đa, HN
ĐT: (043) 5380994/3 - Fax: (043) 5380995

27) Maritime Bank Thái Thịnh
Số 110 Thái Thịnh, Q. Đống Đa, HN
ĐT: (043) 538 1018 - Fax: (043) 538 1015

28) Maritime Bank Hoàng Hoa Thám
Số 628 Hoàng Hoa Thám, P. Bưởi, Q. Ba Đình, HN
ĐT: (043) 7617684 - Fax: (043) 7617683

29) Maritime Bank Kim Mã
Số 517 Kim Mã, P. Ngọc Khánh, Q. Ba Đình, HN
ĐT: (043) 7711 620 - Fax: (043) 7711 619

30) Maritime Bank Đội Cấn
Số 101 Văn Cao, P. Liễu Giai, Q. Ba Đình, HN
ĐT: (043) 762 2174 - Fax: (043) 762 2175

31) Maritime Bank Phan Đình Phùng
Số 39B Phan Đình Phùng, P. Quán Thánh, Q. Ba Đình, HN
ĐT: (043) 734 5599 - Fax: (043) 734 7928

32) Maritime Bank Ba Đình
Số 142 Đội Cấn, P. Đội Cấn, Q. Ba Đình, HN
ĐT: (043) 7226876 - Fax: (043) 7226879

33) Maritime Bank Quán Thánh
Số 69 Quán Thánh, P. Quán Thánh, Q. Ba Đình, HN
ĐT: (04) 627 333 85 - Fax: (04) 627 333 86

34) Maritime Bank Giang Văn Minh
Số 73 Giang Văn Minh, P. Đội Cấn, Q. Ba Đình, HN
ĐT: (043) 7228062 - Fax: (043) 7228063

35) Maritime Bank Đào Tấn
Số 53 Đào Tấn, P. Ngọc Khánh, Q. Ba Đình, HN
ĐT: (043) 7606 085 - Fax: (043) 7606 084

36) Maritime Bank Thanh Xuân
Tầng 1 Nhà A, 190 Nguyễn Tuân, P. Nhân Chính, Q. Thanh Xuân, HN
ĐT: (043) 5577979 - Fax: (043) 557 4033

37) Maritime Bank Thanh Xuân Nam
Số 19 Nguyễn Trãi, P. Khương Trung, Q. Thanh Xuân, HN
ĐT: (043) 568 2098 - Fax: (043) 568 2118

38) Maritime Bank Phương Liệt
Số 3D Trường Chinh, P. Phương Liệt, Q. Thanh Xuân, HN
ĐT: (046) 278 2365 - Fax: (043) 869 1609

39) Maritime Bank Khương Mai
Số 151 Nguyễn Ngọc Nại, P. Khương Mai, Q. Thanh Xuân, HN
ĐT: (043) 566 7318 - Fax: (043) 566 7320

40) Maritime Bank Trần Duy Hưng
Số 170 Trần Duy Hưng, P. Trung Hòa, Q. Cầu Giấy, HN
ĐT: (043) 7835212/14/15 - Fax: (043) 7835205

41) Maritime Bank Cầu Giấy
Số 35 - 37 Trần Thái Tông, P. Dịch Vọng Hậu, Q. Cầu Giấy, HN
ĐT: (043) 7958200 - Fax: (043) 37951821

42) Maritime Bank Trảng An
Số 253 Cầu Giấy, Q. Cầu Giấy, HN
ĐT: (043) 767 5229 - Fax: (043) 767 5231

43) Maritime Bank Trung Yên
144 Trung Hoà, Q. Cầu Giấy, HN
ĐT: (043) 786 8178 - Fax: (043) 786 8176

44) Maritime Bank Quan Hoa
Lô B1-DN14, Nguyễn Khánh Toàn, P. Quan Hoa, Q. Cầu Giấy, HN
ĐT: (043) 833 6969 - Fax: (043) 833 8989

45) Maritime Bank Hoàng Quốc Việt
Số 65 Hoàng Quốc Việt, P. Nghĩa Đô, Q. Cầu Giấy, HN
ĐT: (043) 791 6686 - Fax: (043) 791 6667

46) Maritime Bank Hồ Tây
Số 39T Yên Phụ, P. Yên Phụ, Q. Tây Hồ, HN
ĐT: (043) 715 2940 - Fax: (043) 715 2943

47) Maritime Bank Thăng Long
Số 668 Lạc Long Quân, P. Nhật Tân, Q. Tây Hồ, HN
ĐT: (043) 718 4466 - Fax: (043) 718 4445

48) Maritime Bank Hà Thành
Số 38 Đường Xuân La, tổ 34, cụm 5, Q. Tây Hồ, HN
ĐT: (043) 938 7037/8 - Fax: (043) 938 7036

49) Maritime Bank Bắc Linh Đàm
Số 9A, M3TT6 Bắc Linh Đàm, KĐT mới Linh Đàm, Q. Hoàng Mai, HN
ĐT: (043) 540 0550 - Fax: (043) 540 0551

50) Maritime Bank Định Công
Số 3 dây A, Lô 5, KĐT Định Công, Q. Hoàng Mai, HN
ĐT: (043) 640 4910 - Fax: (043) 640 4913

51) Maritime Bank Kim Đồng
Số 49 Kim Đồng, P. Giáp Bát, Q. Hoàng Mai, HN
ĐT: (043) 668 6024 - Fax: (043) 668 6023

52) Maritime Bank Hoàng Mai
Số 68 Đường Hồ Diệu Hoà, Đền Lừ 2, Q. Hoàng Mai, HN
ĐT: (043) 621 0042 - Fax: (043) 621 0043

53) Maritime Bank Hoàng Liệt
Số 02, Tầng 1, Chung cư Nhà N6A, Khu bán đảo Linh Đàm, P. Hoàng Liệt, Q. Hoàng Mai, HN
ĐT: (043) 6417644/3 - Fax: (043) 6417645

54) Maritime Bank Long Biên
Số 550 Nguyễn Văn Cừ, Q. Long Biên, HN
ĐT: (043) 873 6173 - Fax: (043) 873 6171

55) Maritime Bank Chương Dương
Số 217 Nguyễn Văn Cừ, Q. Long Biên, HN
ĐT: (043) 873 6881 - Fax: (043) 873 6880

56) Maritime Bank Đức Giang
Số 152 Ngô Gia Tự, P. Đức Giang, Q. Long Biên, HN
ĐT: (043) 6524 180 - Fax: (043) 6524 181

57) Maritime Bank Việt Hưng
Số 106 - 108, K11 Khu đô thị Việt Hưng, Q. Long Biên, HN
ĐT: (043) 657 4415 - Fax: (043) 657 4414

58) Maritime Bank Yên Viên
Số 227 Đường Hà Huy Tập, TT. Yên Viên, H. Gia Lâm, HN
ĐT: (043) 6983 372 - Fax: (043) 6983 371

59) Maritime Bank Bát Tràng
Số 128 Đường Giang Cao, Xã Bát Tràng, H. Gia Lâm, HN
ĐT: (043) 671 5176 - Fax: (043) 671 5171

60) Maritime Bank Gia Lâm
Số 12, Đường Ngô Xuân Quảng, TT. Trâu Quỳ, H. Gia Lâm, HN
ĐT: (043) 8760428 - Fax: (043) 8760438

61) Maritime Bank Từ Liêm
N1H, Nhà số 1 dự án nhà ở để bán, xã Mỹ Đình, Từ Liêm (phía sau bến xe Mỹ Đình), HN
ĐT: (04) 6287 3766 - Fax: (04) 6287 3764

62) Maritime Bank Cầu Diễn
Số 253 Hồ Tùng Mậu, TT Cầu Diễn, H. Từ Liêm, HN
ĐT: (043) 763 2432 - Fax: (043) 763 2430

63) Maritime Bank Mỹ Đình
Số 1, toà nhà B5, Khu đô thị Mỹ Đình I, Đường Nguyễn Cơ Thạch, H. Từ Liêm, HN
ĐT: (04) 6287 2943 - Fax: (04) 6287 2946

64) Maritime Bank Sông Đà
Số 5, CT4, Khu đô thị Mỹ Đình, H. Từ Liêm, HN
ĐT: (043) 787 8253 - Fax: (043) 787 8254

65) Maritime Bank Trung Văn
Số 302 Đường Nguyễn Trãi, xã Trung Văn, H. Từ Liêm, HN
ĐT: (043) 5544 928 - Fax: (043) 5544 924

66) Maritime Bank Đông Anh
Tổ 4 Bưu điện TT5, TT. Đông Anh, Huyện Đông Anh, HN
ĐT: (043) 9656138 - Fax: (043) 9656141

67) Maritime Bank Nội Bài
C104 khu C, sảnh tầng 1, nhà Ga T1, cảng Hàng không Quốc tế Nội Bài, H. Sóc Sơn, HN
ĐT: (043) 8866850 - Fax: (043) 8866872

68) Maritime Bank Vạn Xuân
Bưu điện Hà Đông, Số 4 Đường Quang Trung, P. Quang Trung, Q. Hà Đông, HN
ĐT: (043) 3554945 - Fax: (043) 3554944

69) Maritime Bank Xa La
Số 6 Biệt thự số 8 KĐT M Xa La, P. Phúc La, Q. Hà Đông, HN
ĐT: (043) 3115899 - Fax: (043) 3115897

70) Maritime Bank Văn Quán
Số 60 Nguyễn Khuyến, KĐT mới Văn Quán, Q. Hà Đông, HN
ĐT: (043) 3541688 - Fax: (043) 3541533

71) Maritime Bank Văn Khê
Căn hộ số 102, Tầng 1 và 2 CT2, Khu nhà ở Văn Khê, Q. Hà Đông, HN
ĐT: (04) 63251724 / 63268333 - Fax: (04) 63251723

72) Maritime Bank Sơn Tây
Siêu thị Thành Sơn, Số 99 Phạm Ngũ Lão, P. Lê Lợi, TX Sơn Tây, HN
ĐT: (043) 3618456 /57/58 - Fax: (043) 3618455

KHU VỰC THÁI NGUYÊN

73) Maritime Bank Thái Nguyên
Toà nhà Newday, số 182-184 đường Lương Ngọc Quyến, TP. Thái Nguyên
ĐT: (0280) 3652 688 - Fax: (0280) 3652 626

74) Maritime Bank Hương Sơn
Số 381 đường Cách mạng Tháng Tám, TP. Thái Nguyên
ĐT: (0280) 3735 992 - Fax: (0280) 3735 994

75) Maritime Bank Bắc Nam
Số 675 Đường Lương Ngọc Quyến, P. Phan Đình Phùng, TP. Thái Nguyên
ĐT: (0280) 3853 662 - Fax: (0280) 3652 662

KHU VỰC VINH PHÚC

76) Maritime Bank Vĩnh Phúc
Số 371 Đường Mê Linh, P. Khai Quang, TP. Vĩnh Yên, Vĩnh Phúc
ĐT: (02113) 710 899 - Fax: (02113) 710 999

77) Maritime Bank Vĩnh Yên
Số 2 Ngô Quyền, P. Ngô Quyền, TP. Vĩnh Yên, Vĩnh Phúc
ĐT: (02113) 716655 - Fax: (02113) 716664

78) Maritime Bank Phúc Yên
Số 23 Đường Trần Hưng Đạo, TX. Phúc Yên, Vĩnh Phúc
ĐT: (02113) 511 966 - Fax: (02113) 511 955
79) Maritime Bank Thổ Tang
Khu Bắc Cường, TT. Thổ Tang, H. Vĩnh Cường, Vĩnh Phúc
ĐT: (02113) 779 922 - Fax: (02113) 779 911

KHU VỰC PHÚ THỌ

80) Maritime Bank Phú Thọ
Số 2183 Đại lộ Hùng Vương, P. Gia Cẩm, TP. Việt Trì, Phú Thọ
ĐT: (02103) 818 222 - Fax: (02103) 818 123

81) Maritime Bank Tiên Cát
Số 1347 Đại lộ Hùng Vương, P. Tiên Cát, TP. Việt Trì, Phú Thọ
ĐT: (02103) 993868 - Fax: (02103) 993989

82) Maritime Bank Lâm Thao
Số 304 Khu 6, TT. Hùng Sơn, H. Lâm Thao, Phú Thọ
ĐT: (02103) 786 456 - Fax: (02103) 738 389

KHU VỰC BẮC NINH

83) Maritime Bank Bắc Ninh
Số 274, 276 Ngô Gia Tự, P. Tiễn An, TP. Bắc Ninh
ĐT: (0241) 389 3232 - Fax: (0241) 389 3434

84) Maritime Bank Từ Sơn
Số 276 Trần Phú, P. Đông Ngàn, TX. Từ Sơn, Bắc Ninh
ĐT: (0241) 374 3858 - Fax: (0241) 374 3858

85) Maritime Bank Quế Võ
Bưu điện H. Quế Võ, Ngã tư Trung tâm TT. Phố Mới, H. Quế Võ, Bắc Ninh
ĐT: (0241) 386 4636 - Fax: (0241) 386 4515

KHU VỰC BẮC GIANG

86) Maritime Bank Bắc Giang
Toà nhà Bưu điện, Số 151 Hùng Vương, P. Hoàng Văn Thụ, TP. Bắc Giang, Tỉnh Bắc Giang
ĐT: (0240) 3898 666 - Fax: (0240) 3898 000

KHU VỰC QUẢNG NINH

87) Maritime Bank Quảng Ninh
Số 168 Lê Thánh Tông, P. Bạch Đằng, TP. Hạ Long, Quảng Ninh
ĐT: (0333) 826 174 - Fax: (0333) 826 176

88) Maritime Bank Hồng Hải
Toà nhà City Complex, Tổ 4, Khu 10, P. Hồng Hải, TP. Hạ Long, Quảng Ninh
ĐT: (0333) 518 510 - Fax: (0333) 518 513

89) Maritime Bank Cao Xanh
Số 393 Cao Xanh, TP Hạ Long, Quảng Ninh
ĐT: (0333) 619 766 - Fax: (0333) 619 768

90) Maritime Bank Bãi Cháy
Tổ 5, Khu 9A, P. Bãi Cháy, TP. Hạ Long, Quảng Ninh
ĐT: (0333) 640 401 - Fax: (0333) 640 405

91) Maritime Bank Giếng Đáy
Số nhà 194, tổ 1, khu 3B, P. Giếng Đáy, TP. Hạ Long, Quảng Ninh
ĐT: (0333) 525 628 - Fax: (0333) 525 627

92) Maritime Bank Vườn Đào
Khách sạn Hồng Gai, Đường Hạ Long, P. Bãi Cháy, TP. Hạ Long, Quảng Ninh
ĐT: (0333) 515 626 - Fax: (0333) 515 627

93) Maritime Bank Cẩm Phả
Số 158 Trần Phú, P. Cẩm Tây, TX. Cẩm Phả, Quảng Ninh
ĐT: (0333) 938 999 - Fax: (0333) 936 127

94) Maritime Bank Cửa Ông
Số 432 Lý Thường Kiệt, P. Cửa Ông, TX. Cẩm Phả, Quảng Ninh
ĐT: (0333) 950 599 - Fax: (0333) 950 566

95) Maritime Bank Vân Đồn
Khu 7, TT. Cái Rồng, H. Vân Đồn, Quảng Ninh
ĐT: (0333) 968600 - Fax: (0333) 968500

96) Maritime Bank Móng Cái
Tầng 1, TTTM Móng Cái Plaza, số 1 Trần Phú, P. Trần Phú, TP Móng Cái, Quảng Ninh
ĐT: (0333) 785686 - Fax: (0333) 785 689

97) Maritime Bank Uông Bí
Số 288 Đường Quang Trung, P. Quang Trung, TX. Uông Bí, Quảng Ninh
ĐT: (0333) 566 188 - Fax: (0333) 566 187

KHU VỰC HẢI DƯƠNG

98) Maritime Bank Hải Dương
Toà nhà Bưu điện Tỉnh Hải Dương, Số 1 Đại lộ Hồ Chí Minh, P. Nguyễn Trãi, TP. Hải Dương
ĐT: (0320) 3852 222 - Fax: (0320) 3834 567

99) Maritime Bank Chí Linh
Toà nhà Bưu điện H. Chí Linh, 233 Phố Nguyễn Trãi 2, TT. Sao đỏ, H. Chí Linh, Hải Dương
ĐT: (0320) 3586 588 - Fax: (0320) 3586 587

100) Maritime Bank Gia Lộc
Bưu điện Trung tâm, TT. Gia Lộc, H. Gia Lộc, Hải Dương
ĐT: (0320) 3514 999 - Fax: (0320) 3514 966

101) Maritime Bank Hải Tân
Số 677 Đại lộ Lê Thanh Nghị, P. Hải Tân, TP. Hải Dương, Hải Dương
ĐT: (0320) 3865 222 - Fax: (0320) 3865 678

102) Maritime Bank Ninh Giang
Số 101 Đường Trần Hưng Đạo, TT. Ninh Giang, H. Ninh Giang, Hải Dương
ĐT: (0320) 3662 555 - Fax: (0320) 3662 468

KHU VỰC HẢI PHÒNG

103) Maritime Bank Hải Phòng
Số 9 Nguyễn Tri Phương, Q. Hồng Bàng, Hải Phòng
ĐT: (0313) 823 076 - Fax: (0313) 823 607

104) Maritime Bank Hồng Bàng
Số 27C Điện Biên Phủ, Q. Hồng Bàng, Hải Phòng
ĐT: (0313) 746 366 - Fax: (0313) 746 479

105) Maritime Bank Phan Bội Châu
Số 60 Phan Bội Châu, Q. Hồng Bàng, Hải Phòng
ĐT: (0313) 822 509 - Fax: (0313) 696 997

106) Maritime Bank Quán Toan
Số 541B Quán Toan, P. Quán Toan, Q. Hồng Bàng, Hải Phòng
ĐT: (0313) 282 855 - Fax: (0313) 282 889

107) Maritime Bank An Dương
Số 234 Trần Nguyên Hân, P. Trần Nguyên Hân, Q. Lê Chân, Hải Phòng
ĐT: (0313) 789 866 - Fax: (0313) 789 816

108) Maritime Bank Lê Chân
Số 341 Tô Hiệu, P. Hồ Nam, Q. Lê Chân, Hải Phòng
ĐT: (0313) 956 376 - Fax: (0313) 956 677

109) Maritime Bank An Biên
Số 76 Phố Hai Bà Trưng, P. An Biên, Q. Lê Chân, Hải Phòng
ĐT: (0313) 631 866/631 886 - Fax: (0313) 631 826

110) Maritime Bank Ngô Quyền
Số 282 Đường Đà Nẵng, P. Vạn Mỹ, Q. Ngô Quyền, Hải Phòng
ĐT: (0313) 567 882 - Fax: (0313) 567 863

111) Maritime Bank Lạch Tray
Số 215 Lạch Tray, P. Đằng Giang, Q. Ngô Quyền, Hải Phòng
ĐT: (0313) 653 184 - Fax: (0313) 653 183

112) Maritime Bank Văn Cao
Số 194 Văn Cao, P. Đằng Giang, Q. Ngô Quyền, Hải Phòng
ĐT: (0313) 260 866/89 - Fax: (0313) 261 310

KHU VỰC THÁI BÌNH

113) Maritime Bank Thái Bình
Số 17A Lê Lợi, P. Lê Hồng Phong, TP. Thái Bình
ĐT: (036) 3644 999 - Fax: (036) 3849 686

114) Maritime Bank Lê Quý Đôn
Số 233 Phố Lê Quý Đôn, P. Bồ Xuyên, TP. Thái Bình
ĐT: (036) 3836 666 - Fax: (036) 3832 989

115) Maritime Bank Nguyễn Huệ
Số 07 Quang Trung, P. Quang Trung, TP. Thái Bình
ĐT: (036) 3648 379 - Fax: (036) 3648 479

116) Maritime Bank Quỳnh Phụ
Khu 1B, TT. Quỳnh Côi, H. Quỳnh Phụ, Tỉnh Thái Bình
ĐT: (036) 3926 778 - Fax: (036) 3926 779

KHU VỰC HÀ NAM

117) Maritime Bank Hà Nam
Số 104 Trần Phú, P. Quang Trung, TP. Phủ Lý, Hà Nam
ĐT: (03513) 828 080 - Fax: (03513) 828 181

118) Maritime Bank Phủ Lý
Số 106 Nguyễn Văn Trỗi, P. Minh Khai, TP. Phủ Lý, Hà Nam
ĐT: (03513) 828 484

119) Maritime Bank Đồng Văn
Số 176 Phố Nguyễn Hữu Tiến, TT. Đồng Văn, H. Duy Tiên, Hà Nam
ĐT: (03513) 583 616

KHU VỰC NAM ĐỊNH

120) Maritime Bank Nam Định
Số 272 Trần Hưng Đạo, P. Bà Triệu, TP. Nam Định
ĐT: (03503) 832 333 - Fax: (03503) 832 969

121) Maritime Bank Nghĩa Hưng
Số 32K2, TT. Liễu Đề, H. Nghĩa Hưng, Nam Định
ĐT: (03503) 713 816 - Fax: (03503) 716 818

122) Maritime Bank Hải Hậu
Khu phố 1, TT Yên Định, H. Hải Hậu, Nam Định
ĐT: (03503) 775 776 - Fax: (03503) 775 776

123) Maritime Bank Vụ Bản
Số 66 Đường Non Côi, TT. Gôi, H. Vụ Bản, Nam Định
ĐT: (03503) 989 990 - Fax: (03503) 989 991

124) Maritime Bank Hòa Vượng
Số 116 Đường Giải phóng kéo dài, KĐT Hòa Vượng, P. Cửa Bắc, TP Nam Định
ĐT: (03503) 558558 - Fax: (03503) 558559

KHU VỰC NINH BÌNH

125) Maritime Bank Ninh Bình
Số 06 Lê Đại Hành, P. Thanh Bình, TP. Ninh Bình
ĐT: (0303) 899 130 - Fax: (0303) 899 131

KHU VỰC THANH HOÁ

126) Maritime Bank Thanh Hóa
Lô 02-03 Khu nhà liền kề Phan Chu Trinh, P. Điện Biên, TP. Thanh Hoá
ĐT: (0373) 728 555 - Fax: (0373) 727 828

127) Maritime Bank Bim Sơn
Số 17 Đường Nguyễn Huệ, Khu phố 1, P. Ngọc Trạo, TX Bim Sơn, TP. Thanh Hóa
ĐT: (0373) 779 888 - Fax: (0373) 779 789

128) Maritime Bank Nam Thành
Số 217 Quang Trung, P. Đông Vệ, TP Thanh Hóa
ĐT: (0373) 728 909 - Fax: (0373) 728 919

129) Maritime Bank Trường Thi
Số 239 Đường Trường Thi, P. Điện Biên, TP Thanh Hóa
ĐT: (0373) 719 757 - Fax: (0373) 719 756

KHU VỰC NGHỆ AN

130) Maritime Bank Nghệ An
Tòa nhà Bưu điện tỉnh Nghệ An, Số 2 Nguyễn Thị Minh Khai, P. Hưng Bình, TP. Vinh, Nghệ An
ĐT: (038) 860 1111 - Fax: (038) 860 0567

131) Maritime Bank Bến Thủy
Số 199 Lê Duẩn, P Trung Đô, TP Vinh, Nghệ An
ĐT: (038) 355 9898 - Fax: (038) 355 9798

132) Maritime Bank Thành Vinh
10/14 Tòa nhà Tecco, Đường Quang Trung, TP Vinh, Nghệ An
ĐT: (038) 860 9699 - Fax: (038) 860 8799

133) Maritime Bank Hưng Bình
Số 311-313, Đường Nguyễn Văn Cừ, TP Vinh, Nghệ An
ĐT: (038) 8699 111 - Fax: (038) 8699 199

KHU VỰC HÀ TĨNH

134) Maritime Bank Hà Tĩnh
Tòa nhà Bưu Điện tỉnh Hà Tĩnh, Số 06, Đường Trần Phú, P. Bắc Hà, TP. Hà Tĩnh, Tỉnh Hà Tĩnh
ĐT: (0393) 777858 - Fax: (0393) 777848

KHU VỰC QUẢNG BÌNH

135) Maritime Bank Quảng Bình
Số 46 Đường Lý Thường Kiệt, P. Đồng Phú, TP. Đồng Hới, Tỉnh Quảng Bình
ĐT: (0523) 855 789 - Fax: (0523) 816 668

KHU VỰC HUẾ

136) Maritime Bank Huế
14B Lý Thường Kiệt, P. Vĩnh Ninh, TP. Huế
ĐT: (0543) 981 111 - Fax: (0543) 938 109

KHU VỰC ĐÀ NẴNG

137) Maritime Bank Đà Nẵng
Số 15 Lê Duẩn, Q. Hải Châu, TP. Đà Nẵng
ĐT: (05113) 825 019 - Fax: (05113) 825 014

138) Maritime Bank Cẩm Lệ
Số 01N Núi Thành, Q. Hải Châu, TP. Đà Nẵng
ĐT: (05113) 553 995 - Fax: (05113) 553 997

139) Maritime Bank Hoàng Diệu
Số 317 Hoàng Diệu, Q. Hải Châu, TP. Đà Nẵng
ĐT: (05113) 584 995 - Fax: (05113) 584 994

140) Maritime Bank Hải Châu
Số 128 Phan Châu Trinh, P. Phước Ninh, Q. Hải Châu, TP. Đà Nẵng
ĐT: (05113) 565 996 - Fax: (05113) 565 995

141) Maritime Bank Thanh Khê
Số 354 Đường Hùng Vương, P. Vĩnh Trung, Q. Thanh Khê, TP. Đà Nẵng
ĐT: (05113) 666 111 - Fax: (05113) 666 110

142) Maritime Bank Hoà Khánh
224 Điện Biên Phủ, Q. Thanh Khê, TP. Đà Nẵng
ĐT: (05113) 736 556 - Fax: (05113) 736 889

KHU VỰC QUẢNG NAM

143) Maritime Bank Quảng Nam
Toà nhà Bưu điện, Số 1 Trần Phú, TP. Tam Kỳ, Tỉnh Quảng Nam
ĐT: (05103) 833344 / 833633 - Fax: (05103) 833399

KHU VỰC BÌNH ĐỊNH

144) Maritime Bank Bình Định
Số 2 Trần Thị Kỳ, TP. Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định
ĐT: (0563) 523389/523058 - Fax: (0563) 523489

KHU VỰC ĐẮC LẮC

145) Maritime Bank Đắc Lắc
Tòa nhà Bưu Điện tỉnh, Số 1 Đường Nơ Trang Long, P. Tân Tiến, TP. Buôn Mê Thuột, Tỉnh Đắc Lắc
ĐT: (05003) 847 444 - Fax: (05003) 847 222

146) Maritime Bank Ngô Quyền
Số 105 Ngô Quyền, P. Tân Lợi, TP. Buôn Mê Thuột, Tỉnh Đắc Lắc
ĐT: (05003) 678 679 - Fax: (05003) 657 789

147) Maritime Bank Buôn Hồ
Số 156 Hùng Vương, An Bình, Buôn Hồ, Tỉnh Đắc Lắc
ĐT: (05003) 657 999 - Fax: (05003) 657 998

KHU VỰC PHÚ YÊN

148) Maritime Bank Phú Yên
Số 206A Trần Hưng Đạo, P. 4, TP. Tuy Hòa, Tỉnh Phú Yên
ĐT: (0573) 896879 - Fax: (0573) 827567

KHU VỰC KHÁNH HOÀ

149) Maritime Bank Vĩnh Nguyên
Số 212 Dã Tượng, P. Vĩnh Nguyên, TP. Nha Trang
ĐT: (0583) 889 363 / 9 - Fax: (0583) 889 361

150) Maritime Bank Nha Trang
Số 51 Lê Thành Phương, P. Phương Sài, TP. Nha Trang

ĐT: (0583) 560 585 / 6 - Fax: (0583) 560 585

151) Maritime Bank Khánh Hòa
Số 76A Quang Trung, P. Lộc Thọ, TP Nha Trang
ĐT: (0583) 526161 - Fax: (0583) 525 155

152) Maritime Bank Vĩnh Phước
Số 36KA Đường 2/4, P. Vĩnh Thọ, TP. Nha Trang
ĐT: (0583) 545 555 / 6 - Fax: (0583) 545 557

153) Maritime Bank Cam Ranh
Số 1 Đại lộ Hùng Vương, P. Cam Lộc, TP. Cam Ranh
ĐT: (0583) 955 068 / 79 - Fax: (0583) 955959

KHU VỰC LÂM ĐỒNG

154) Maritime Bank Lâm Đồng
Số 104 Phan Đình Phùng, P.2, TP. Đà Lạt, Lâm Đồng
ĐT: (0633) 582 888/999 - Fax: (0633) 582 666

KHU VỰC TP. HỒ CHÍ MINH

155) Maritime Bank Hồ Chí Minh
Số 180-192 Nguyễn Công Trứ, P. Nguyễn Thái Bình, Q. 1, TP. HCM
HCM
ĐT: (083) 8222177 - 5214260

156) Maritime Bank Bến Nghé
Số 26, 28 Hai Bà Trưng, P. Bến Nghé, Q. 1, TP. HCM
ĐT: (083) 8226836 / 5218757 - Fax: (08)3 822 5094

157) Maritime Bank Yoko
Số 41 Nguyễn Thị Minh Khai, P. Bến Nghé, Q. 1, TP. HCM
ĐT: (083) 8238839 - Fax: (083) 8238840

158) Maritime Bank Quận 2
Số 218 Đường Trần Nãi, P. Bình An, Q.2, TP. HCM
ĐT: (083) 740 2477 - Fax: (083) 740 2478

159) Maritime Bank Đô Thành
Số 169 - 171 Cách mạng Tháng Tám, P.5, Q.3, TP. HCM
ĐT: (083) 929 1770 (ext 104) / (083) 929 1773 - Fax: (083) 929 1767

160) Maritime Bank Bàn Cờ
Số 518 Nguyễn Thị Minh Khai, P.2, Q.3, TP.HCM
ĐT: (083) 938 2279 - Fax: (083) 938 2280

161) Maritime Bank Khánh Hội
Số 159 Khánh Hội, P. 3, Q. 4, TP. HCM
ĐT: (083) 941 4387 - (083) 940 7602

162) Maritime Bank Trần Hưng Đạo
Số 536 Trần Hưng Đạo, P. 2, Q.5, TP. HCM
ĐT: (083) 924 4073 - Fax: (083) 838 0515

163) Maritime Bank Trần Phú
Số 345-347 Trần Phú, P.8, Q.5, TP.HCM
ĐT: (083) 923 3325 - Fax: (083) 9239578

164) Maritime Bank Tân Thành
Số 397-399 Nguyễn Chí Thanh, P. 15, Q. 5, TP. HCM
ĐT: (083) 955 7976

165) Maritime Bank Quận 5
Số 238 Hải Thượng Lãn Ông, Q.5, TP. HCM
ĐT: (083) 859 0178 - Fax: (083) 859 0177

166) Maritime Bank Quận 6
Số 51-53 Nguyễn Thị Nhỏ, P. 2, Q. 6, TP. HCM
ĐT: (083) 956 0678 - Fax: (083) 955 9655

167) Maritime Bank Quận 7
Số 561A Nguyễn Thị Thập, P. Tân Phong, Q. 7, TP. HCM
ĐT: (083) 775 3079 / 775 3091 - Fax: (083) 775 3097

168) Maritime Bank Mỹ Toàn
Tầng 1 và 2, D204 - D205, Lô R19 - 1, Khu phố Mỹ Toàn 3, P. Tân Phong, Q. 7, TP. HCM
ĐT: (08) 54105955 - Fax: (08) 54105958

169) Maritime Bank Tân Thuận
Số 412 Đường Huỳnh Tấn Phát, P. Bình Thuận, Q. 7, TP. HCM
ĐT: (083) 773 4922 - Fax: (083) 773 4921

170) Maritime Bank Quận 9
Số 94 Lê Văn Việt, P. Hiệp Phú, Q.9, TP. HCM
ĐT: (083) 730 6617 - Fax: (083) 730 6618

171) Maritime Bank Nguyễn Tri Phương
Số 345 Nguyễn Tri Phương, P. 5, Q. 10, TP. HCM
ĐT: (083) 957 4553 - Fax: (083) 957 4552

172) Maritime Bank Tân Bình
Số 407 Tô Hiến Thành, P. 13, Q. 10, TP. HCM
ĐT: (083) 868 8028 - Fax: (083) 868 8029

173) Maritime Bank Sài Gòn
Số 575 Sư Vạn Hạnh, P. 13, Q. 10, TP. HCM.
ĐT: (083) 927 3022 - Fax: (083) 834 5696

174) Maritime Bank Lê Đại Hành
Số 457C Lê Đại Hành, P. 11, Q.11, TP. HCM
ĐT: (083) 9625934/6 - Fax: (083) 9625932

175) Maritime Bank Minh Phụng
Số 295-297 Minh Phụng, P. 2, Q. 11, TP. HCM
ĐT: (083) 969 9631/4 - Fax: (083) 969 9633

176) Maritime Bank An Sương
Số 207-209 Đường Trường Chinh, P. Tân Thới Nhất, Q. 12, TP. HCM
ĐT: (083) 7040 084 - Fax: (083) 7040 083

177) Maritime Bank Thị Nghè
Số 141 Xô Viết Nghệ Tĩnh, P. 17, Q. Bình Thạnh, TP. HCM
ĐT: (083) 5144 803 - Fax: (083) 5144 798

178) Maritime Bank Bình Thạnh
Số 27 Đường D2, P. 25, Q. Bình Thạnh, TP. HCM
ĐT: (083) 512 1090 / 512 1092 - Fax: (083) 512 1089

179) Maritime Bank Phú Nhuận
Số 49A Phan Đăng Lưu, P. 7, Q. Phú Nhuận, TP. HCM
ĐT: (083) 551 1617 / 18 - Fax: (083) 551 3619

180) Maritime Bank Phan Xích Long
Số 143-145 Phan Xích Long, P. 7, Q. Phú Nhuận, TP. HCM
ĐT: (083) 5176102 - Fax: (083) 5176104

181) Maritime Bank Hoàng Văn Thụ
Số 139C Hoàng Văn Thụ, P. 8, Q. Phú Nhuận, TP. HCM
ĐT: (083) 9977933 - Fax: (083) 9977934

182) Maritime Bank Phan Đình Phùng
Số 35-37 Đường Phan Đình Phùng, P. 17, Q. Phú Nhuận, TP. HCM
ĐT: (083) 9956031

183) Maritime Bank Nguyễn Văn Trỗi
Số 135 Nguyễn Văn Trỗi, P. 12, Q. Phú Nhuận, TP. HCM
ĐT: (083) 9979568 - Fax: (083) 9977467

184) Maritime Bank Gò Vấp
Số 267 Quang Trung, P. 10, Q. Gò Vấp, TP. HCM
ĐT: (083) 989 7944 - Fax: (083) 989 7949

185) Maritime Bank Cộng Hoà
Số 423 Đường Cộng Hoà, P. 15, Q. Tân Bình, TP. HCM
ĐT: (085) 434 1676 - Fax: (085) 434 1672

186) Maritime Bank Lạc Long Quân
Số 1230 Đường Lạc Long Quân, P. 8, Q. Tân Bình, TP. HCM
ĐT: (083) 971 8125 - Fax: (083) 971 8122

187) Maritime Bank Bàu Cát
Số 207-209 Bàu Cát, P.12, Q. Tân Bình, TP HCM
ĐT: (083) 949 0181 - Fax: (083) 949 0994

188) Maritime Bank Phổ Quang
Khu A, Tòa nhà Waseco, số 10 Đường Phổ Quang, P. 2, Q. Tân Bình, TP. HCM
ĐT: (083) 997 9506/08 - Fax: (083) 997 9511

189) Maritime Bank Trường Sơn
Số 101 Đường Trần Quốc Hoàn, P. 4, Q. Tân Bình, TP. HCM
ĐT: (083) 9487012 - Fax: (083) 9487013

190) Maritime Bank Lữ Gia
Số 328 Lý Thường Kiệt, P. 6, Q. Tân Bình, TP. HCM
ĐT: (083) 864 5339 / 864 5340 - Fax: (083) 864 5337

191) Maritime Bank Lê Thị Riêng
Số 699 Đường Cách mạng Tháng Tám, P. 6, Q. Tân Bình, TP. HCM
ĐT: (083) 977 0257 / 970.8046

192) Maritime Bank Bình Tân
Số 301 Vành Đai Trong, P. Bình Trị Đông B, Q. Bình Tân, TP. HCM
ĐT: (083) 8172876 - Fax: (083) 8172879

193) Maritime Bank Lê Trọng Tấn
Số 79 Lê Trọng Tấn, P. Sơn Kỳ, Q. Tân Phú, TP. HCM
ĐT: (083) 816 0491 - Fax: (083) 816 0493

194) Maritime Bank Tân Phú

Số 710 Lũy Bán Bích, P. Tân Thành, Q. Tân Phú, TP. HCM
ĐT: (083) 813 0282 - Fax: (083) 813 0283

KHU VỰC ĐỒNG NAI

195) Maritime Bank Đồng Nai
Số 3/12 - 3/12A Đồng Khởi, P. Tam Hiệp, TP. Biên Hòa, Đồng Nai
ĐT: (061) 3857 588 / 088 - Fax: (061) 3895 858

196) Maritime Bank Tân Mai
Số 100/497 Đường Phạm Văn Thuận, P. Tân Mai, TP. Biên Hòa, Đồng Nai
ĐT: (061) 8822 545 - Fax: (061) 8822 546

197) Maritime Bank Tân Biên
Số 97/7 Khu phố 5A, P. Tân Biên, TP. Biên Hòa, Đồng Nai
ĐT: (0613) 886 919/929 - Fax: (0613) 886 939

KHU VỰC BÌNH THUẬN

198) Maritime Bank Bình Thuận
Số 154 Đường Trần Hưng Đạo, P. Phú Thủy, TP. Phan Thiết, Tỉnh Bình Thuận
ĐT: (0623) 834393 / 94- Fax: (0623) 833394

KHU VỰC TÂY NINH

199) Maritime Bank Tây Ninh
Số 403 đường Cách Mạng Tháng Tám, P. 3, TX. Tây Ninh, Tỉnh Tây Ninh
ĐT: (0663) 822 666

KHU VỰC BÌNH DƯƠNG

200) Maritime Bank Bình Dương
Tầng 1, 2 Toà nhà New Horizon, 230 Đại lộ Bình Dương, P. Phú Hoà, TX. Thủ Dầu Một, Bình Dương
ĐT: (0650) 2220270 - Fax: (0650) 2220276

201) Maritime Bank Phú Cường
Số 27 Yersin, P. Phú Hòa, TX. Thủ Dầu Một, Bình Dương
ĐT: (0650) 385 5372 - Fax: (0650) 385 5373

202) Maritime Bank Mỹ Phước
Số 18-19, Lô L67, Khu dân cư cấp 3A, xã Thới Hòa, H. Bến Cát, Bình Dương
ĐT: (06503) 510 218/19 - Fax: (06503) 510 220

KHU VỰC LONG AN

203) Maritime Bank Long An
Toà nhà Bưu điện Tỉnh Long An, 55 Trương Định, P. 1, TP. Tân An, Tỉnh Long An
ĐT: (0723) 839049 - Fax: (0723) 839019

KHU VỰC TIỀN GIANG

204) Maritime Bank Tiền Giang
Số 71A Nam Kỳ Khởi Nghĩa, P. 4, TP. Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang
ĐT: (0733) 959888 - Fax: (0733) 959889

KHU VỰC BÀ RỊA VŨNG TÀU

205) Maritime Bank Vũng Tàu
Số 55-57 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, TP. Vũng Tàu
ĐT: (0643) 859 905 - Fax: (0643) 859 903

206) Maritime Bank Đồng Xuyên
Số 572 Đường 30/4, P. Rạch Dừa, TP. Vũng Tàu
ĐT: (0643) 615 464 - Fax: (0643) 615 474

207) Maritime Bank Ba Cu
Số 304 Lê Hồng Phong, P. 4, TP. Vũng Tàu
ĐT: (0643) 527 768 - Fax: (0643) 527 769

208) Maritime Bank Trưng Trắc
Số 04 Trưng Trắc, P. 1, TP. Vũng Tàu
ĐT: (0643) 513 131 - Fax: (0643) 513 130

209) Maritime Bank Bà Rịa
Số 28-30 Nguyễn Hữu Thọ, P. Phước Trung, TX. Bà Rịa
ĐT: (0643) 717 468 - Fax: (0643) 717 464

210) Maritime Bank Phú Mỹ
Lô 20-21A, QL51 (Cảng Chínfon), TT. Phú Mỹ, H. Tân Thành
ĐT: (0643) 890 448 - Fax: (0643) 890 338

KHU VỰC CẦN THƠ

211) Maritime Bank Cần Thơ
Số 40 Phan Đình Phùng, Q. Ninh Kiều, TP. Cần Thơ
ĐT: (07103) 824 792 - Fax: (07103) 820 279

212) Maritime Bank Hưng Lợi
Số 188A Đường 3/2, P. Hưng Lợi, Q. Ninh Kiều, TP. Cần Thơ
ĐT: (07103) 782 783 - Fax: (07103) 782 796

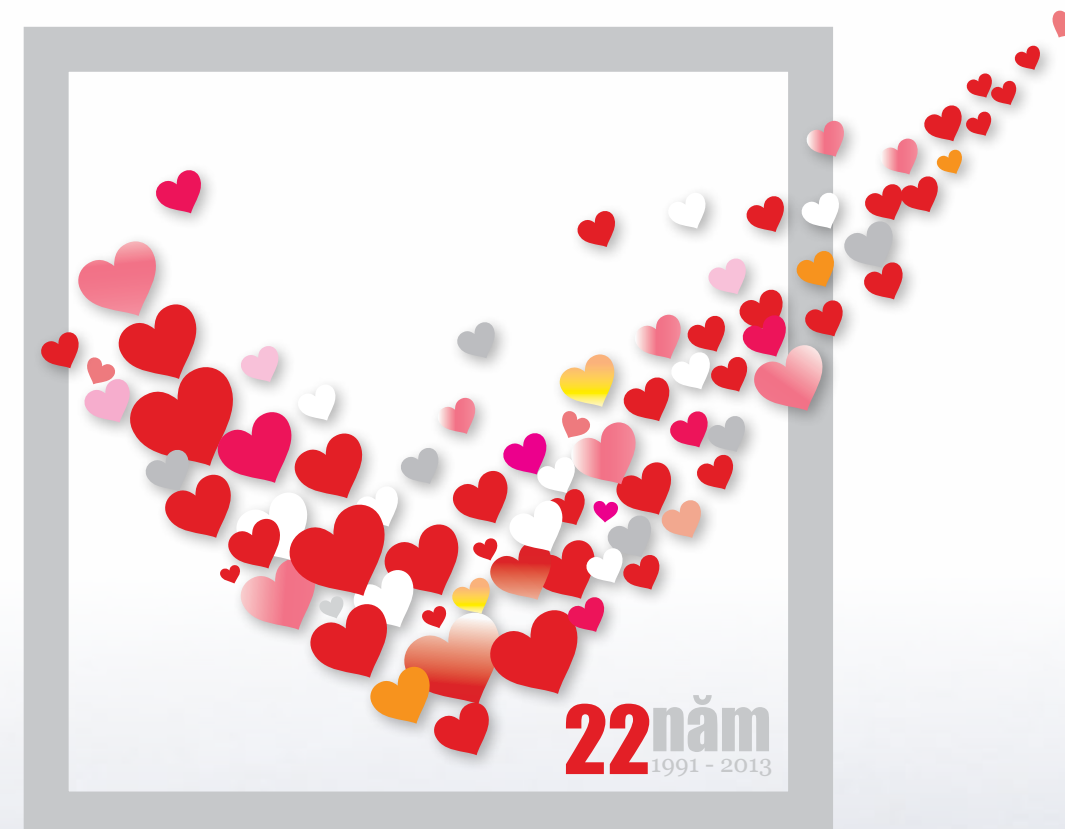
213) Maritime Bank An Thới
Số 304, Đường Cách mạng Tháng Tám, P. An Thới, Q. Bình Thủy, TP. Cần Thơ
ĐT: (07103) 880 509 - Fax: (07103) 880 507

214) Maritime Bank Thốt Nốt
Lô C6, Khu dân cư TT thương mại, P. Thốt Nốt, Q. Thốt Nốt, TP. Cần Thơ
ĐT: (07103) 612 769 - Fax: (07103) 612 767

KHU VỰC KIÊN GIANG

215) Maritime Bank Kiên Giang
Số 25 đường Điện Biên Phủ, P. Vĩnh Quang, TP. Rạch Giá, Tỉnh Kiên Giang
ĐT: (0773) 913 555 - Fax: (0773) 913 777

- ✓ DỊCH VỤ KHÁCH HÀNG CHUYÊN NGHIỆP
- ✓ NGÂN HÀNG TRỰC TUYẾN TIÊU BIỂU
- ✓ CẠNH TRANH BẰNG SỰ KHÁC BIỆT
- ✓ ƯU ĐÃI TỐI ĐA
- ✓ KHÔNG NGỪNG SÁNG TẠO



Uơm mầm giá trị, gặt hái tin yêu!





Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam

Maritime Bank Tower, 88 Láng Hạ, Quận Đống Đa, Hà Nội
Tel: (84-4) 3771 8989 Fax: (84-4) 3771 8899 Call Center: (04) 39 44 55 66

Email: msb@msb.com.vn Website: www.msb.com.vn

Tạo lập giá trị bền vững